

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(GIAI ĐOẠN 2019-2023)

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 02/2024

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING





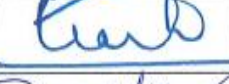










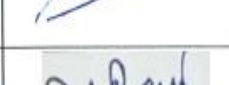
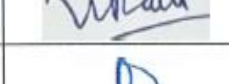
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(GIAI ĐOẠN 2019-2023)

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 02/2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ

Thành viên Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo
ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-DHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Tiến Đạt	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Huỳnh Thị Thu Sương	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Phó Chủ tịch	
4	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên	
6	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Thành viên	
7	Phan Thị Hằng Nga	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thành viên	
8	Hoàng Thái Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Thành viên	
9	Nguyễn Thanh Hải	Tiến sĩ, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
10	Nguyễn Thái Châu	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên	
11	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Trúc Hà	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện	Thành viên	
13	Trần Thế Nam	Tiến sĩ, Phó Trưởng bộ môn – Phụ trách bộ môn Quản trị bán hàng	Thành viên	
14	Vũ Hồng Vân	Tiến sĩ, giảng viên chính - Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên	
15	Phạm Văn Hà	Học viên lớp MBA19-1 CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh	Thành viên	

Danh sách gồm có: 15 người./.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	vi
PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	6
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	20
TIÊU CHUẨN 1 MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Error! Bookmark not defined.
Mở đầu	20
Tiêu chí 1.1.	20
Tiêu chí 1.2.	25
Tiêu chí 1.3.	26
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	28
TIÊU CHUẨN 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	29
Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1.	29
Tiêu chí 2.2.	31
Tiêu chí 2.3.	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	35
TIÊU CHUẨN 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 3.1.	35
Tiêu chí 3.2..	37
Tiêu chí 3.3..	39
Kết luận về tiêu chuẩn 3	41
TIÊU CHUẨN 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 4.1.	42
Tiêu chí 4.2..	44

Tiêu chí 4.3.	46
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	47
TIÊU CHUẨN 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC...	Error!
Bookmark not defined.	
Mở đầu	48
Tiêu chí 5.1.	48
Tiêu chí 5.2..	51
Tiêu chí 5.3.	53
Tiêu chí 5.4	54
Tiêu chí 5.5.	56
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	57
TIÊU CHUẨN 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	Error!
Bookmark not defined.	
Mở đầu	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.1	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.2	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.3	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.4	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.5.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.6	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.7	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	Error! Bookmark not defined.
TIÊU CHUẨN 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	Error! Bookmark not defined.
Mở đầu	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.1	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.2	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.3	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.4	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.5	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	Error! Bookmark not defined.
TIÊU CHUẨN 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	
.....	Error! Bookmark not defined.

Mở đầu	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.1	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.2	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.3.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.4	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.5	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	Error! Bookmark not defined.
TIÊU CHUẨN 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	Error! Bookmark not defined.
not defined.	
Mở đầu	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.1	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.2	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.3	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.4.....	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.5..	Error! Bookmark not defined.
Kết luận Tiêu chuẩn 9	Error! Bookmark not defined.
TIÊU CHUẨN 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	104
Mở đầu	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 10.1	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 10.2	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 10.3	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 10.4	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 10.5	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 10.6	Error! Bookmark not defined.
TIÊU CHUẨN 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA	Error! Bookmark not defined.
Mở đầu	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 11.1	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 11.2	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 11.3	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 11.4	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 11.5	Error! Bookmark not defined.
Kết luận Tiêu chuẩn 11:.....	Error! Bookmark not defined.

PHẦN III: KẾT LUẬN	104
1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục	119
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục	123
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.	126
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo Thông tư 04/2016.....	131
PHẦN IV. PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	134
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách	155
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT	161

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BGH	Ban Giám hiệu
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ELO	Chuẩn đầu ra (kết quả học tập mong đợi)
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
GVDN	Giảng viên doanh nhân
HĐKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo
HP	Học phần
HV	Học viên
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NV	Nhân viên
PEO	Mục tiêu đào tạo
PGS	Phó Giáo sư

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Danh mục bảng biểu

Bảng 1.1: Tính kết nối giữa Tâm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh	22
Bảng 4.2: Sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT	44
Bảng 5.13: Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CĐR của CTĐT	49
Bảng 6.14: Bảng thống kê số lượng GV Khoa QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây	Error! Bookmark not defined.
Bảng 6.2.15: Tỷ lệ HV trên 1 GV qua từng năm học.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 6.2.26: Thống kê số lượng GV Khoa QTKD ngành QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 6.67: Các hình thức đánh giá và các loại khen thưởng	Error! Bookmark not defined.
Bảng 6.7.18: Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm	Error! Bookmark not defined.
Bảng 6.7.29: Số lượng bài báo của GV qua từng năm..	Error! Bookmark not defined.
Bảng 6.7.310: Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy	Error! Bookmark not defined.
Bảng 7.111: Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên	Error! Bookmark not defined.
Bảng 8.112: Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học	Error! Bookmark not defined.
Bảng 8.413: Các hoạt động hỗ trợ NH trong quá trình học	Error! Bookmark not defined.
Bảng 10.114: Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 10.615: Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống	Error! Bookmark not defined.
Bảng 11.1.116: Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học	Error! Bookmark not defined.

- Bảng 11.1.217: Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành QTKD (Khoa QTKD) của 5 khoá gần nhất**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.1.318: Tỷ lệ NH thôi học ngành QTKD của 5 khoá gần nhất **Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.1.419: Đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của 5 khoá gần nhất của Viện QTQT giữa ngành QTKD với ngành Marketing, ngành KDQT.....**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.3.120: Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của ngành QTKD (%)**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.3.221: Thống kê môi trường làm việc của NH ngành QTKD tốt nghiệp (%)**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.4.122: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH của NH Khoa QTKD qua các năm**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.4.223: Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Khoa QTKD với NH các khoa khác thuộc trường**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11.4.324: Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Trường Đại học Tài chính – QTKD với cơ sở đào tạo khác**Error! Bookmark not defined.**

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trường ĐH Tài chính-Marketing được Bộ GD&ĐT cho phép cho đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) trình độ thạc sĩ từ đầu năm 2011, nhằm đào tạo những thạc sĩ QTKD có đủ năng lực về kiến thức; kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; phẩm chất, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực Kinh doanh và Quản trị trong các doanh nghiệp/tổ chức, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh môi trường bất định, hội nhập quốc tế và kinh tế số. Người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản trị, kinh doanh, kinh tế, xã hội; có kiến thức tổng quát về hoạt động doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp và kinh doanh, khởi nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có kiến thức vững chắc về các quy trình, và cách thức vận hành quy trình trong doanh nghiệp; kiến thức về các vấn đề có liên quan đến luật pháp và các chuẩn mực đạo đức trong quá trình hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, người học có khả năng ứng dụng các kết quả học tập, nghiên cứu khoa học, công nghệ trong giải quyết công việc, xử lý tình huống và hình thành các giải pháp quản trị; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, học tập và tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; hình thành kỹ năng học tập suốt đời.

Kết cấu của báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD trình độ Thạc sĩ gồm 04 phần:

- Phần I. Khái quát: báo cáo tóm tắt về Trường ĐHTCM; Khoa Quản trị Kinh doanh (QTKD), Viện Đào tạo Sau đại học (VĐTSDH) và Báo cáo TĐG.

- Phần II. Tự đánh giá Theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục: (1) Mô tả; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

- Phần III. Kết luận: tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

- Phần IV. Phụ lục.

Nội dung của báo cáo TĐG: Tập trung TĐG 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- **Về mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT:** Mục tiêu và CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành KĐQT do đơn vị chủ quản xây dựng và được thông qua Hội đồng Khoa học của Khoa, Hội đồng Khoa học của Trường ĐHTCM, đảm bảo mục tiêu của CTĐT hướng đến và đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Trường; CĐR phù hợp với yêu cầu của người học và nhu cầu của xã hội.

- **Về bản mô tả CTĐT:** Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng với đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, ... và cập nhật theo yêu cầu của CĐR, đề cương học phần (ĐCHP) và ma trận tích hợp CĐR các học phần. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa thông qua các ĐCHP. Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa QTKD và Viện ĐTSĐH.

- **Về cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học (CTDH):** CTDH trình độ thạc sĩ ngành QTKD có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về CĐR và khả năng học tập nâng cao trình độ. Khung CTĐT bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Các học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp.

- **Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học:** Phương pháp dạy và học được xây dựng phù hợp với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ và đặc điểm chuyên ngành đào

tạo nhằm đạt được CDR. Triết lý dạy học thể hiện rõ trong mục tiêu đào tạo của chuyên ngành của CTĐT. Giảng viên (GV) được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với học chế đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá kết quả học tập theo hướng giúp người học (NH) phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm.

- **Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học:** Các quy định về đánh giá KQHT của NH được thông báo công khai trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, HV được GV phổ biến kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra, đánh giá cho học phần đó. GV sử dụng phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học dễ dàng thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp cần thiết.

- **Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:** Nhà trường coi việc quy hoạch, đào tạo phát triển và chuẩn hóa đội ngũ GV là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển Trường. Tại Khoa QTKD, đội ngũ GV giảng dạy trình độ thạc sĩ ngành QTKD cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng, được quy hoạch, tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ, có phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn phù hợp đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng.

- **Về đội ngũ nhân viên:** Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHTCM và Khoa QTKD đảm bảo về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh được thực hiện công khai, minh bạch, tạo động lực phấn đấu và phát triển cho nhân viên.

- **Về người học và hoạt động hỗ trợ người học:** Người học đóng vai trò trung tâm và chủ động tham gia vào quá trình đào tạo. Trường và Khoa QTKD xây dựng môi trường học đường và tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ người học như: thành lập Trung

tâm Tuyển sinh - Quan hệ doanh nghiệp (TTTS-QHDN); phát huy vai trò đội ngũ cố vấn học tập (CVHT) để tư vấn cho HV giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình đào tạo; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo (QLĐT); thường xuyên tổ chức các chương trình ngoại khóa dưới các hình thức giao lưu giữa HV và doanh nghiệp (DN...

- **Về cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị:** Trường ĐHTCM và Khoa QTKD chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp, cũng như quản lý sử dụng có hiệu quả CSVC, trang thiết bị đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trường và Khoa QTKD chủ động liên kết các DN, các tổ chức ngoài Trường để hợp tác, hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- **Về nâng cao chất lượng:** Việc nâng cao chất lượng CTĐT luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu và Khoa đặc biệt quan tâm. Khoa QTKD cũng đã có nhiều hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) ngành QTKD như: định kỳ 2 năm một lần rà soát, đánh giá CTĐT để làm cơ sở cho việc hoàn thiện CTĐT; đánh giá KQHT của người học và khảo sát ý kiến của các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tương thích của CTĐT với CĐR; đồng thời sử dụng các kết quả NCKH để cải thiện hoạt động dạy và học.

- **Về kết quả đầu ra:** Hàng năm, Trường ĐHTCM và Khoa QTKD đều tiến hành việc thống kê, so sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của HV, đồng thời thực hiện khảo sát cựu HV về tình hình việc làm và mức thu nhập bình quân hàng tháng của HV sau khi tốt nghiệp, nhằm đánh giá chất lượng của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Hàng năm, Nhà trường và Khoa QTKD đều phát động phong trào NCKH và tổ chức các hội nghị, hội thảo NCKH cho HV.

Mã hóa minh chứng (MC): Mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn có một hệ thống MC đi kèm. Các MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó:

- H là hộp MC

- n là số thứ tự hộp MC
- ab là số thứ tự tiêu chuẩn
- cd là số thứ tự tiêu chí
- ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích TĐG: giúp Trường và Khoa QTKD có sự đánh giá khách quan, toàn diện và có hệ thống về tình trạng CTĐT ngành QTKD, đặt cơ sở khoa học cho việc xây dựng kế hoạch hành động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa QTKD trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác đào tạo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và góp phần tích cực vào việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu của phát triển Trường ĐHTCM. Kết quả TĐG còn là căn cứ để Trường và Khoa QTKD đăng ký thực hiện đánh giá ngoài.

Quy trình TĐG: Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ; Bước 2. Lập kế hoạch TĐG; Bước 3. Họp Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, Nhóm Công tác để triển khai và phân công; Bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm theo yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); Bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn Trường.

Phương pháp TĐG: đối sánh với tiêu chí chất lượng và thang điểm đánh giá, kết hợp sử dụng kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung (bao gồm các thành viên của nhóm công

tác) xác định các điểm mạnh cần phát huy; các điểm yếu cần khắc phục, từ đó đánh giá điểm cho từng tiêu chí và đề xuất các kế hoạch hành động.

Công cụ TĐG:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của BGDĐT, ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL CTĐT của Trường ĐH, CĐ, TCCN.

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, của BGDĐT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1704/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28/6/2017, của Cục Khảo thí-Kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

- Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2019, của Cục Quản lý chất lượng v/v thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GĐĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCLKĐCLGD.

- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, v/v Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn 774/QLCL-KĐCLGD, ngày 10/6/2021, của Cục Quản lý chất lượng v/v điều chỉnh một số phụ lục Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD

- Chương trình tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo TĐG của Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về Trường Đại học Tài chính - Marketing

Tiền thân là Trường cán bộ vật giá Trung ương miền Nam, trải qua các giai đoạn phát triển, đến năm 2004 Trường được nâng cấp thành Trường đại học bán công

Marketing; đến năm 2009 đổi tên thành Trường đại học Tài chính - Marketing. Tháng 3 năm 2015, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 - 2017 theo Nghị quyết số 77-NQ/CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ (tại Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015). Đến tháng 8 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing.

Hiện nay, Trường Đại học Tài chính - Marketing là một cơ sở GDDH công lập được giao quyền tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Luật GDDH năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Sứ mạng: Trường ĐHTCM đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHTCM trở thành một trường ĐH đa ngành, đa cấp độ và là một trung tâm nghiên cứu - tư vấn về kinh doanh và quản lý đạt đẳng cấp quốc gia và khu vực.

Các giá trị cốt lõi:

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp*: Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức phục vụ đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê*: Trường ĐHTCM là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ GV, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh (NCS). Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra tạo những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp Trường ĐHTCM gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng và hiệu quả*: Chất lượng - hiệu quả vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu để trường ĐHTCM đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

Mục tiêu phát triển chung của Trường được xác định tại Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 17/10/2022 của Hội đồng trường phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045 nêu rõ: “*Đến năm 2026, Trường Đại học Tài chính – Marketing trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng, duy trì đạt chuẩn quốc gia cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 04 chương trình đạt chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến hết 2030, trường đạt cấp trường đại học uy tín của khu vực ASEAN; đến hết 2045, trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học danh tiếng khu vực Châu Á (Theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành cơ sở giáo dục định hướng ứng dụng hàng đầu của Việt Nam và khu vực ASEAN*”.

* Chiến lược tổng thể của Trường Đại học Tài chính - Marketing đến năm 2030:

(1) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động quan trọng là đào tạo đại học, sau đại học và đẩy mạnh NCKH đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tập trung đầu tư cho 07 chuyên ngành (Tài chính doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Ngân hàng, Bảo hiểm, QTKD tổng hợp, Quản trị dự án và Thẩm định giá) để nhóm này sớm đạt chuẩn top 200 khu vực vào năm 2025.*

(2) *Thực hiện sự khác biệt hóa một cách sâu rộng trong các hoạt động của Trường: Trong đào tạo, Trường phát triển những chuyên ngành hẹp, khác biệt với nhiều trường*

thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý. Trong NCKH, Trường đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các tổ chức và DN. Trường tiến hành xây dựng văn hóa tổ chức với những nét đặc trưng, độc đáo.

(3) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động tại địa bàn trọng tâm:* Địa bàn hoạt động trọng tâm đối với NCKH, đào tạo đại học và sau đại học của Trường là các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

(4) *Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình trường đại học:* Phát triển các đơn vị hoạt động trong những lĩnh vực mà Trường có thế mạnh, một số lĩnh vực hoạt động mang bản sắc của Trường như: Marketing, thẩm định giá, kinh doanh bất động sản, hải quan, quản trị bán hàng, chính sách tài chính công.

(5) *Hoàn thiện công tác quản lý theo hướng hiện đại hóa, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm:* Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong giáo dục - đào tạo, triển khai hệ thống quản trị chất lượng giáo dục tiên tiến.

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy Trường

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTCM ban hành kèm theo Quyết nghị số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: (1) Hội đồng trường; (2) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (sau đây gọi là BGH); (3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo; (4) Hội đồng tư vấn; (5) Các phòng, viện chức năng; (6) Các đơn vị đào tạo và nghiên cứu; (7) Các đơn vị phục vụ, hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu; (8) Các đơn vị dịch vụ [xem Sơ đồ cơ cấu tổ chức].

Trường có 13 khoa, 3 viện đào tạo, 2 trung tâm, 13 phòng chức năng. Trường triển khai CTĐT từ trình độ cao đẳng đến trình độ tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị DN. Qui mô đào tạo khoảng 20.000 SV, học viên và nghiên cứu sinh. Công tác quản lý đào tạo (QLĐT) của Trường được giao cho 4 đơn vị đầu mối là Phòng QLĐT,

Viện đào tạo sau đại học, Viện đào tạo thường xuyên, Viện Đào tạo quốc tế. Hình thức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông đại học chính quy, liên thông đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2, liên kết đào tạo với nước ngoài. Các ngành đào tạo bao gồm:

- Đào tạo đại học:

Chương trình chuẩn và đặc thù: 14 ngành với 29 chuyên ngành.

Chương trình CLC: 6 ngành với 10 chuyên ngành.

Chương trình CLC tiếng Anh toàn phần: 3 ngành với 3 chuyên ngành.

- Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ: 2 ngành (TCNH và QTKD)

- Đào tạo liên kết quốc tế: 5 ngành cử nhân và 01 ngành tiến sĩ.

Về đội ngũ nhân lực, tính đến tháng 12/2023, tổng số công chức, VC và lao động hiện đang làm việc tại Trường là 610 người, trong đó có 9 phó giáo sư, 88 tiến sĩ, 369 thạc sĩ.

Về NCKH, Trường đầu tư cấp kinh phí cho hoạt động NCKH theo quy định, có chế độ khuyến khích GV, VC thực hiện NCKH. Hằng năm tham gia đấu thầu và thực hiện các đề tài cấp bộ, sở ban ngành, địa phương. Loại hình NCKH của GV, SV đa dạng. Các sản phẩm NCKH của GV phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy như giáo trình, tài liệu. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và nước ngoài tăng đáng kể.

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường Đại học Help (Malaysia), trường Đại học UCSI (Malaysia) và trường Đại học Thompson Rivers (Canada) đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành QTKD, Marketing, Tài chính, Kế toán và Quản trị khách sạn. Đối trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, Trường liên kết hợp tác đào tạo với Đại học HELP và UCSI (Malaysia) chuyên ngành QTKD. Ngoài ra, Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như: Trường Đại học Nanyang (Singapore), Trường Đại học IGlobal (Mỹ), Trường Đại học Brescia (Canada), Trường

Đại học Canada West, Trường Đại học Gwang Ju (Hàn Quốc), Trường Đại học Hertfortshire (Anh Quốc), các tổ chức giáo dục như: CPA Australia, Education Phần Lan, Học viện Lithan (Singapore), Trường Đại học St. Francis (Mỹ).

Về CSVC (CSVC), Trường có 1 trụ sở chính tại 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận và 3 cơ sở khác là cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình; cơ sở 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7; cơ sở số B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Thủ Đức. Các cơ sở có đủ giảng đường, phòng học, phòng thực hành máy tính, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng dạy, có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe, có Thư viện phục vụ nhu cầu của SV và GV.

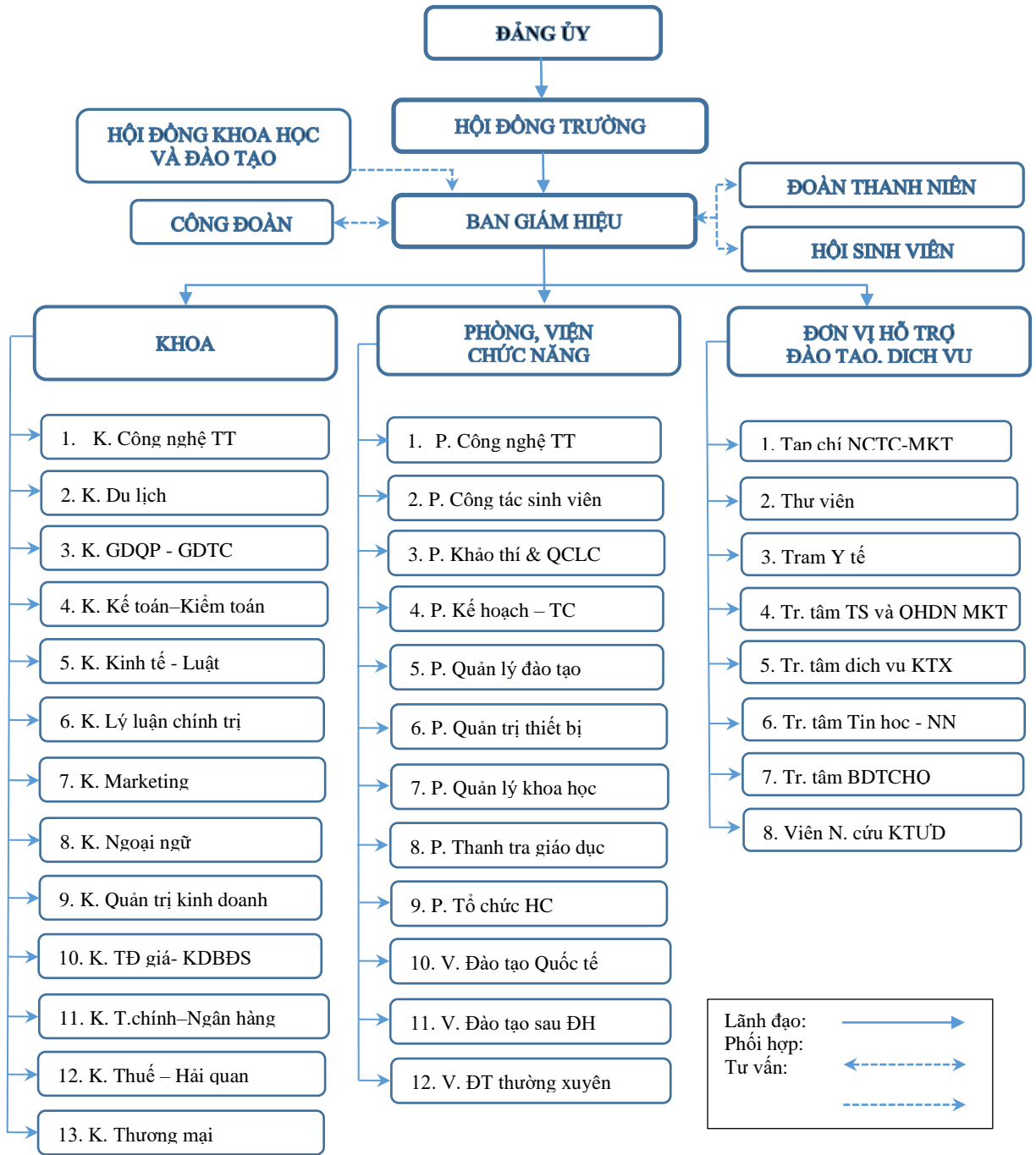
Về tài chính, Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Bộ Tài chính được giao tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Các nguồn thu hợp pháp của Trường tuân thủ theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính và các quy định của Hiệu trưởng về mức thu và đối tượng thu.

Về CTSV (CTSV), Trường luôn quan tâm theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng SV nhằm giải quyết những tâm tư, tình cảm và vướng mắc của SV. Đồng thời, tổ chức nhiều hoạt động hướng SV tham gia vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV và phấn đấu đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về PVCD (PVCD), từ nhiều năm qua Trường tham gia đóng góp các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ người khó khăn tại các vùng miền trong cả nước. VC của Trường tham gia PVCD qua các chương trình và hoạt động thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, học thuật, hỗ trợ SV, thiện nguyện...

Về hệ thống ĐBCL, Trường có mạng lưới Tổ ĐBCL tất cả các đơn vị thuộc Trường và xây dựng mô hình ĐBCL bên trong. Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng

giáo dục-Đại học Quốc gia TP. HCM cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục vào tháng 11/2017; cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 2 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (QTKD, TCNH) và 3 chuyên ngành CLC trình độ đại học (QTKD tổng hợp, Quản trị Marketing, Ngân hàng) vào tháng 12/2019; cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT trình độ đại học đối với 11 ngành (28 chuyên ngành) vào tháng 6/2022. Đến nay Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình cải tiến chất lượng giáo dục.



2.3. Giới thiệu về Khoa Quản trị Kinh doanh

Khoa Quản trị Kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường ĐH bán công Marketing (nay là trường ĐHTCM), tiền thân là Khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing – thành lập năm 1996.

Sứ mạng của Khoa Quản trị Kinh doanh: Phấn đấu kiến tạo những trải nghiệm thực tiễn cho SV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý với các chuyên ngành như QTKD tổng hợp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án, và hướng đến là Quản trị nguồn nhân lực; có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Chương trình giảng dạy của Khoa cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh doanh hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm thực tế cần thiết để thành công trong môi trường làm việc toàn cầu, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và sự phát triển của cộng đồng.

Tầm nhìn của Khoa Quản trị Kinh doanh: Phấn đấu phát triển trở thành một trong số những đơn vị đào tạo, nghiên cứu hàng đầu về kinh doanh và quản lý ở khu vực phía Nam, cả nước và khu vực Đông Nam Á với các CTĐT có chất lượng cao nhất theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của các DN và tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra.

Các giá trị cốt lõi của chương trình dạy học của Khoa Quản trị Kinh doanh:

(1) *Cam kết về chất lượng:* Tiếp cận phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại giúp SV đạt được thành công cá nhân và đóng góp cho xã hội;

(2) *Trách nhiệm xã hội:* Đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có trách nhiệm và đạo đức trong nghề nghiệp cũng như có trách nhiệm đối với xã hội;

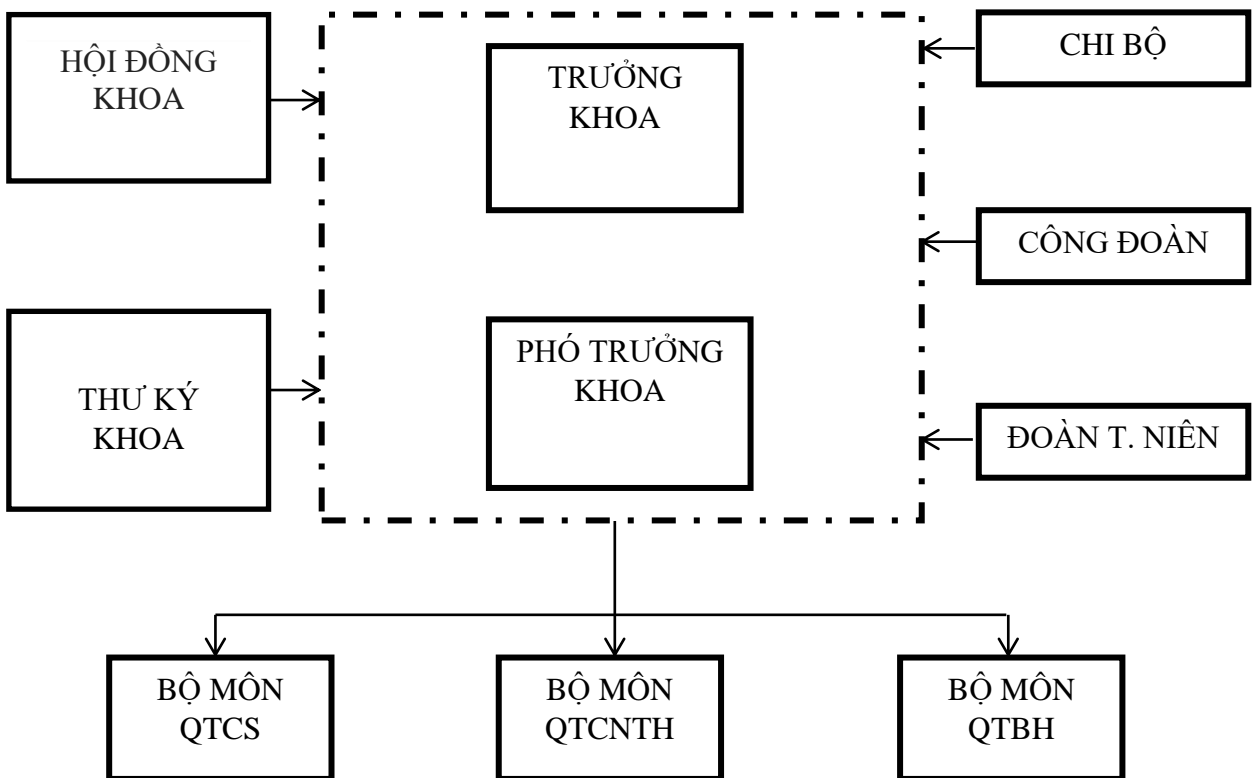
(3) *Tư duy độc lập:* Tạo cơ hội cho SV suy nghĩ phân tích và tư duy độc lập trong việc đưa ra quyết định và xây dựng lòng tin;

(4) *Sáng tạo*: Khuyến khích, hỗ trợ và khen thưởng cho các nỗ lực liên tục tìm kiếm tri thức và các giá trị tinh thần;

(5) *Tính chính trực*: Đào tạo những nhà kinh doanh, nhà quản lý trung thực và đáng tin cậy trong tất cả các hoạt động;

(6) *Tôn trọng sự khác biệt*: Giúp SV biết tôn trọng sự khác biệt để nhận ra giá trị của sự đa dạng.

Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị Kinh doanh: gồm có 01 trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa, 04 trưởng/phó bộ môn, 02 giáo vụ, Hội đồng khoa và các tổ chức Đảng, đoàn thể như chi bộ, tổ công đoàn, đoàn thanh niên. Sơ đồ tổ chức Khoa Quản trị Kinh doanh như sau:



Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Khoa Quản trị Kinh doanh

Nhân sự của Khoa Quản trị Kinh doanh: Tính đến 31/3/2023, khoa QTKD có 03 Bộ môn là Quản trị cơ sở, Quản trị bán hàng và Quản trị chuyên ngành tổng hợp, đội ngũ gồm 36 GV gồm 1 PGS, 12 TS, 24 ThS, đội ngũ GV của Khoa giàu kinh nghiệm

quản lý và kinh doanh thực tế; có trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng sư phạm, khả năng ngoại ngữ-tin học, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, tư vấn và hướng dẫn SV; tham gia giảng dạy từ bậc ĐH đến TS của Trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có 02 giáo vụ được phân công công việc cụ thể là: công tác hành chính và hỗ trợ các công việc liên quan khác.

Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm của Khoa Quản trị Kinh doanh: được chú trọng thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo đủ số lượng và chất lượng đội ngũ GV- viên chức cho Khoa Quản trị Kinh doanh. Đội ngũ GV của Khoa Quản trị Kinh doanh được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng với tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng, công khai cũng góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển đội ngũ GV của Khoa và Trường.

NCKH của Khoa QTKD: Khoa QTKD tổ chức các Hội thảo cấp Khoa và Trường hằng năm. GV Khoa QTKD tham gia đề tài NCKH cấp Bộ, Sở ban ngành và đề tài nhánh cấp nhà nước; chủ biên giáo trình và bài giảng về lĩnh vực quản trị; có bài báo, kỷ yếu đăng trên tạp chí trong và ngoài trường; tham gia viết sách tham khảo, chuyên khảo. Ngoài ra, SV của Khoa cũng tham gia NCKH và đạt nhiều giải thưởng.

Hoạt động đào tạo của Khoa QTKD: Khoa và các Bộ môn xây dựng và phát triển CTĐT cho từng khóa học; triển khai rà soát định kỳ, thường xuyên nội dung CTĐT, đề cương, bài giảng, giáo trình; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá năng lực SV; chú trọng công tác CVHT. Khoa đào tạo chính quy trình độ CĐ ngành QTKD, trình độ ĐH chuyên ngành QTKD TH, QTBH và QTDA. Tính đến nay Khoa đào tạo 17 khóa tuyển sinh; tổ chức đào tạo các lớp bồi dưỡng kỹ năng quản trị, kinh doanh ngắn hạn; thực hiện các dự án tư vấn kinh doanh và tư vấn quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân, DN và các tổ chức xã hội. Khoa đã xây dựng và đào tạo 3 chuyên

ngành bậc ĐH: QTKD TH, QTBH, QTDA; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. CTĐT được xây dựng đúng quy định và trải qua 03 lần điều chỉnh, rà soát tổng thể để hoàn thiện, cải tiến.

Hoạt động kết nối DN: được chú trọng thường xuyên, Khoa QTKD có mối liên hệ với nhiều DN như AEON, Savimex, Sagonap, Tôn Hoa Sen, Misa ... qua đó tạo điều kiện cho SV được tham quan DN, trao đổi các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng cần thiết cho SV và kinh nghiệm khởi nghiệp; hỗ trợ cung cấp thông tin về nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, tham gia đóng góp ý kiến về CTĐT của Khoa.

Quy mô NH: Khoa tuyển NH đầu vào với số điểm tương đối cao; hiện nay, Khoa QTKD có quy mô hơn 3000 người học các hệ. NH của khoa tốt nghiệp đa số đều có việc làm trong ngành đúng và gần với chuyên ngành đào tạo, và nhiều cựu NH của Khoa hiện đang nắm giữ những vị trí chủ chốt trong các DN và tổ chức chính trị, xã hội.

Hoạt động CLB (câu lạc bộ) đội nhóm SV: Khoa QTKD vẫn đang duy trì hoạt động của các CLB: CLB sự kiện; CLB NCKH; CLB khởi nghiệp, CLB nhà lãnh đạo trẻ, CLB tình nguyện. Đây là môi trường tốt để SV rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn.

Công tác Đảng, đoàn thể: Chi bộ Khoa QTKD, tổ công đoàn, đoàn thanh niên khoa đã phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo khoa, xây dựng tập thể Khoa Quản lý đoàn kết, tạo động lực to lớn thực hiện chiến lược và mục tiêu của Khoa, Trường đề ra.

Công tác ĐBCL: Tổ ĐBCL Khoa QTKD gồm 11 người, thực hiện công tác liên quan đến chất lượng giáo dục do Trường quy định; hệ thống hóa văn bản chứng từ của Khoa và lưu trữ dưới dạng số hóa bằng công cụ Onedrive. Thường xuyên khảo sát hoạt động giảng dạy của Khoa thông qua SV, cựu SV và DN.

CSV, trang thiết bị: Khoa QTKD có 01 văn phòng khoa tại Trụ sở chính 778 Nguyễn Kiệm, P.4, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM. Tại văn phòng Khoa có bố trí phòng làm việc riêng cho Trưởng khoa, khu vực làm việc của bộ phận giáo vụ, khu vực làm việc của GV, khu vực tiếp SV, khu vực họp khoa, bộ môn. Khoa được trang bị đầy đủ dụng cụ, máy móc, trang thiết bị để thực hiện công tác quản lý đào tạo. Khoa có Website là www.khoaqtkd.ufm.edu.vn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết như: nội dung CTĐT, CDR, đội ngũ GV, các hoạt động của Khoa cho tất cả mọi đối tượng từ GV, SV, phụ huynh và xã hội.

Với thời gian gần 24 năm thành lập và phát triển, Khoa QTKD đã xác lập được uy tín đào tạo trên địa bàn các tỉnh phía Nam và dần vươn ra các tỉnh phía Bắc cũng như miền Trung, Tây Nguyên. Là một trong những khoa có nhiều thành tích nổi bật của Trường, Khoa luôn phấn đấu không ngừng để tạo lập môi trường đào tạo chất lượng cao, là sự lựa chọn lý tưởng cho SV. Trong những năm sắp tới, Khoa QTKD sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ nội dung CTĐT tiệm cận với chuẩn khu vực châu Á; phát triển hơn nữa đội ngũ GV có trình độ TS, có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh các chương trình của Khoa và Trường.

2.4. Giới thiệu về Viện Đào tạo Sau đại học

Viện Đào tạo Sau đại học được thành lập theo quyết định số 1103/QĐ-ĐHTCM ngày 27/06/2018 của Hiệu trưởng, trên cơ sở tổ chức lại từ Khoa Đào tạo Sau đại học.

Với bề dày hơn 45 năm hoạt động đào tạo, trường Đại học Tài chính - Marketing đã trở thành một trường đại học có uy tín và thương hiệu mạnh trong số các trường đại học ở phía Nam. Với những thành tựu và uy tín đã đạt được, trường Đại học Tài chính - Marketing đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ từ năm 2011. Lúc đầu, chỉ với 190 chỉ tiêu cho hai chuyên ngành Quản trị kinh

doanh và Tài chính - Ngân hàng. Những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo tin nhiệm giao thêm chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ với số lượng năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: năm 2012 với 460 chỉ tiêu, năm 2013, 2014 với 600 chỉ tiêu đào tạo trình độ Thạc sĩ mỗi năm. Từ năm 2015 đến nay, với chủ trương chung là nâng cao chất lượng đào tạo trình độ Thạc sĩ nên nhà trường duy trì qui mô ổn định ở mức 250 - 300 chỉ tiêu/năm.

Đến năm 2019, các chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường đã được chứng nhận kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. Năm 2022, Trường mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Sau hơn 10 năm đào tạo, nay số lượng học viên cao học đã tốt nghiệp đạt hơn 3.000 Thạc sĩ, góp phần cung ứng nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao cho ngành Tài chính và cho xã hội.

Năm 2016, Trường bắt đầu mở ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Quản trị kinh doanh trình độ tiến sĩ và khóa đầu tiên nhập học vào năm 2017. Hiện nay, Trường có hơn 100 nghiên cứu sinh đang học tập, nghiên cứu và đã có nhiều nghiên cứu sinh tốt nghiệp, đảm nhận các vị trí giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu và cán bộ quản lý cấp cao tại cơ quan, doanh nghiệp.

Viện Đào tạo sau đại học không ngừng tập trung đẩy mạnh, đổi mới trong hoạt động đào tạo Sau đại học, góp phần thực hiện Chiến lược Phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn 2045, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Tài chính cũng như cho xã hội, thích ứng với yêu cầu và đòi hỏi ngày càng khắt khe của môi trường năng động và toàn cầu hóa, xứng đáng là địa chỉ tin cậy trong đào tạo trình độ cao của quốc gia, từng bước vươn tầm khu vực.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mở đầu

Mục tiêu và CĐR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học, ngành đào tạo với nhu cầu đào tạo của XH. Do đó, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, TLGD, chiến lược dài hạn của Nhà trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDDH đã quy định tại Luật GDDH, và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CĐR này. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ được xác định rõ ràng, cụ thể: CTĐT ngành QTKD đã thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT trong Quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng số 1822/QĐ-ĐHTCM (năm 2015); 1255/QĐ-ĐHTCM (năm 2017); và 1706/QĐ-ĐHTCM (năm 2018) thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.01], Bản mô tả CTĐT và Đề cương chi tiết học phần thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.02]. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.03] như sau:

Về mục tiêu chung: Mục tiêu chính của chương trình thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị kinh doanh quốc tế và Quản trị Marketing; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu để giải quyết những vấn đề thuộc ngành chuyên ngành được đào tạo. Chương trình góp phần đào tạo nguồn nhân lực quản trị kinh doanh theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực. Bên cạnh đó, chương trình còn hỗ trợ người học tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ở

bậc học cao hơn.

Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

PO1: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên ngành và tư duy phản biện, để đánh giá các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

PO2: Lựa chọn và thiết lập các giải pháp về quản trị chuyên ngành, nghiên cứu và đề xuất các sáng kiến.

Về kỹ năng:

PO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong chuyên ngành QTKD.

PO4: Kỹ năng phân tích dữ liệu, chính sách để hoạch định và ra quyết định quản trị. Có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong phân tích dữ liệu và nghiên cứu chuyên ngành.

PO5: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay phát biểu các chủ đề liên quan đến chuyên ngành QTKD; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn bằng ngoại ngữ.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

PO6: Có năng lực tự nghiên cứu và phát hiện vấn đề thuộc chuyên ngành QTKD và từ đó đề xuất đổi mới sáng tạo.

PO7: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.

Nhằm định hướng rõ ràng sứ mạng đã đề ra, mục tiêu đào tạo của Khoa QTKD được thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành QTKD, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa đã bám sát vào tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.04]. Mục tiêu đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa hai lần nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành QTKD thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.05]. CTĐT cũng được tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, NH, nhà tuyển dụng) để hoàn thiện mục tiêu đào tạo và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình dạy và học của Khoa QTKD thể hiện qua minh chứng [H1.01.01.06]. Mục tiêu của CTĐT cũng được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước như Đại Học Hoa Sen, Đại Học Công Nghệ

TPHCM, Đại Học Công Nghệ Queensland, Đại Học St. Joseph's College, thể hiện qua minh chứng [H1.01.01.07]. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế thể hiện qua [H1.01.01.08].

Bảng 1.1: Tính kết nối giữa Tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành QTKD

	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	Khoa QTKD	Mục tiêu đào tạo ngành QTKD
Tầm nhìn	Đến năm 2045, Trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học hàng đầu Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành một trường đại học có định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam, đồng thời là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh quản lý của Việt Nam và khu vực ASEAN.	Không ngừng nỗ lực và phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo chất lượng quốc tế hàng đầu cả nước, cung cấp các chương trình đào tạo được kiểm định và đạt chuẩn quốc tế để phục vụ cộng đồng và các thế hệ sinh viên. Hướng tới mục tiêu lâu dài và phát triển bền vững.	Mục tiêu chung của chương trình đào tạo giúp người học tiếp thu và hoàn thiện kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, về chính trị và pháp luật, kiến thức kinh doanh và QTKD sâu rộng và toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về kinh doanh và QTKD để làm cơ sở giải quyết những vấn đề QTKD cho doanh nghiệp và tổ chức. Theo chương trình đào tạo này người học thông thạo tiếng Anh để hoạt động chuyên môn trong môi trường toàn cầu; có năng lực chuyên môn sánh vai cùng các nước Đông Nam Á, một số sinh viên có thể đạt được tiêu chuẩn toàn cầu; có kỹ năng nhận thức các vấn đề để phản biện, phân tích, tổng hợp; thực hành nghề
Sứ mạng	Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đạt chuẩn quốc tế đặc biệt ở các lĩnh vực kinh doanh và quản lý và tài chính nhằm phục	

	gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học công nghệ về kinh doanh và quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.	vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội hiện nay và mai sau.	nghiệp, giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ QTKD mà ngành nghề đặt ra; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành QTKD và chuyên ngành QTKD, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; phát triển được được bản thân và tổ chức phù hợp với các tiêu chuẩn pháp lý, đạo đức, trách nhiệm xã hội và phát triển năng lực học tập suốt đời.
--	---	---	--

Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành QTKD với mục tiêu GDDH của Luật GDDH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể: Đối với mục tiêu chung trong luật GDDH là “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” thì mục tiêu chung trong CTĐT ngành QTKD là “Mục tiêu chung của chương trình đào tạo nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị kinh doanh quốc tế và

Quản trị Marketing; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu để giải quyết những vấn đề thuộc ngành chuyên ngành được đào tạo. Chương trình góp phần đào tạo nguồn nhân lực quản trị kinh doanh theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực. Bên cạnh đó, chương trình còn hỗ trợ người học tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ở bậc học cao hơn.

Đối với mục tiêu cụ thể theo luật GDĐH là “Đào tạo trình độ đại học để HV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. Điều này được cụ thể hóa thành bảy mục tiêu cụ thể trong CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ từ PO1 đến PO7.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội, chiến lược phát triển của trường và luật GDĐH. Theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR như đã đề cập. Khoa QTKD thành lập đội ngũ rà soát, soạn thảo CTĐT là những người có chuyên môn cao và kinh nghiệm thuộc ngành của Khoa và của Trường. CTĐT được thẩm định và thông qua bởi Hội đồng thẩm định gồm những chuyên gia đến từ các trường đại học có uy tín và các tổ chức kinh doanh và nghề nghiệp ở Việt Nam, HĐ.KHĐT của Khoa, của Trường. Sau khi CTĐT được HĐ.KH-ĐT thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường ký quyết định ban hành để triển khai vào thực tiễn thể hiện ở [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT QTKD trình độ thạc sĩ được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT QTKD được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát đánh giá của người học, người sử dụng lao động chưa đa dạng đối tượng, chưa thường xuyên tổ chức hội thảo về chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Khoa QTKD tiếp tục lập danh sách cụ thể các tổ chức/DN, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Năm 2024 - 2025, Viện đào tạo SĐH tiếp tục tham khảo các trường ĐH trong và ngoài nước có đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QTKD, xây dựng kế hoạch đánh giá đồng cấp để rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD được xác định rõ ràng trong Quyết định công bố CĐR các ngành đào tạo của Trường ban hành năm 2018 và 2022 thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.03]. Chuẩn đầu ra được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ học phần (HP) thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD được xác định và tuyên bố rõ ràng theo các mục tiêu cụ thể: (1) Về kiến thức gồm 3 CĐR, PLO-1: Đối chiếu các kiến thức sâu rộng của ngành và liên ngành với các kiến thức thực tế tại doanh nghiệp và tổ chức.; PLO-2: Đánh giá và tranh luận các vấn đề chuyên sâu lĩnh vực Quản trị Kinh doanh, từ đó khám phá và nghiên cứu các kiến thức mới.; PLO-3: Hoạch định chiến lược và chính sách cho các tổ chức và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.; (2) Về kỹ năng gồm 4 CĐR: PLO-4: Phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp về quản trị một cách khoa học.; PLO-5: Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những người cùng ngành và liên ngành ; PLO-6: Nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; PLO-7: Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.; (3) Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm gồm 03 CĐR: PLO-8: Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực QTKD.; PLO-09: Thích nghi, tự định hướng, tôn trọng đạo đức và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực QTKD.; PLO-10: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực QTKD. Nhìn chung, 10 mục được thiết kế trong CĐR đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT ngành thạc sĩ QTKD được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP. Trong đó mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp

vào việc đạt được một trong các CĐR của CTĐT thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.05]. CĐR của CTĐT QTKD được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào ma trận giữa mục tiêu – CĐR thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.08]. Chuẩn đầu ra của CTĐT QTKD thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc tiến sĩ là ngành QTKD và các ngành liên quan khác như: Marketing hay Kinh doanh quốc tế.

Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động trong vòng 5 năm và lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR khi xây dựng CTĐT thể hiện qua minh chứng [H1.01.02.09]. Thông qua các biên bản đóng góp ý kiến, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT để đáp ứng CĐR phù hợp. Qua đó giúp GV, NH và các DN hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng đào tạo ngành QTKD của trường Đại học Tài chính Marketing thể hiện qua minh chứng [H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành thạc sĩ QTKD được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của BGD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD và Viện đào tạo SDH chưa thực sự chủ động trong việc khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, GV, chuyên gia và nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024 - 2025, được sự chỉ đạo của BGH nhà trường, Khoa QTKD phối hợp các phòng chức năng: Phòng KT&ĐBCL, Phòng QLĐT và các tổ chuyên môn triển khai bộ CĐR và CTĐT theo hướng tiếp cận Luật giáo dục mới; Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan tới CĐR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Khoa định kỳ 2 năm tiến hành đánh giá và điều chỉnh lại CTĐT QTKD nhằm nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, nhà Trường yêu cầu phải thực hiện có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Nhà trường phân công Hội đồng KH & ĐT trường, Phòng QLĐT, Phòng QLKH là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa thực hiện việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Qua đó, Khoa QTKD lấy ý kiến của chuyên gia, GV, NH, cựu NH, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức như đóng góp trực tiếp tại hội đồng nghiệm thu CTĐT hoặc bằng phiếu khảo sát thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.01]. Quá trình rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo kế hoạch định kỳ của nhà trường, lần gần nhất vào năm 2019 và năm 2021. Năm 2019 và 2021 HĐKH & ĐT Trường họp rà soát và ban hành quyết định thông qua CĐR của CTĐT thạc sĩ QTKD, đồng thời cập nhật, chỉnh sửa CĐR của CTĐT thạc sĩ QTKD thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.01] và [H1.01.03.02]. Tất cả các kết quả của việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa được thể hiện bằng biên bản, Khoa sẽ sử dụng làm căn cứ xây dựng CĐR của CTĐT gửi về Phòng QLĐT, trình qua HĐKH & ĐT Trường để họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai bằng nhiều hình thức đến các Khoa, phòng chức năng GV, NH để thực hiện thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.04].

Chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CĐR được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành QTKD thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.03], có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.05]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan khi cập nhật CTĐT ngành QTKD, Khoa QTKD chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành đào tạo. Đó là sự cam kết của Khoa, Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.03] và [H1.01.03.06].

CĐR của CTĐT ngành QTKD trình độ thạc sĩ được rà soát, cập nhật theo kế hoạch cập nhật chỉnh sửa của CTĐT từ năm 2019, 2021 với những nội dung được biên soạn theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện CĐR của CTĐT được ban hành mỗi năm cùng với CTĐT. Tuy nhiên quá trình rà soát, cập nhật có thể thay đổi hoặc giữ nguyên nội dung cơ bản theo CĐR

đã ban hành. Năm 2019 và 2021, nhà trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại CĐR của CTĐT. Khoa có lập kế hoạch đề xuất nhóm chuyên môn cùng nhau thảo luận và rà soát bảng ma trận của các HP với CĐR, để khẳng định sự phù hợp của CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT thể hiện ở [H1.01.03.04].

Chuẩn đầu ra của CTĐT QTKD trình độ thạc sĩ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo, đồng thời cũng là để CB quản lý, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.07] và [H1.01.03.08].

2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp, có lấy ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và được thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng CĐR chưa mở rộng lấy ý kiến được nhiều DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng CĐR của CTĐT. Việc tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan có thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD tiếp tục thực hiện rà soát và hoàn thiện các CĐR CTĐT theo hướng tiếp cận của BGD&ĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT và kết quả đầu ra của NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường trong việc đào

tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu XH và hội nhập toàn cầu và phù hợp với mục tiêu GDĐH của luật GDĐH. Mục tiêu được thiết kế, xây dựng dựa trên cơ sở kết quả khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phân thành 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học khi ra trường, bao quát được yêu cầu chung và và một số yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp, có lấy ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và được thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng học phần.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay. Sự gắn kết giữa Khoa QTKD với nhà tuyển dụng để nắm bắt nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Có 3/3 tiêu chí đạt trên điểm 4. Mức trung bình: 4; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

TIÊU CHUẨN 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của BGDĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa QTKD gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, PP KTĐG KQHT của người học. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành QTKD có đầy đủ các nội dung. Từ năm 2004, ngành QTKD được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo theo Quyết định số 3299 /QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT & Quyết định số 5789/QĐ-BGDĐT năm 2012 của Bộ

GD&ĐT về việc đào tạo bằng ĐH thứ 2 [H2.02.01.01]. Đến năm 2018, CTĐT được điều chỉnh để phù hợp với quy định của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 03/02/2016, Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.02], như sau: Tên CTĐT; tên gọi của văn bằng; cơ sở đào tạo; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc CTĐT; Đối tượng tuyển sinh; Mô hình đào tạo; Phương pháp dạy và học; Quy trình đào tạo; Thang điểm đánh giá; Kế hoạch giảng dạy; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Ma trận kỹ năng; Nội dung tóm tắt các học phần; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được công bố đa dạng và theo các hình thức gồm: tài liệu tuyển sinh (tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh), sinh hoạt đầu khóa, trang thông tin điện tử của Khoa để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Qua đó, các bên liên quan (GV, NH, nhà tuyển dụng) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực [H2.02.01.05].

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã có 03 phiên bản mô tả CTĐT của các năm 2018, 2021 và 2022 [H2.02.02.02].

Bảng mô tả thạc sĩ ngành QTKD được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan; được rà soát và cập nhật các nội dung mới nhất về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT và ma trận kỹ năng [H2.02.01.06].

Từ năm 2015 đến năm 2021, CTĐT ngành thạc sĩ QTKD được xây dựng và áp dụng đào tạo nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) Mục tiêu đào tạo; (ii) CĐR; (iii) Kế hoạch giảng dạy, (iv) ĐCCT các học phần. Năm 2021 Khoa tiếp tục cập nhật, điều chỉnh theo hướng quốc tế hoá mục tiêu đào tạo và CĐR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, PP đánh giá hiệu quả, cùng với nhiều học phần mới gắn liền với sự phát triển của ngành, phù hợp với điều kiện CSVC của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và bắt đầu xây dựng bản mô tả vào thời gian này. Năm 2019, do BGDĐT điều chỉnh tên và số tín chỉ các học phần, Matrix chuẩn đầu ra nên bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo yêu cầu của BGDĐT.

Hằng năm, Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ được điều chỉnh, triển khai theo kế hoạch [H2.02.01.07]. Trong quá trình điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả ngành QTKD năm 2021 và năm 2022, Trường đã tham khảo ý kiến các BLQ [H2.02.02.07], tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước và của nước ngoài như: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, National University of Singapore, Swinburne University of Technology [H2.02.01.08].

Thông tin về bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa để NH tham khảo, đồng thời cũng được cập nhật trong các tài liệu quảng bá, phổ biến trong buổi gặp mặt đầu khoá của NH [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức.

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR cụ thể.

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả chương trình còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH.

Một số HP trong khối kiến thức chuyên ngành chưa cập nhật thường xuyên theo nhu cầu xã hội.

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ cải tiến và cập nhật CTĐT theo hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ chỉ đạo Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu đề cương HP, theo đó tất cả (100%) đề cương HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: tên đơn vị phụ trách, tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên HP; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H2.02.02.01].

Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, điều chỉnh HP của CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được rà soát, điều chỉnh hai lần và vào các năm 2021 và 2022 [H2.02.02.02]. Căn cứ vào thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT về Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT về quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Trường ban hành quy trình triển khai hoạt động đào tạo, quy trình xây dựng CTĐT và đánh giá cập nhật chỉnh sửa CTĐT [H2.02.02.03].

So với phần rà soát, điều chỉnh năm 2021/2018 thì lần rà soát điều chỉnh năm 2022/2021 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CĐR giảm từ 29 CĐR ở CTĐT năm 2018 và 18 ở CTĐT 2021 xuống còn 10 cho CTĐT 2022; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT. Bổ sung các điều kiện tiên quyết, tiến trình đào tạo các HP; chỉnh sửa về hình thức trình bày; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; PP giảng dạy – học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, ...); bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc [H2.02.02.06].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường và của Khoa; qua gặp tuần sinh hoạt công dân đầu của NH, các bên liên quan và gửi trực tiếp cho NH [H2.02.02.03]

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết học phần có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành QTKD. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần

đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP chỉ chú trọng vào giảng viên và NH mà chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động và mẫu khảo sát còn chưa chú trọng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết HP phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 – 2025, Khoa QTKD tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng từ đơn vị người sử dụng lao động. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD .

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT sau khi được cập nhật, được HĐKH & ĐT của Khoa thông qua và phê duyệt chính thức để áp dụng [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyển sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và của Khoa (gián tiếp). Đối với các HP, tất cả ĐCCT học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên trang thông tin điện tử của Khoa và NH có thể truy cập bằng tài khoản là email của Trường cung cấp. Qua đó, NH có thể tham khảo về nội dung của học phần để lựa chọn học phần phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT học phần được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.03.02].

Trường đã ban hành Quyết định công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.03]. Hệ thống công nghệ thông tin được ứng dụng để đăng tải Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa để NH có thể

tự tham khảo trong quá trình học tập [H2.02.03.04]. Điều này giúp NH có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà.

Các BLQ gồm cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành QTKD được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến sinh viên, học viên và các đối tượng có quan tâm. Trong tuần lễ sinh hoạt đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để học viên dễ tra cứu và tìm hiểu [H2.02.03.05].

Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả học phần ngành QTKD đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.06].

Hàng năm, Trường/Khoa đều khảo sát ý kiến của GV, NH về CTĐT, ý kiến NH về hoạt động giảng dạy hàng năm cho thấy, trên 90% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”; trên 80% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “GV giới thiệu đề cương môn học và kết quả học tập mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên” [H2.02.03.07].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần được công bố công khai, đầy đủ với nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

Khoa chưa thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan về mục đích sử dụng thông tin trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT, thông tin nào được các bên liên quan quan tâm nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Người học được tiếp cận chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các HP thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 - 2025, Phòng Quản lý Khoa học và Khoa QTKD sẽ tăng cường tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

Thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan sẽ giúp Khoa QTKD có nhiều kênh thông tin hơn, thông tin cập nhật tức thời hơn cho việc rà soát, đánh giá CTĐT và xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết các học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT và bản mô tả DCCT các HP trình độ thạc sĩ ngành QTKD đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật. Đề cương các HP được thiết kế và chuẩn hoá đúng quy định; các đề cương HP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, các GV, cựu NH, các đơn vị tuyển dụng và của các nhà chuyên môn.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của cựu NH, nhà tuyển dụng còn ít và chưa đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 4,0; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

TIÊU CHUẨN 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành QTKD được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành QTKD trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành QTKD được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GD & ĐT và quy chế đào tạo của Trường [H3.03.01.01]. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành QTKD. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Trong chương trình dạy học, mỗi học phần có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR, cụ thể theo ma trận kỹ năng [H3.03.03.04]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR. Theo đó, CTDH gồm 78 tín chỉ, trong đó:

+ Kiến thức chung	: 6 tín chỉ	Tỉ lệ: 8 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 42 tín chỉ	Tỉ lệ: 54 %
+ Kiến thức chuyên ngành tự chọn	: 18 tín chỉ.	Tỉ lệ: 23 %
+ Tốt nghiệp	: 12 tín chỉ	Tỉ lệ: 15 %

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Trong quá trình xây dựng CDTH, Viện đào tạo quốc tế thực hiện và cập nhật theo triết lý khác nhau từng năm, CTDH được xây dựng theo hướng phát triển năng lực của người học.

Việc giảng dạy và học tập của ngành QTKD được thực hiện kết hợp các phương pháp giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp và các phương pháp giảng dạy theo định hướng thực hành. Đối với các học phần cơ sở ngành, phương pháp giảng dạy chủ yếu sử dụng thuyết giảng kết hợp với thảo luận nhóm, thuyết trình. Đặc biệt, NH ngành QTKD cần đạt được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp như khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề về quản trị trong doanh nghiệp. Do đó, CTDH được thiết kế có các tiết thực hành và các buổi kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp [H3.03.01.05], [H3.03.01.06].

CTDH được triển khai thực hiện cụ thể theo kế hoạch qua các năm và phân bổ GV phụ trách từng môn học phù hợp cụ thể theo Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]. NH phải thực hiện theo kế hoạch thực hiện CTDH này đối với từng khối kiến thức cụ thể để đạt được các CĐR cần thiết của CTĐT ngành QTKD. Quá trình xây dựng CTDH có sự tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H3.03.01.09].

Hàng năm, Viện đào tạo SDH đã phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCL tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để tổng hợp và phân tích kết quả nhằm đưa ra các định hướng hoàn thiện CTDH ngành QTKD [H3.03.01.10].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan đối với CTDH chỉ chú trọng vào NH, các đối tượng khác chưa được quan tâm nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 - 2025, Trường và Viện đào tạo quốc tế tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% HP trong CTDH được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR HP để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR HP. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCHP, Ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của

CTĐT. Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR [H3.03.02.02].

Tất cả ĐCCT đều có phân mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV. Đối với các học phần có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR.

Các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, PP KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận “Mối liên hệ giữa Chiến lược và PP dạy-học để đạt được CĐR” và ma trận “Mối liên hệ giữa PP đánh giá nhằm đạt CĐR” [H3.03.02.02]. Việc xây dựng ĐCCT các học phần luôn đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT; mỗi bài học đáp ứng CĐR nào của học phần. Các PP giảng dạy phù hợp với từng học phần được quy định rõ trong ĐCCT của từng học phần. Để đảm bảo việc đạt CĐR trong mỗi học phần, kỳ thi kết thúc học phần được thực hiện bằng các hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp và được Khoa/Viện đào tạo sau ĐH quy định trước, GV phải thông báo cho NH ngay buổi học đầu tiên [H3.03.02.04]. Trong từng PP đánh giá, GV phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần và có đáp án rõ ràng. Mỗi học kỳ Viện đào tạo quốc tế tổ chức họp mặt toàn thể GV tham gia giảng dạy để thống nhất nội dung giảng dạy và hình thức thi. Dựa vào các tiêu chí đánh giá học viên được quy định trong Quy chế đào tạo của BGDĐT, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường. Khoa/Viện đào tạo SDH đã biên soạn cụ thể thành các hướng dẫn thực hiện luận văn tốt nghiệp nhằm thực hiện PP đào tạo kết hợp lý luận với thực tiễn [H3.03.02.05].

Hàng năm, Viện đào tạo SDH phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCL đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động giảng dạy, đánh giá tính phù hợp của môn học, các PP KTĐG KQHT [H3.03.02.06]. Qua đó, Viện đào tạo SDH tiến hành cập nhật, điều chỉnh nội dung CTDH, đáp ứng CĐR ngày càng phù hợp với nhu cầu XH hơn và công bố rộng rãi đến các bên có liên quan thông qua website của trường, Viện đào tạo SDH [H3.03.02.07].

2. Điểm mạnh

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR.

Các học phần trong CTDH ngành KDQT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, HV phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Giai đoạn 2024 -2025, Viện đào tạo SDH tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTDH.

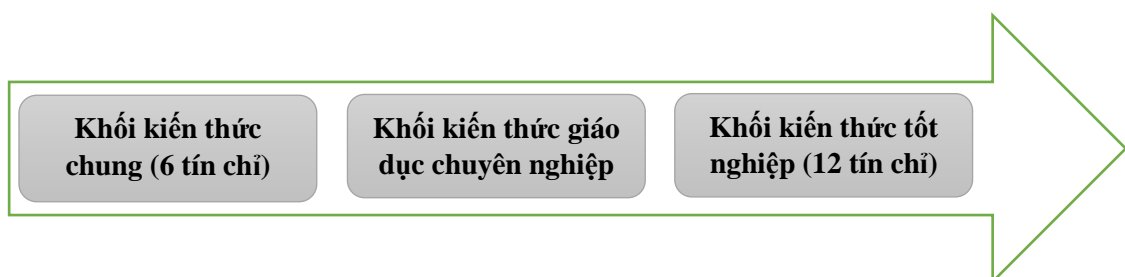
Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Viện đào tạo SDH thay đổi cách thức và PP trong việc thu thập các thông tin, ý kiến đóng góp của các NTD, cựu NH, NH năm cuối để phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng và cập nhật CĐR của CTĐT và của các học phần để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của XH.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần chung, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành QTKD được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực quản trị [H3.03.03.01]. CTDH ngành QTKD



được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp và gắn kết chặt chẽ với nhau.

Hình 2: Mối liên kết giữa các khối kiến thức

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Viện đào tạo SĐH nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch [H3.03.03.02]. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4 năm [H3.03.03.03]. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các học phần thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về pháp luật trên giảng đường. Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ sở hành nghề luật và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực QTKD trong tương lai.

Chương trình dạy học có 78 tín chỉ, được chia thành 2 năm học, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho HV, gồm: chương trình dạy học được thể hiện qua trình tự các học phần theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các học phần ở học kỳ trước là nền tảng cho các học phần ở học kỳ tiếp theo [H3.03.03.04].

Các HP thuộc khối kiến thức chung được giảng dạy ở các học kỳ năm học đầu tiên và được phân bổ rải rác trong các học kỳ này để tránh sự nhàm chán cho NH. Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm sau để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, NH tập trung học các học phần chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài, luận văn tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT [H3.03.03.04]. Nhờ đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CĐR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.05], [H3.03.03.06].

Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CDTH ngành QTKD được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Viện đào tạo SĐH, Trường [H3.03.03.07], [H3.03.03.08].

Dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan như NH, GV và nhà tuyển dụng [H3.03.03.09], CTDH được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động.

Từ năm 2018 đến nay, CTDH ngành QTKD liên tục được rà soát, điều chỉnh và đã được HĐKH thẩm định ban hành [H3.03.03.10], [H3.03.03.11].

CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Viện đào tạo quốc tế đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín khác trong và ngoài nước như ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH HELP (Malaysia), ĐH Thompson River, ĐH Concord (Hoa Kỳ) [H3.03.03.12]. Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành QTKD phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành QTKD ở Việt Nam hiện nay.

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH ngành QTKD được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và thực tập tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liền mạch tạo thành một khối thống nhất.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Giai đoạn 2024 - 2025, Viện đào tạo SĐH và Bộ môn tăng cường công tác tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên và cải tiến phương pháp dạy và học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Viện đào tạo SĐH sẽ tiến hành tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức thăm dò khác để thu thập ý kiến NTD và các về CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường, Viện đào tạo SĐH và Khoa QTKD đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình dạy học của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ngành QTKD được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các DN sử dụng các NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số ĐCCT của học phần không thuộc ngành quản lý chưa có tổ hợp các PP KTĐG để đạt CĐR. Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 4 trở lên. Mức trung bình: 4; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

TIÊU CHUẨN 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo sau đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay triết lý giáo dục là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở đào tạo xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, Khoa QTKD, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo triết lý giáo dục.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục (TLGD) hoặc mục tiêu giáo dục. TLGD của Trường Đại học Tài chính - Marketing là “Thực chất – Đổi mới sáng tạo – Hội nhập” được Hiệu trưởng ký tuyên bố chính thức bằng văn bản vào ngày 17/10/2022. Khoa thống nhất sử dụng TLGD này và chuyển tải thành TLGD của Khoa đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành [H4.04.01.01].

Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. TLGD của Trường được toàn thể cán bộ, lãnh đạo Nhà trường cùng tham gia thảo luận để thống nhất. Từ đó, GV, NV của Khoa QTKD cũng đã họp thảo luận để cụ thể hóa dựa trên TLGD của Nhà trường. Vì vậy, GV và NV của Khoa hiểu rõ, chuyển tải trực tiếp vào các hoạt động dạy và học, gồm: Đề án xây dựng và triển khai mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường Đại học Tài chính – Marketing và các doanh nghiệp; Nhằm thực hiện thực học thực hành, Nhà trường đã có xây dựng mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường với Doanh nghiệp, Khoa đã thực hiện thỏa thuận với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động thực tiễn cho NH [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau. Triết lý giáo dục của Trường được đăng tải trên website Trường, TLGD của Khoa được đăng tải trên website của Khoa [H4.04.01.03]. Ngoài ra, TLGD của Nhà trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường để phổ biến đến GV, NV, NH, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. GV thường xuyên được phổ biến để chuyển tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học tại các buổi họp chuyên môn [H4.04.01.04].

2. Điểm mạnh

TLGD của Nhà trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Trong đó, mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ là chưa đồng đều (gồm GV, NH, các nhà tuyển dụng), mức độ hiểu và áp dụng TLGD của NTD trên thực tế chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa và Trường tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với người học và tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên

đề để tiếp nhận ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu học viên, giảng viên về mục tiêu giáo dục.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phổ biến triết lý giáo dục đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về triết lý giáo dục để nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn triết lý giáo dục của Trường và Khoa; khảo sát các BLQ về triết lý giáo dục của Trường.

Trường và Khoa sẽ tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện triết lý giáo dục của Trường và Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với CTĐT ngành QTKD, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/ PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, triết lý giáo dục của để đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.01]. PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.02]. Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các Bộ môn, Khoa, các GV, nhân viên phòng ban trong toàn trường [H4.04.02.03]. Bảng 4.1 dưới đây thể hiện sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT.

Bảng 4.1: Sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT

	Các môn học điển hình	Phương pháp dạy học chính	Các hoạt động dạy học bổ trợ	Ghi chú
PLO1	Quản trị sự thay đổi	Thuyết giảng, hỏi đáp	Bài tập về nhà	
PLO5	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại	Thuyết giảng, hỏi đáp	Báo cáo nhóm	

PLO10	Quản trị công ty	Thuyết giảng, làm dự án	Báo cáo về dự án	
-------	------------------	-------------------------	------------------	--

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Thay vì GV đóng vai trò giảng bài thì NH thay thế bằng cách thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó người học tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online thông qua hệ thống Microsoft teams của nhà trường [H4.04.02.04].

Việc thay đổi phương pháp dạy và học cũng gặp nhiều khó khăn, GV cần nghiên cứu nhiều hơn, xây dựng bài giảng linh hoạt hơn, và đối với những GV thỉnh giảng thì đôi khi gặp khó khăn do sự khác biệt về văn hoá giữa các trường. Tuy nhiên trong các cuộc họp giao ban, Hiệu trưởng thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường thể hiện qua các kế hoạch tổ chức bồi dưỡng GV, tổ chức hội thảo nâng cao năng lực GV [H4.04.02.05].

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Phiếu khảo sát bao gồm 8 tiêu chí, trong đó tập trung khảo sát các nội dung: các hoạt động giảng dạy của GV trên lớp (5 tiêu chí), các hoạt động kiểm tra, đánh giá (1 tiêu chí). Tỷ lệ NH tham gia đánh giá hoạt động dạy học/PPDH là 97,51%. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy 92% NH hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

GV của Khoa lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt được CDR của HP.

3. Điểm tồn tại

Một số HP chưa đáp ứng về nội dung các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa cần tăng cường tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và kết nối với các khoa của các trường ĐH uy tín khác và mời các

chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và luận văn tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ ban hành quy định để tất cả GV chú trọng việc hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập một cách hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, và nâng cao khả năng học tập của NH, Trường và Khoa đã tiến hành đổi mới phương pháp dạy và học. NH trở thành trung tâm, chuyển từ trạng thái bị động tiếp thu sang học tập chủ động. Để làm vậy, Trường đã yêu cầu GV từng bước thay đổi cách thức giảng dạy, tăng cường yêu cầu NH tự học, nghiên cứu trước khi đến lớp, GV đóng vai trò hướng dẫn, giải đáp, điều này được thể hiện trong đề cương từng môn học. GV phải sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01]. Tất cả đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành QTKD trình độ Đại học đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học để đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT; 100% ĐCCT các HP trong CTĐT đều quy định cụ thể nội dung tự học, tự nghiên cứu cho NH và có kiểm tra, đánh giá nội dung tự học, tự nghiên cứu theo quy định; xác định các nội dung giảng dạy trên lớp, các nội dung giao về nhà cho NH tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH [H4.04.03.02].

Ngoài ra, Quy định đào tạo theo học chế tín chỉ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ban hành ngày 16/07/2021 cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài mới là 50 phút cho mỗi tiết học trên lớp [H4.04.03.03]. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận ... đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình

... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, giáo viên chủ nhiệm về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.04].

Trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát cho thấy: 92% NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học ngành KDQT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của HV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

3. Điểm tồn tại

Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp, các phòng QLĐT, Phòng NCKH, Phòng QTTB cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ đến với người học. Phát huy văn hóa chia sẻ tri thức trong tập thể GV trong Khoa, GV ngoài trường và tăng cường việc mời chuyên gia, doanh nghiệp tham gia hoạt động dạy và học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 - 2025, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp người học sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật:

TLGD được xây dựng, được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các BLQ trong và ngoài trường. TLGD được sự đóng góp và tham gia xây dựng từ các bên có liên quan như GV, lãnh đạo, NH, đối tác. Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng và đáp ứng tốt

các tiêu chí của CDR. Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm giúp người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học ngành QTKD rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

Những tồn tại cơ bản:

Việc đánh giá mức độ hiểu rõ về TLGD của các BLQ vẫn chưa được khảo sát. NH tham gia vào các buổi báo cáo chuyên đề (môn học có các tiết học có sự tham gia của DN) chưa thực sự chủ động. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho người học hiểu đầy đủ về việc sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đo lường kết quả học tập của NH được thực hiện bằng hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Trường và Khoa đã có một kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá cần có sự so sánh ở các thang đo quan trọng như đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra và được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của quá trình học. Chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng. NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiêu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của người học cần được thiết kế theo hướng gắn liền với CDR và đo lường mức độ đạt được CDR của người học. Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện từ khâu đánh giá năng lực đầu vào, đánh giá suốt quá

trình học tập qua từng học phần và đánh giá luận văn tốt nghiệp. Tùy giai đoạn đánh giá, Nhà trường xây dựng các kế hoạch, QT đánh giá người học kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CĐR của CTĐT, đồng thời công bố công khai, rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

Đánh giá tuyển sinh đầu vào: Căn cứ vào quy chế tuyển sinh của BGDĐT mỗi kỳ tuyển sinh hàng năm Nhà trường đều xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó xác định phương thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển chọn đầu vào rõ ràng, đảm bảo các quy định và điều kiện xét tuyển [H5.05.01.01].

Để đáp ứng các CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá [H5.05.01.02]. Trong đề cương HP cũng có quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá như mức độ tham dự và tranh luận, đánh giá bài thi trắc nghiệm, đánh giá bài thi tự luận... Nhà trường có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp kiểm tra đánh giá đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữ PPKTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT [H5.05.01.03].

Bảng 5.13: Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CĐR của CTĐT

Ký hiệu	ND chuẩn đầu ra	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
PLO1	Đối chiếu các kiến thức sâu rộng của ngành và liên ngành với các kiến thức thực tế tại doanh nghiệp và tổ chức.	Kiểm tra trắc nghiệm Bài tập lớn Kiểm tra viết	Đáp án Rubric	
PLO2	Đánh giá và tranh luận các vấn đề chuyên sâu lĩnh vực Quản trị Kinh doanh, từ đó khám phá và nghiên cứu các kiến thức mới.	Thuyết trình	Đáp án Rubric	
PLO3	Hoạch định chiến lược và chính sách cho các tổ chức và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.	Thực hành	Phiếu chấm	
PLO4	Phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp về quản trị một cách khoa học.	Kiểm tra trắc nghiệm Bài tập lớn Kiểm tra viết	Đáp án Rubric	
PLO5	Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa	Bài tập lớn	Phiếu chấm	

Ký hiệu	ND chuẩn đầu ra	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
	học với những người cùng ngành và liên ngành.			
PLO6	Nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO7	Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Thuyết trình, Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO8	Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực QTKD.	Thuyết trình, Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO9	Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực QTKD.	Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO10	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực QTKD	Thuyết trình, Kiểm tra viết	Phiếu chấm	

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) *Đối với các CDR kiến thức*: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CDR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

ii) *Đối với các CDR kỹ năng*: được đánh giá thông qua việc thực hành kỹ năng tra cứu, lựa chọn, cập nhật văn bản pháp luật, cách trình bày, phân tích và giải quyết tình huống pháp lý, khả năng thuyết trình, tiểu luận, diễn án và bài thi cuối kỳ.

iii) *Đối với các CDR thái độ*: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ SV được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ luận văn tốt nghiệp... Tính kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CDR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP [H5.05.01.03].

Tổ hợp các PPKTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm luận văn. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình thông thường chiếm 50% và điểm thi kết thúc HP chiếm 50%. Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR [H5.05.01.03].

Thực hiện luận văn nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện luận văn, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được GVCN triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công giáo viên hướng dẫn, quy trình bảo vệ luận văn, quy định về bảo vệ luận văn tốt nghiệp [H5.05.01.04].

Bên cạnh đó, NH còn được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.01.04].

2. Điểm mạnh

Ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến người học ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các học phần. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PP KTĐG.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 - 2025, ở từng HP Khoa sẽ xây dựng và thiết kế bộ câu hỏi đánh giá theo từng mức đạt CĐR, chi rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo CĐR.

Khắc phục tồn tại: Năm 2024 - 2025, Khoa sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các môn học trong CTĐT đều được đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của người học của Khoa QTKD được xác định rõ ràng theo tài liệu hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra đánh giá KQHT phù hợp với CTĐT theo tín chỉ của Trường [H5.05.02.01].

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai đến người học ngay từ khi bắt đầu học phần, và được nhấn mạnh khi kết thúc quá trình giảng dạy. GV công bố điểm quá trình cho NH ngay khi kết thúc học phần [H5.05.02.02].

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau 15 tuần và sau khi đã kết thúc môn học. Trọng số điểm quá trình thông thường chiếm 50%, cuối kỳ chiếm 50%. [H5.05.02.02].

Tiêu chí cụ thể để đánh giá các học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học [H5.05.02.02]. Đánh giá nội dung thực tập tốt nghiệp đều có tiêu chuẩn cụ thể trong kế hoạch và nội dung luận văn tốt nghiệp [H5.05.02.03].

Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định kiểm tra/đánh giá KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.04]. Chính vì vậy, 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định này.

Cuối kỳ, giáo vụ khoa tập hợp bảng điểm quá trình từ GV sau khi GV đã nhập vào phần mềm và giao (bản in giấy) chậm nhất là 5 ngày về P. ĐBCL. Về điểm bài thi tự luận cuối kỳ đã chấm xong từ Khoa (chậm nhất là 5 ngày sau khi nhận bài), P. ĐBCL phân công NV ráp phách và ghi điểm vào bảng điểm và chuyển về khoa để Giáo vụ khoa nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo. Chuyển bảng điểm chính về Phòng ĐT để lưu. SV xem kết quả thông qua trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành và triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng.

Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo người học hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 - 2025, Khoa đăng tải các thông tin đề cương chi tiết HP trên Website của Trường. Giảng viên phụ trách CVHT tăng cường tiếp xúc, quan tâm đến những NH cá biệt, nhắc nhở, tư vấn các HP điểm thấp để NH có kế hoạch học tập tốt hơn, ra trường đúng tiến độ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 - 2025, Khoa tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các PP đánh giá được hướng dẫn. Bên cạnh đó, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về đào tạo ĐH theo hệ thống TC; Quy định về việc thi kiểm tra trong đó, có qui định rõ việc đánh giá KQHT của NH [H5.05.03.01]. Trong đó, phương pháp kiểm tra đánh giá của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CĐR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Các PPĐG được thực hiện theo từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. PPĐG được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm ... [H5.05.03.02]. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại HP và PPĐG được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT [H5.05.03.02].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định [H5.05.03.03]. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Đối với các môn thi có đề thi trắc nghiệm. Các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi, để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CĐR trong chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bộ môn trao đổi, góp ý sửa chữa để quản lý và sử dụng [H5.05.03.04]. Mỗi bài thi đều có hai GV chấm hai vòng độc lập nên đảm bảo chính xác, khách quan [H5.05.03.05]

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm luận văn tốt nghiệp [H5.05.03.06].

Trong đợt khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV HK2, NH 2021-2022, các câu hỏi trong phiếu khảo sát về nội dung này, chiếm tỷ lệ 17% trong các câu hỏi được người học đánh giá từ 4,75 đến 4,76 ở cả 4 nội dung được hỏi cho thấy người học khá hài lòng với PPKTĐG và kết quả đánh giá từ GV: Quá trình kiểm tra đánh giá được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực và trình độ của NH; NH hài lòng về các cách thức công bố,

phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá; Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời, giúp NH cải thiện KQHT [H5.05.03.07].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành, việc đánh giá các PP KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ Bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 - 2025, ngoài việc tăng cường thêm các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH, Khoa yêu cầu GV ra đề các HP phải có sự phê duyệt của Bộ môn, Ban lãnh đạo Khoa thống nhất với các GV trong việc ra đề thi, đảm bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 - 2025, Khoa sẽ triển khai việc bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong qui chế đào tạo và qui định đảm bảo bảo chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập [H5.05.04.01].

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Việc phản hồi nếu đưa ra quá muộn sẽ không mang lại tác dụng đối với NH. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận, ... Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến NH. NH có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm “Quản

lý đào tạo” của Trường. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu [H5.05.04.02]. Quy định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho NH được thực hiện theo quy định của nhà trường. Thời gian chấm phúc tra (nếu có) không quá 7 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của NH [H5.05.04.03].

Trong các cuộc họp Khoa hàng tháng, các Trưởng bộ môn luôn nhắc nhở GV về việc thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, nhập điểm và nộp bảng điểm thi quá trình về Văn phòng Khoa, nộp đề, chấm thi và trả lời phúc tra đúng thời hạn. GV Khoa đảm bảo việc phản hồi điểm quá trình vào buổi kết thúc của mỗi HP, và thực hiện quy trình chấm thi lần 1, lần 2 theo đúng thời hạn [H5.05.04.04].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, NH cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp NH nhận thức rõ hơn về yêu cầu của học phần, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy chế ĐT, các QT liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT.

3. Điểm tồn tại

Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm,...) được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với NH về từng loại điểm thành phần.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2024 – 2025, Nhà Trường tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế đào tạo của Bộ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ sinh hoạt với GV để thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho người học sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về KQHT của NH được quy định trong Quy chế đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ, được phổ biến trên Website của Nhà trường, của phòng Đào tạo, phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.05.01]. Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc tra khiếu nại KQHT, cụ thể: đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy HP đó khi công bố điểm trên lớp; trong vòng hai tuần kể từ ngày Trường, khoa, trung tâm công bố điểm thi hoặc theo thông báo riêng của phòng. NH nộp đơn đăng kí phúc khảo điểm thi tại P.ĐBCL. Thời gian công bố điểm phúc khảo là sau 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận giấy đề nghị phúc khảo điểm của NH [H5.05.05.02].

Hàng năm, phòng Đào tạo đã kiểm soát và thống kê số lượng khiếu nại KQHT từ NH từ đó rút kinh nghiệm và cải tiến công tác đánh giá đối với NH. Hàng năm, tỷ lệ nộp đơn đề nghị chấm phúc khảo bài thi của người học rất thấp. Theo thông tin lưu trữ trên Website của phòng Khảo thí, có trên 95% số người học khi khiếu nại về KQHT được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.03].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận.

Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024 – 2025, Khoa tăng cường phổ biến, nhắc nhở thường xuyên các quy định về khiếu nại kết quả học tập đến NH nhằm giúp cho NH tiếp cận nhanh chóng để đạt được kết quả học tập tích cực và khách quan nhất.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024 – 2025, Khoa phối hợp với P.KT & QLCL điều chỉnh bổ sung quy định và phân định rõ nghĩa vụ người học trong các trường hợp khiếu nại đúng/sai, trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường đã ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các học phần. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PP KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo người học hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH. Ban hành Quy chế ĐT, các QT liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

Những tồn tại cơ bản:

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp. Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính. Khoa chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong CTĐT

ngành KDQT, việc đánh giá các PP KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm,...) được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với người học về từng loại điểm thành phần. Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,0 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Khoa QTKD có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thuộc lĩnh vực QTKD. Đội ngũ GV trong Khoa QTKD trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa QTKD có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa QTKD có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Dựa trên Chiến lược phát triển nhân sự của Khoa QTKD giai đoạn 2022 - 2025 [H6.06.01.01] và bảng mô tả

công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu đào tạo; Khoa QTKD đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa QTKD định kỳ hàng năm [H6.06.01.02]. Hiện tại, 100% giảng viên của Khoa QTKD tham gia giảng dạy nghiên cứu sinh đều có trình độ Tiến sĩ trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt ngày càng có nhiều GV được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa QTKD. GV của Khoa QTKD được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV. Trường cũng có kế hoạch nâng cao năng lực của đội ngũ GV, NV định kỳ để đánh giá năng lực của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo [H6.06.01.03]. Định kỳ, Nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV [H6.06.01.04]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.05].

Bảng 6.1: Bảng thống kê số lượng GV Khoa QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm	Số lượng GV	Giới tính		GS	PGS	TS	ThS	Kỹ sư/ Cử nhân
		Nam	Nữ					
2019	37	18	19	0	1	4	31	1
2020	35	15	20	0	1	4	29	1
2021	34	13	21	0	0	9	23	2
2022	37	15	22	0	0	10	26	1
2023	37	16	21	0	1	12	24	0

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Khoa QTKD chú trọng từ khâu tuyển dụng: Khoa QTKD có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên website với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể [H6.06.01.06]. Khoa QTKD được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa QTKD cũng chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề QTKD, bán hàng theo định hướng phát triển đào tạo sinh viên có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa QTKD [H6.06.01.08]. Khoa QTKD có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa QTKD cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm

học [H6.06.01.09]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hành đề tư vấn pháp luật theo kế hoạch của Khoa QTKD và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa QTKD [H6.06.01.10].

Hiện nay, tại Trường thì việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có qui định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường.

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch phát triển Khoa QTKD chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV của Khoa QTKD ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu đào tạo thạc sĩ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, tăng số lượng TS, PGS, GS nhằm phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo quy định, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được hướng dẫn chi tiết. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa QTKD là 37 người, gồm 01 PGS.TS (chiếm tỷ lệ 2,7% so với tổng số GV cơ hữu của Khoa QTKD), 12 TS (chiếm tỷ lệ 32,4% so với tổng số GV cơ hữu của Khoa QTKD), 24 ThS (chiếm tỷ lệ 64,9% so với tổng số GV cơ hữu của Khoa QTKD). Hiện Khoa QTKD có 08 GV đang theo học NCS ở trong nước. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/SV chính quy ngành QTKD được quy đổi là 0,92 sinh viên/giảng viên, đảm bảo với

tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.01]. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa QTKD theo tỉ lệ bảng 5.

Bảng 6.2.15: Tỷ lệ HV trên 1 GV qua từng năm học

Năm	Số GV ngành QTKD giảng dạy thạc sĩ	Quy mô HV	Tỷ lệ HV/GV
2019	25	280	11.2
2020	28	163	5.82
2021	27	153	5.66
2022	29	281	9.69
2023	30	342	11.4

Tỷ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT.

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của nhà trường [H6.06.02.02]. Đội ngũ cơ hữu, Khoa QTKD còn có hơn 30 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo đề án liên kết gắn kết đào tạo giữa Trường với doanh nghiệp [H6.06.02.03], [H6.06.02.04].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh, ... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.05].

Trường có quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 270 giờ; NCKH: 540 giờ; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh, ...): 81 giờ. Khoa QTKD đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: tư vấn tuyển sinh, các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng: ngày hội việc làm, ngày hội tuyển dụng [H6.06.02.06].

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa QTKD tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của Phòng TCHC và xác nhận từ giảng viên [H6.06.02.07]. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác (coi thi, cố vấn

học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, ...) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo [H6.06.02.08].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng năm qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.09], [H6.06.02.10]. Sau khi GV tự đánh giá thì Trưởng Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TCHC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm [H6.06.02.11].

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng chưa có những tiêu chí cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động KHCN và phục vụ cộng đồng hướng theo chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn đến 2030.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Khoa QTKD tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng đã quy định rõ các tiêu

chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV [H6.06.03.01].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02], [H6.06.03.03].

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng [H6.06.03.04]. Căn cứ quy mô tuyển sinh hằng năm, các HP trong CTĐT ngành QTKD, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ (sau khi dự giờ, đánh giá của đồng nghiệp, góp ý của lãnh đạo Bộ môn), Khoa QTKD có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng một số vị trí nhân sự của Khoa QTKD trình BGH phê duyệt [H6.06.03.05].

Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng hằng năm từ 2019-2023 của Trường cũng đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng [H6.06.03.06]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H6.06.03.07]. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, Khoa QTKD sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự [H6.06.03.01].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD được thực hiện theo Quy định nêu trên. Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.08].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn giảng dạy chương trình thạc sĩ QTKD đều đáp ứng các tiêu chí của Trường và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đã đa dạng, CB, GV NCV có nhận thức về các quy định, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Tuy có văn bản đầy đủ nhưng nội hàm trong văn bản chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mức chuẩn chuyên môn, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, có quy trình tuyển dụng rõ ràng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Khoa QTKD rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, Khoa QTKD sẽ đề xuất các tiêu chí cụ thể tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của CTĐT tiếng Anh toàn phần ngành QTKD, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng. Trường có quy định rõ năng lực của GV, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với VC, NLĐ thuộc Trường; Quy chế hoạt động KH-CN [H6.06.04.01].

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết

giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCD.

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn người học thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Nhà trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường. Hàng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá [H6.06.04.02].

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, Trường/ Khoa QTKD thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, NCV qua quá trình DH của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn. Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; để cân nhắc bổ nhiệm... [H6.06.04.03-04].

Kết thúc mỗi học kỳ, P. Khảo thí và Quản lý chất lượng lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa QTKD đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, và mức hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của GV hàng năm đều đạt trên 80% [H6.06.04.05].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Khoa QTKD tiếp tục đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Khắc phục tồn tại: Hiện nay, Trường đang bắt đầu triển khai công tác đánh giá toàn diện nhân sự và Khoa QTKD đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa QTKD sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV [H6.06.05.01]. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, Khoa QTKD đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV [H6.06.05.02].

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD luôn bám sát qui định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường [H6.06.05.03].

Hàng năm, Khoa QTKD họp/ tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào KH ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng kí nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa QTKD chỉ định CB, GV phải đi ĐTBĐ đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa QTKD lập kế hoạch ĐTBĐ của đơn vị chuyển cho P.TC-HC tổng hợp thành KH ĐTBĐ chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2019 - 2023, 100 % GV của ngành Quản trị kinh doanh có chứng chỉ BD chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng chuyên ngành; GV đi bồi dưỡng về công tác KĐCL, có 90% số GV, NCV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kinh phí dành cho ĐTBĐ mỗi năm là: 2019 (2,318 triệu đồng), 2020 (3,747 triệu đồng), 2021 (3,787 triệu đồng), 2022 (5,010 triệu đồng), 2023 (... triệu đồng) [H6.06.05.03-04-05].

Trường và Khoa QTKD có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài [H6.06.05.06].

Trường và Khoa QTKD công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. Chương trình đào tạo tiếng Anh toàn phần ngành QTKD luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện KH ĐTBĐ, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBĐ từ việc xây dựng và ban hành các quy định, lập KH, thực hiện so với KH, đánh giá kết quả ĐTBĐ, việc sử dụng kết quả ĐTBĐ [H6.06.05.07]; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả ĐTBĐ. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hằng năm. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV.

3. Điểm tồn tại

Chưa có các kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CĐR cho đội ngũ GV.

Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Khoa QTKD xây dựng kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CĐR cho đội ngũ GV.

Khoa QTKD tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa QTKD có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV. Việc triển khai công việc của GV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan được Khoa QTKD và Trường xác định rõ ràng bởi các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Trường [H6.06.06.01] và bảng mô tả công việc của GV [H6.06.06.02]. Từ đó, Khoa QTKD phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học [H6.06.06.03].

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.04], việc quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trường Bộ môn, Lãnh đạo Khoa QTKD theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa QTKD xác nhận [H6.06.06.05].

Kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê [H6.06.06.06]. Qua đó, Khoa QTKD tiến hành đánh giá năng lực giảng viên thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV [H6.06.06.07].

Bảng 6.67: Các hình thức đánh giá và các loại khen thưởng

Hình thức đánh giá	Loại hình khen thưởng	
	Cá nhân	Tập thể
Đánh giá, xếp loại kết quả lao động cuối năm	X	X
Bình bầu danh hiệu thi đua - khen thưởng hàng năm	X	X

GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh

giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa QTKD đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến trực tiếp tại Phòng TC-HC của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá [H6.06.06.08]. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa QTKD giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.06.09].

Hàng năm, Khoa QTKD tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa QTKD và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích [H6.06.06.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2019-2023, việc quản trị công việc của CB, GV, NV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Nhà trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của Khoa QTKD.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số giờ nghĩa vụ NCKH của GV là 540 giờ mỗi năm, được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên. Ngoài ra, đối với GV có bài báo quốc tế thuộc danh mục có chỉ số công bố định kỳ, Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí sửa các bài báo khoa học viết bằng tiếng Anh hoặc Ban hỗ trợ xuất bản bài báo khoa học và hỗ trợ quá trình nộp bài báo và chi trả các lệ phí đăng bài báo khoa học theo yêu cầu của Tạp chí, bên cạnh đó, tác giả còn được khen thưởng từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy theo mức chỉ số ISI, SCOPUS. GV tham gia biên soạn và cập nhật giáo trình sẽ được thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ, theo đó GV sẽ được thanh toán 30.000.000đ/ tín chỉ nhân với số tín chỉ giảng dạy của môn học đó, cập nhật giáo trình đã có thì được tính đơn giá bằng 30% [H6.06.07.01].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường [H6.06.07.02]. Hoạt động NCKH được quản lý bởi Phòng KHCN. Ngoài ra, HĐKH & ĐT Khoa QTKD được thành lập bao gồm các thành viên và thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa QTKD [H6.06.07.03]. Để hoạt động NCKH được đa dạng và thúc đẩy việc trao đổi học thuật, Khoa QTKD cũng quan tâm và khuyến khích các GV tham dự hội thảo NCKH, viết bài NCKH ở các trường khác có đào tạo ngành QTKD.

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV [H6.06.07.04].

Hàng năm, Khoa QTKD tổ chức các hội thảo chuyên ngành cấp Khoa QTKD và Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn và nâng cao chất lượng NCKH [H6.06.07.05]. Khoa QTKD cũng đã phát hành Kỷ yếu hội thảo, trong đó có trên 50% công trình nghiên cứu của GV cơ hữu của Khoa QTKD. Bên cạnh đó, Khoa QTKD thường xuyên phối hợp với Trường tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH [H6.06.07.06] phù hợp với xu hướng nghiên cứu mới và các định hướng phát triển KHCN trong tương lai. Việc quản lý đề tài NCKH được thực hiện theo quy định chung của Trường [H6.06.07.07].

Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2019-2023, GV trong Khoa QTKD đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Đến

năm học 2022, có nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. 100% GV của Khoa QTKD có tham gia viết bài tham luận hội thảo trong và ngoài trường, nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

Bảng 6.7.18: Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	3	1	0	0	0	10
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	6	10	2	0	1	20
3	Đề tài cấp trường	0,5	47	51	46	11	15	82,5
4	Tổng		56	62	48	11	16	112,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Bảng 6.7.29: Số lượng bài báo của GV qua từng năm

T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	47	48	67	86	92	568,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	318	405	417	429	436	2100
	Tổng		365	453	484	515	528	2668,5

Bảng 6.7.310: Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	47	48	67	86	92	568,5
2	Tạp chí khoa học	1,0	318	405	417	429	521	2100

	cấp ngành trong nước							
	Tổng		365	453	484	515	613	2668,5

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa QTKD được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng GV Khoa QTKD có các bài nghiên cứu khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh quy chế tính giờ NCKH rõ ràng, chi tiết và minh bạch, ngoài ra việc thống kê tính giờ NCKH được thực hiện nghiêm túc, công bằng hằng năm, góp phần tạo sự hài lòng, phát triển, sự đồng thuận trong toàn đơn vị.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm 2024, Khoa QTKD sẽ khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật:

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa QTKD. Đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và của Khoa QTKD qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu ĐT trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định về chất

lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc. Chất lượng công việc được đánh giá thông qua các tiêu chí về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD. Công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện định kỳ hàng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định thông qua khảo sát hàng năm và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động ĐT, bồi dưỡng do Trường triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, QT để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được VPT bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV-NV trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Những tồn tại cơ bản:

Công tác quy hoạch đội ngũ GV có học hàm là GS, PGS còn ít.

Việc đánh giá chất lượng công việc của GV ở cấp độ Khoa QTKD chưa triệt để bám sát các tiêu chí chất lượng đã ban hành trong các quy chế trả lương. Do đó, công tác đánh giá chất lượng vẫn theo xu hướng đánh giá khối lượng hoàn thành công việc.

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện chung cho hai đối tượng có hai nhu cầu khác nhau là GV và NV dẫn đến kết quả có một số phần chưa hợp lý.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,57 điểm. Số tiêu chí đạt: 7/7. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

TIÊU CHUẨN 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Bên cạnh đội ngũ GV, việc xây dựng phát triển đội ngũ nhân viên cũng là một trong những nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường nói chung cũng như của Khoa QTKD nói riêng. Công tác lựa chọn tuyển dụng, quy hoạch, bổ

nhệm các chức danh được thực hiện công khai, minh bạch; công tác đánh giá rõ ràng, dựa trên năng lực và hiệu quả công việc; các kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn được xây dựng cụ thể đã và đang tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn ... Chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành nghệ, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược (sửa đổi) phát triển ĐHTCM giai đoạn 2013- 2020 và định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu: quy mô nhân lực của Trường đến năm 2020 vào khoảng 650 GV-VC và đạt 800GV-VC vào năm 2030 [H7.07.01.01]. Việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phải đáp ứng được: đủ về số lượng, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; cơ cấu hợp lý, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nhằm đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của công tác đào tạo theo định hướng ứng dụng của ĐHTCM trong tiến trình hội nhập quốc tế. Về cơ cấu nhân lực, giảng viên tối thiểu 75%, viên chức hành chính tối đa chiếm 25% [H7.07.01.02]. Yêu cầu đặt ra là phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD trên cơ sở tinh gọn bộ máy hành chính. Trên cơ sở đó, Trường xác định số lượng người làm việc theo từng giai đoạn, được thể hiện trong Danh mục vị trí việc làm và Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03]. Đề án được xây dựng trên cơ sở phân tích nhu cầu công việc của từng đơn vị, cho thấy bức tranh khái quát về số lượng người làm việc cần thiết, cơ bản đủ đáp ứng đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV [H7.07.01.04].

Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan được sáp nhập vào Trường Đại học Tài chính – Marketing vào năm 2017. Lúc này, bộ máy, cơ cấu nhân sự 2 trường nhập lại làm một, yêu cầu đặt ra là sắp xếp hợp lý đội ngũ. Do đó, giai đoạn 2018-2021, bộ phận VC hành chính được sắp xếp theo hướng tinh gọn lại, những mảng công việc trùng nhau hay có sự giao thoa về chức năng nhiệm vụ được sắp xếp lại, đảm bảo mọi hoạt động của Trường. Giai đoạn này Trường không có nhu cầu tuyển VC mới mà chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi thông tin, thống nhất quy trình làm việc để nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên chuyên môn [H7.07.01.05]. Đến năm 2023, cùng sự gia tăng khối lượng công việc, để đáp ứng yêu cầu công việc, Trường thực hiện tuyển dụng 9 vị trí VC hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH, PVCD [H7.07.01.06].

Tất cả các khoa thuộc trường đều có thư ký khoa hỗ trợ công việc hành chính, số lượng thư ký của từng khoa được xác định căn cứ vào quy mô SV. Hiện tại, Khoa QTKD có 02 thư ký khoa, đảm nhận giải quyết các công việc hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ của khoa chuyên môn. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên chuyên trách ở các phòng ban chức năng luôn sẵn sàng để phục vụ. Các phòng ban được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu. Hoạt động đào tạo, công tác quản lý đào tạo và tổ chức lớp học... do Viện Đào tạo quốc tế, Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL thực hiện; hoạt động NCKH do Phòng QLKH thực hiện. Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên có trách nhiệm hỗ trợ các hoạt động của SV, kể cả tư vấn tâm lý học đường. Phòng CNTT, Phòng QTTB, Phòng TTGD, TT. TS&QHDN đảm nhận các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của GV và SV. Thư ký của Khoa QTKD và đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực đảm đương công việc hành chính của khoa, hỗ trợ GV và SV. Song song đó, Thư viện là đơn vị tổ chức các hoạt động, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường. Đội ngũ Thư viện của Trường gồm 2 lãnh đạo và 11 viên chức, đội ngũ này có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc [H7.07.01.07]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ và cán bộ chuyên trách làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập và NCKH của NH.

Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng viên chức một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng cá nhân. Nhiều trường hợp viên chức hành chính có trình độ, yêu cầu vượt tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, có các kỹ năng vượt mức yêu cầu của vị trí việc làm [H7.07.01.08]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường, về cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên thể hiện trong bảng 11 dưới đây, trong đó dịch vụ được đánh giá cao nhất là thư viện [H7.07.01.09].

Bảng 7.111: Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên

Stt	Tiêu chí đánh giá	Mức độ hài lòng của NH
1.	Nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt	97,4%

2.	Bạn hài lòng về đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường	97,1%
3.	Nhân viên các phòng ban có trình độ chuyên môn tốt, có thái độ tôn trọng sinh viên	91,8%
4.	Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu cho sinh viên	90,7%
5.	Hoạt động phong trào có tác động tích cực đến việc học tập, rèn luyện của NH	90,4%
6.	Các hoạt động nghiên cứu khoa học thiết thực và thu hút	87,7%
7.	Hoạt động hỗ trợ, giới thiệu việc làm luôn đáp ứng nhu cầu tìm việc của sinh viên	85%

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện đảm bảo về số lượng, chất lượng. Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Đội ngũ nhân viên phục vụ thành thạo về nghiệp vụ, đủ năng lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Bộ máy hành chính đã tinh gọn rất nhiều so với lúc vừa sát nhập 2 trường, tuy nhiên tỷ lệ 75 giảng viên/25 viên chức hành chính như chiến lược đã đề ra vẫn chưa đạt được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.

Khắc phục tồn tại:

Trường tiếp tục rà soát, quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Từ năm 2024, Trường triển khai tuyển dụng viên chức hành chính trên cơ sở phân tích rất kỹ, từng vị trí việc làm và xu hướng phát triển; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã xác định các tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể cho từng vị trí việc làm trong Quy định về chức danh nghề nghiệp viên chức ĐHTCM và Quy định về tuyển dụng, sử

dụng và quản lý VC tại Trường ĐHTCM [H7.07.02.01]. Đối với từng vị trí cụ thể, căn cứ vào bảng mô tả công việc, các yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được xác định rõ ràng chính là căn cứ để tuyển dụng, điều chuyển nhân sự [H7.07.02.02]. Các quy định rõ ràng về hoạt động nghề nghiệp, những việc VC được và không được làm; những tiêu chuẩn, yêu cầu về trình độ, năng lực cũng như tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp là điều kiện tiên quyết, buộc phải bảo đảm đối với mọi VC làm việc tại ĐHTCM.

Điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ. Quy trình tuyển dụng rất chặt chẽ cũng được ban hành [H7.07.02.03], về cơ bản, gồm 2 vòng như sau: vòng 1 xét hồ sơ, xem sự phù hợp giữa văn bằng, chứng chỉ viên chức đạt được với điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng. Vòng 2 kiểm tra, sát hạch xem xét khả năng giải quyết công việc, hiểu biết về vị trí việc làm. Đối với viên chức chuyển công tác, yêu cầu thẩm tra thông tin nhân sự ở đơn vị cũ là điều kiện bắt buộc trước khi ra quyết định tuyển dụng chính thức [H7.07.02.04].

Các tiêu chí đối với nhân sự được quy hoạch, bổ nhiệm được xác định cụ thể trong Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường [H7.07.02.05]. Các tiêu chuẩn này quy định cả năng lực chuyên môn lẫn quy chuẩn về đạo đức. Việc sắp xếp, bổ nhiệm nhân sự được căn cứ vào năng lực, phẩm chất của cá nhân và nhu cầu của đơn vị đảm bảo tương thích với yêu cầu của vị trí việc làm [H7.07.02.06]. Các tiêu chí này được phổ biến rộng rãi trong toàn trường để thực hiện đồng bộ.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Trước khi ban hành các quy định, tiêu chí đều được lấy ý kiến nhiều phiên nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.07] Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.08]; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV [H7.07.02.09]

Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc [H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh

Tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên được quy định rõ ràng dựa trên yêu cầu thực tế công việc. Việc bổ nhiệm được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn quy định và quy trình đã được Nhà trường phê duyệt.

3. Điểm tồn tại

Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng, chưa thu hút nhiều ứng viên xuất sắc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng, thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển để lựa chọn được những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm 2024, Trường đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, mạng lưới liên hệ với cựu NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định tại bảng mô tả các kỹ năng cần có của các vị trí trong Đề án vị trí việc làm được Hiệu trưởng phê duyệt [H7.07.03.01]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn chức danh, nhiệm vụ của các vị trí lãnh đạo được cụ thể thêm trong Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường [H7.07.03.02]. Ngoài ra, tất cả VC Trường đều đảm bảo tiêu chuẩn năng lực theo quy định về ngạch tương ứng theo quy định của Nhà nước, của Trường [H7.07.03.03].

Tiêu chuẩn năng lực này có thể được thể hiện qua văn bằng, chứng chỉ hoặc qua việc thực hành với các tác nghiệp chuyên môn nghiệp vụ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của chức danh, vị trí việc làm, đội ngũ nhân viên của trường được cử đi đào tạo bồi dưỡng thêm để đảm bảo tất cả đội ngũ Trường đều phải đạt tiêu chuẩn năng lực đã được xác định [H7.07.03.04].

Quy trình đánh giá vào cuối năm được thực hiện như sau: Trường ban hành thông báo về việc đánh giá, xếp loại chất lượng VC và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng để các đơn vị tiến hành đánh giá và bình xét một cách công khai, minh

bạch [H7.07.03.05]. Sau khi các đơn vị tiến hành đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua tại đơn vị, các đơn vị sẽ gửi kết quả bình xét về Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng (Phòng TCHC) để phòng tổng hợp, rà soát và trình Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét, đánh giá. Kết quả họp Hội đồng sẽ được gửi đến toàn thể các đơn vị thuộc Trường để lấy ý kiến phản hồi [H7.07.03.06], hết thời gian lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị, Trường sẽ ra quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC và bình xét thi đua [H7.07.03.07].

Đánh giá xếp loại nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên đều đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ nhân viên hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao.

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hoạt động đánh giá và xếp loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ của chương trình đào tạo đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ theo từng năm mà chưa đánh giá theo từng khoảng thời gian ngắn hơn như quý hoặc nửa năm. Kết quả đánh giá chưa được sử dụng trong chi trả thu nhập tăng thêm nên chưa tạo được bước chuyển mạnh mẽ trong việc gia tăng năng suất lao động của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Khắc phục tồn tại: Thực hiện đánh giá đội ngũ nhân viên định kỳ theo từng quý và nghiên cứu cơ chế sử dụng kết quả đánh giá để chi trả thu nhập tăng thêm cho đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ được xác định là một trong những nhiệm vụ của viên chức trường được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo, bồi dưỡng ĐHTCM và Qui định chế độ làm việc đối với GV ĐHTCM [H7.07.04.01]. Nghị quyết về xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 xác định: đến năm 2025, 100% VC đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chính trị theo quy định. [H7.07.04.02]. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định trong Qui chế chi tiêu nội bộ [H7.07.04.03]

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của VC từ các đơn vị gửi về [H7.07.04.04], Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp, xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm, vị trí quy hoạch và đáp ứng theo nhu cầu, nguyện vọng thực tế của VC [H7.07.04.05].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đối với viên chức có nguyện vọng được thực hiện bằng nhiều hình thức: Trường triển khai mở lớp hoặc cử viên chức tham gia các lớp phù hợp. Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá việc đào tạo [H7.07.04.06]. Cuối năm, tất cả các khóa, lớp, lượt đào tạo, bồi dưỡng sẽ được tổng hợp lại; và báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm là bức tranh tổng quát về những thành tựu Trường đạt được trong công tác bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực [H7.07.04.07].

VC Trường đa phần là trẻ, năng động, có khả năng bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội là điều kiện thuận lợi để Trường hoàn thành công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Hầu hết các VC có nhu cầu cao trong việc cân bằng giữa công tác chuyên môn và gia đình, tận hưởng cuộc sống, nên việc bố trí thời gian để triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi khi không đạt được kết quả như mong đợi.

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. VC Trường đa phần là trẻ, năng động, có khả năng bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường tiếp tục bảo đảm điều kiện về thời gian, kinh phí và lựa chọn các CTĐT, bồi dưỡng có chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ áp dụng vào công việc để đánh giá, cải tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc, của đội ngũ viên chức và người lao động được quy định cụ thể trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHTCM, Bản mô tả công việc của vị trí việc làm của từng cá nhân [H7.07.05.01]

Để quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, nhà trường đã xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên và quy chế thi đua, khen thưởng làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng nhân viên hàng năm [H7.07.05.02]. Đầu năm, căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng Bản đăng ký thi đua của mình [H7.07.05.03]. Từ đó, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Thúc đẩy, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức [H7.07.03.04]. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá công việc nhân viên trực thuộc theo các quy định của Nhà trường. Nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động [H7.07.05.05].

Nhân viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc công việc hàng năm đều được xét tặng các danh hiệu thi đua khen thưởng như chiến sỹ thi đua, lao động tiên tiến [H7.07.05.06]. Đồng thời, đây cũng là tiêu chí để xem xét đề nghị nâng lương trước hạn, quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh theo quy định. Ngoài ra, nhằm ghi nhận đóng góp của GV, VC, NLD trường tổ chức tuyên dương ngay khi các cá nhân và tập thể có các thành tích nổi bật [H7.07.05.07]. Trong giai đoạn 2018 – 2022, không có trường hợp

nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiến hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác [H7.07.05.08].

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Yêu cầu đòi hỏi để đạt các danh hiệu khen cao đặt nặng thành tích NCKH. Do tính chất công việc và các ràng buộc về thời gian nên số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua cao rất hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý NV hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.

Khắc phục tồn tại: Xây dựng các chính sách khen thưởng, động viên kịp thời để tạo động lực cho các đội ngũ NV trong quá trình làm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường được giao thí điểm cơ chế tự chủ từ năm 2015, là một trong những Trường tiên phong trong việc xây dựng đề án vị trí việc làm. Đề án vị trí việc làm quy định rõ những năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí lãnh đạo, GV và NV của Trường. Những tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí là cơ sở để Trường thực hiện tuyển dụng, quy hoạch bổ nhiệm và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

Trường có kế hoạch phát triển nhân sự và có chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch. Đội ngũ NV thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của NV và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có QT, PP, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ CTĐT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Thực hiện xác định nhu cầu về ĐT bồi dưỡng để triển khai kế hoạch và thực hiện ĐT, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động này. Có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

Những tồn tại cơ bản:

Bộ máy hành chính đã tinh gọn rất nhiều so với lúc vừa sát nhập 2 trường, tuy nhiên tỷ lệ 75 giảng viên/25 viên chức hành chính như chiến lược đã đề ra vẫn chưa đạt được. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng, chưa thu hút nhiều ứng viên xuất sắc. Hầu hết các VC có nhu cầu cao trong việc cân bằng giữa công tác chuyên môn và gia đình, tận hưởng cuộc sống, nên việc bố trí thời gian để triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi khi không đạt được kết quả như mong đợi. Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,40 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

TIÊU CHUẨN 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Trường đã xác định người học là trung tâm của đào tạo, vì vậy Trường đã xây dựng được qui trình và phân công trách nhiệm hỗ trợ HV cao học trong quá trình học tập ngay từ giai đoạn tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo. Chính sách tuyển sinh của nhà trường là rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; đồng thời các tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên... được rà soát hàng năm trên cơ sở ý kiến phản hồi của người học và nhà tuyển dụng. Để kiểm tra và hỗ trợ người học Trường đã xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của HV cao học cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho HV đã được triển khai. Ngoài ra, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của nhà trường đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Trong 5 năm gần đây, Trường đã không ngừng thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo cũng như không ngừng hoàn thiện các hoạt động hỗ trợ NH thông qua: (1) Xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng và khoa học, được công bố công khai và được cập nhật kịp thời; (2) Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh xác định rõ ràng và được công khai đến thí sinh; (3) Có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH; (4) Các hoạt động tư vấn học tập và hoạt động hỗ trợ NH đa dạng, thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và tăng cường các kỹ năng của NH; (5) Có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo được sự thoải mái cho NH.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng theo quy định hiện hành của BGDĐT và được cập nhật hàng năm. Hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch tuyển sinh và ban hành kế hoạch tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, ngưỡng ĐBCL đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển/xét tuyển, đối tượng ưu tiên, quy trình xét tuyển và những vấn đề khác như học phí, các điều kiện CSVN ĐBCL cũng được cụ thể trong kế hoạch, thông báo tuyển sinh để NH thuận lợi trong việc tham khảo và ra quyết định chọn trường. Từ năm 2021, Trường chuyển từ hình thức thi tuyển sang xét tuyển [H08.08.01.01-02].

Công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,...). Hàng năm Trường luôn công bố các chính sách và quy định tuyển sinh công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường. Trong nhiều năm qua chính sách tuyển sinh của Trường nói chung và Khoa/Bộ môn nói riêng được giới thiệu, công bố hàng năm qua Cổng tuyển sinh của Trường và trang thông tin điện tử của Viện ĐTSĐH [H08.08.01.03].

Với chính sách tuyển sinh như trên, số lượng thí sinh trúng tuyển và nhập học ngành QTKD 5 năm qua như sau:

Bảng 8.1: Quy mô NH theo học ngành QTKD

Năm học Ngành QTKD	2019	2020	2021	2022	2023
	Chỉ tiêu tuyển sinh	80	100	105	185
Số NH nhập học	37	56	60	114	136
Tỷ lệ nhập học/chỉ tiêu	46%	56%	57%	78%	97%

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả trúng tuyển, nhập học qua các năm của Viện ĐTSĐH).

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Trường rất rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng mỗi đối tượng được khảo sát để lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Trường tiếp tục duy trì các biện pháp quảng bá tuyển sinh như đã và đang thực hiện. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, TTTS&QHDN, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- *Khắc phục tồn tại:* Tăng số lượng mỗi đối tượng được khảo sát. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng. Căn cứ sự phù hợp giữa ngành đào tạo trình độ đại học và nhu cầu học trình độ thạc sĩ của thí sinh, Trường chia thí sinh thành 03 nhóm: Nhóm 1: có bằng đại học ngành phù hợp. Nhóm 2: có bằng đại học ngành gần, Nhóm 3: có bằng đại học ngành khác. Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp ĐH ngành gần hay ngành khác, Trường yêu cầu phải học bổ sung kiến thức, để đảm bảo đủ điều kiện dự tuyển [H08.08.01.01-02].

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc, trong đó có Ban đề thi và Ban chấm thi. Ban đề thi căn cứ đề cương ôn tập để ra đề thi và đáp án. Ban chấm thi căn cứ đáp án của đề thi đã sử dụng để chấm điểm. Kết quả thi được công bố công khai trong thời hạn quy định sau khi tổ chức thi tuyển [H08.08.02.01]. Thí sinh có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo.

Sau mỗi kỳ thi, để đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Nhà trường tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh thông qua các cuộc họp đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tổ chức [H08.08.02.02].

Tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hàng năm. Từ năm 2021, để tạo thuận tiện cho NH, Trường chuyển từ phương thức thi tuyển sang xét tuyển, dựa trên bảng điểm trình độ đại học. Ngoài ra, Trường cũng thay đổi tổ hợp môn học bổ sung kiến thức theo hướng giảm tải, nhưng vẫn đảm bảo kiến thức nền tảng cho NH có bằng đại học ngành gần và ngành khác [H08.08.01.01-02].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH luôn được Trường xác định rất rõ ràng, đảm bảo đúng quy định, có điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu; NH dễ dàng hiểu được cách thức dự tuyển vào trường, chủ động khả năng trúng tuyển.

3. Điểm tồn tại

Số lượng mỗi đối tượng được khảo sát để lấy ý kiến phản hồi về tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh*: Trường tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh theo đúng quy chế và tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, chi tiết và cụ thể hiện nay. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, TTTS&QHĐN, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại*: Tăng số lượng mỗi đối tượng được khảo sát. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ. Các bộ phận chuyên trách bao gồm: Viện ĐTSĐH, Phòng Khảo thí – QLCL, Phòng TTGD, Khoa/Bộ môn và các CVHT [H08.08.03.01]

Trường có các quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, KQHT, khối lượng học tập của NH. Các quy định này được xây dựng thống nhất từ cấp Trường dựa trên Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GDĐT và Quy định quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường [H08.08.03.02].

Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học. Sự tiến bộ của NH trong học tập được đánh giá qua điểm trung bình tích lũy. Sau mỗi học kỳ, từ các kết quả về học tập và rèn luyện có được, CVHT đã có những buổi gặp mặt tư vấn trực tiếp với lớp học phần và với NH. Ngoài các buổi tư vấn tập trung, CVHT còn hỗ trợ, tư vấn khi NH có nguyện vọng tại lớp học hoặc qua các phần mềm trực tuyến như zalo, facebook ... phù hợp với NH. Tuy nhiên, việc tập hợp các minh chứng khi CVHT tư vấn cho NH riêng lẻ qua các phần mềm này chưa được đầy đủ. Mỗi NH đều được cấp user truy cập vào tài khoản cá nhân trên cổng thông tin UIS để chủ động cập nhật KQHT, cũng như đăng ký học tập một cách thuận lợi, nhanh chóng. Hoạt động giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện của NH trong những năm qua được thực hiện khá hiệu quả tại Khoa/Bộ môn. Kết quả thống kê từ các các quyết định cảnh báo, xử lý học vụ, rèn luyện cho thấy ít NH bị buộc thôi học.

Bảng 8.2: Số lượng NH bị buộc thôi học, cảnh báo học tập ngành QTKD qua các năm

	2019	2020	2021	2022	2023
Số NH bị buộc thôi học	3	4	1	0	0
Tỷ lệ so với số nhập học	8%	7%	2%	0%	0%

(Nguồn: Tổng hợp từ các QĐ xử lý học vụ qua các năm)

2. Điểm mạnh

Trường đã trang bị hệ thống hạ tầng CNTT tiên tiến và hiện đại, có Phòng CNTT chuyên trách quản lý các phần mềm phục vụ, hỗ trợ giám sát KQHT và rèn luyện của NH đã giúp Khoa/Bộ môn đào tạo và giám sát tốt KQHT, rèn luyện của NH.

Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong KQHT và rèn luyện, khối lượng học tập của NH được thiết kế chặt chẽ có sự phối kết hợp từ các phòng ban chức năng và Khoa/Bộ môn. Hoạt động giám sát được thực hiện liên tục, giúp theo dõi kịp thời sự tiến bộ học tập và rèn luyện, đốc thúc NH hoàn thành đúng khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc tập hợp các minh chứng khi CVHT tư vấn cho NH riêng lẻ qua các phần mềm trực tuyến chưa được đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh*: Ban lãnh đạo Viện ĐTSĐH tiếp tục chỉ đạo CVHT nắm vững quy chế, CTĐT và các thông báo về hoạt động đào tạo kịp thời nhắc nhở đôn đốc NH, nhất là NH có KQHT chưa tốt. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn, CVHT. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại*: Có báo cáo theo dõi hoạt động tư vấn riêng lẻ cho NH sau mỗi học kỳ. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, CVHT. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các bộ phận có chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập cho NH. Các bộ phận này bao gồm: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn và các CVHT [H08.08.04.01].

Trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của

NH. Trong CTĐT, Trường bố trí các chuyên đề báo cáo thực tế, giúp người học tiếp cận những thực tiễn tốt nhất trong quản lý chuyên môn [H08.08.04.02]. Về phía CVHT trực tiếp gặp lớp NH được phân công để giới thiệu về khoa và Trường tại thời điểm nhập học. Định kỳ, CVHT làm việc với lớp (tối thiểu 1 lần/học kỳ) theo lịch chính thức với nội dung sinh hoạt về phổ biến các thông báo QLĐT, tư vấn học tập và NCKH, trả lời các vấn đề thắc mắc của NH liên quan đến giảng dạy, học tập, tốt nghiệp của Trường. Ngoài ra, hàng tháng CVHT liên lạc với ban cán sự lớp để nắm tình hình học tập của NH để có những hỗ trợ kịp thời từ CVHT, Khoa và Trường. Trong hoạt động NCKH, NH luôn được Khoa/Bộ môn khuyến khích tích cực tham gia dưới sự hướng dẫn của GV có kinh nghiệm NCKH ở lĩnh vực liên quan. Từ năm 2021, trong CTĐT có thiết kế 2 học phần về nghiên cứu tình huống để NH thực tập phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn bằng tiếp cận, phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học [H08.08.04.02].

Ít nhất 75% số NH, NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của HV cao học về chất lượng hỗ trợ, tư vấn người học. Nhìn chung HV hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Trường [H8.08.4.03].

Trước khi kết thúc khóa học, Trường đều tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của NH và NH tốt nghiệp thông qua các phiếu khảo sát và các biên bản cuộc họp với CVHT. Kết quả mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, cải thiện vị trí việc làm qua các năm đều trên 75%, [H08.08.04.03].

2. Điểm mạnh

Hoạt động tư vấn học tập tại Khoa/Bộ môn luôn đảm bảo thường xuyên và kịp thời để hỗ trợ học tập giúp NH nâng cao thành tích học tập, rèn luyện và NCKH.

Trường, Khoa/Bộ môn đã có nhiều hoạt động hỗ trợ cải thiện cơ hội việc làm giúp NH hoàn thiện thêm các kỹ năng để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu NTD trước và sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Công tác ghi nhận ý kiến của NH sau khi nghe báo cáo chuyên đề chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Trường và các bộ phận liên quan tiếp tục duy trì các hoạt động tư vấn học tập và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập cho NH. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn và các CVHT. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Viện ĐTSĐH và Khoa/Bộ môn chú ý về việc khảo sát ý kiến NH sau mỗi đợt báo cáo chuyên đề. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các CSĐT của Trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cụ thể là hệ thống các khu vực học tập và làm việc trong trường như: khu hiệu bộ, giảng đường, Khoa/Bộ môn/ phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của NH; khuôn viên Trường được tách làm 2 phần rõ rệt: một khu dành cho đào tạo, thực hành, một khu vực dành cho phòng làm việc của Khoa/Bộ môn, khối hành chính, văn phòng. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc của Trường có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác. Tất cả các tầng của các khối nhà của tất cả các cơ sở đều có dãy ghế và bàn học cho NH trao đổi, họp nhóm, hoặc gặp gỡ giữa GV với NH....Trường có hệ thống kết nối mạng tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận dễ dàng các nguồn tri thức qua mạng internet. Tại tất cả các cơ sở giảng dạy đã đặt các bảng nội quy Trường ở các vị trí dễ thấy cũng như các nội quy cơ quan gồm các quy định đối với khách liên hệ công tác, GV, CBVC và NH. Quy chế Văn hóa công sở Trường đã được ban hành nhằm xây dựng ý thức kỷ luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, văn minh, hiện đại; bên cạnh đó, giúp NH nâng cao ý thức bản thân, trách nhiệm với cộng đồng, xây dựng tính kỷ cương, nề nếp, định hướng các mối quan hệ theo tính nhân văn, nâng cao khả năng thích nghi với xã hội. Hướng đến phục vụ ngày càng tốt hơn cho NH, Trường và Khoa/Bộ môn đã tổ chức thường xuyên các hoạt động văn nghệ, thể thao, các cuộc thi học thuật nhằm tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết cho NH như các hội diễn văn nghệ khoa vừa chào đón tân NH, vừa là dịp tri ân thầy cô nhân dịp 20/11, các giải thi đấu thể thao như giải cầu lông, giải bóng đá cấp khoa, các hoạt động tình nguyện khác. Trường có khu dành riêng cho đào tạo sau đại học tại trụ sở chính, và bố trí thư viện sau đại học trong cùng khuôn viên, để tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho NH trong việc học tập, nghiên cứu, trao đổi với GV [H08.08.05.01-04].

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn CSGD. Hàng năm Trường đều thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nội quy, biển báo phòng cháy chữa cháy (PCCC), cấm hút thuốc lá được gắn ở các vị trí thích hợp trong khuôn viên trường. Định kỳ Trường tổ chức phun thuốc phòng chống dịch bệnh. Đặc biệt, thời gian dịch bệnh Covid 19, Trường đã thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh, ban hành kịp thời các thông báo, hướng dẫn, trang bị nước rửa tay, đo thân nhiệt, tổ chức làm vệ sinh khử khuẩnnhằm phòng chống dịch. Khuôn viên Trường thoáng mát, sạch sẽ, nhiều cây xanh, ghế đá đảm bảo

cảnh quan sư phạm của Trường, tạo sự thoải mái cho NH và toàn thể CBVC. Tại các CSĐT của Trường, đều có bộ phận y tế để tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NH. Hàng năm, vào đầu khóa học Trường đều thông báo, hướng dẫn để NH tham gia bảo hiểm y tế, tai nạn và tổ chức thực hiện khám sức khỏe [H08.08.05.05-06].

Việc lấy ý kiến này được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm lấy ý kiến được đầy đủ và kịp thời bao gồm thông qua các cuộc khảo sát, các buổi làm việc với CVHT, các Hội nghị CTSV tổ chức định kỳ, [H08.08.05.07].

2. Điểm mạnh

Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan sư phạm của khoa, của Trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn tạo điều kiện thuận lợi cho NH phát huy đầy đủ cả thể chất và tinh thần, giúp việc học tập và nghiên cứu tại trường thoải mái và thuận lợi.

3. Điểm tồn tại

Các phòng thực hành tập trung chủ yếu tại cơ sở Quận 9, các hoạt động của Trường chủ yếu tập trung ở cơ sở chính Quận 7 nên có phần gây khó khăn cho sự tham gia của NH.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục duy trì môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan sư phạm của Khoa/Bộ môn, Trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn tạo thuận lợi cho NH phát huy đầy đủ cả thể chất và tinh thần, giúp việc học tập và nghiên cứu tại trường thoải mái và thuận lợi. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB, Phòng TCHC, Phòng CTNH, bộ phận y tế, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Tổ chức các hoạt động phân bổ ở các cơ sở hoặc bố trí xe đưa rước cho NH. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB, Trường. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 8:

Điểm mạnh nổi bật:

Các chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của BGDĐT. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, cùng với hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đều giữa các học kỳ giúp NH không bị quá tải. Môi trường tâm lý xã hội thân thiện, cảnh quan xung quanh Khoa/Bộ môn đào tạo, Trường thông thoáng, sạch sẽ, an toàn đã tạo môi trường phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm trí của NH.

Điểm tồn tại cơ bản:

Công tác tập hợp các minh chứng sau khi CVHT tư vấn cho NH riêng lẻ qua các phần mềm trực tuyến và sau khi NH nghe báo cáo chuyên đề chưa được đầy đủ nhưng Khoa/Bộ môn đã có kế hoạch cải tiến việc thu thập, lưu giữ minh chứng có hệ thống hơn.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Trường đã luôn chú trọng đầu tư hệ thống CSVC-TTB hiện đại phù hợp với mô hình đào tạo chất lượng cao. Trong đó, Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại và phù hợp; Diện tích đất triển khai đào tạo luôn đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định; Hệ thống thư viện với nguồn học liệu đa dạng, thường xuyên được cập nhật, phù hợp với các ngành nghề đào tạo của trường; Hệ thống phòng thực hành đầy đủ, trang thiết bị hiện đại được bảo trì, mua mới thường xuyên; Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng quá trình phát triển công nghệ hiện nay, ngoài ra cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo sức khỏe cho CB-GV-NV và NH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT CLC TATP ngành QTKD theo quy định hiện hành. Trường hiện đang đào tạo 13 ngành và 02 bậc học (ĐH & SĐH) với tổng quy mô đào tạo năm 2023 là 19.646 NH, với tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục là 137.126,6m². Các phòng học phục vụ công việc đào tạo, giảng dạy và học tập của CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD được bố trí, sắp xếp tại Trụ sở 778 Nguyễn Kiệm – Phường 4 - Quận Phú Nhuận. Cụ thể, văn phòng Khoa QTKD được đặt tại Trụ sở 778NK (diện tích 90m²), Thư viện (tổng diện tích 4.754 m²); ngoài ra, một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, khu tự học, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện là các phòng thực hành và các phòng tập đa năng với tổng diện tích là 6.628m². Trường Đại học Tài chính – Marketing nói chung và Khoa QTKD nói riêng đáp ứng được với tỉ lệ diện tích đất/NH là: 6.9 m²/NH (=137.126,6m²/ 19.646 NH) và diện tích sàn/NH là 2.8 m²/NH trở lên [H9.09.01.01].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Về hệ thống phòng làm việc, Trường cung cấp 51 phòng làm việc với diện tích 2.388 m², các thiết bị văn phòng như: (Bàn-ghế văn phòng, Máy vi tính, ổ cứng, máy in, máy scan, tủ đựng hồ sơ...). Các thiết bị trên hỗ trợ tối đa cho các công tác hành chính, công tác tiếp sinh viên và giải quyết học vụ, tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa QTKD. Trường về hệ thống phòng học trực thuộc Trường đều sử dụng chung cơ sở vật chất của nhà trường dưới sự điều phối chính của Phòng Quản lý đào tạo. Hiện tại, chương trình CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD sử dụng hệ thống phòng học lý thuyết tại Trụ sở 778 Nguyễn Kiệm. Hệ thống phòng học đảm bảo chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy điều hòa nhiệt độ, máy chiếu, âm thanh, chiếu sáng, mạng wifi... thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học [H9.09.01.02]. Phòng QTTB phân công 01 NV giám sát, 01 NV bảo trì và 02 NV tại mỗi cơ sở để sửa chữa nhỏ khi cần thiết các trang thiết bị dạy học hàng ngày. Ngoài ra, GV và NH cần hỗ trợ kỹ thuật có thể phản hồi thông tin tình trạng của máy móc, thiết bị trực tiếp liên lạc các số điện thoại được dán trên bàn Giảng viên, sổ theo dõi tình trạng sử dụng trang thiết bị, để Phòng QTTB kịp thời khắc phục và sửa chữa, hạn chế ảnh hưởng đến việc dạy và học [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Hàng năm, Trường lắng nghe và ghi nhận lại thông qua các buổi đối thoại trực tiếp với NH để từng bước hoàn thiện và nâng cao hệ thống cơ sở vật chất thông qua các phản hồi, đề xuất của Khoa và NH về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Qua đó, Trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, bổ sung thêm hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính [H9.09.01.04]. Trường đầu tư một lượng kinh phí cho cơ sở vật chất và trang thiết bị để đảm bảo tối đa nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của NH và GV [H9.09.01.05].

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Nhà trường rất chú trọng việc phục vụ cho người học. Những năm qua, Viện Đào tạo sau đại học phối hợp với khoa QTKD thường xuyên khảo sát NH học tại Trường để lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất và trang thiết bị [H9.09.01.07] [H9.09.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng cơ sở dữ liệu để theo dõi việc sử dụng CSVC thông qua việc kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm; thông qua các kênh thông tin phản ánh về CSVC từ GV-VC tại buổi họp giao ban hàng quý, sơ kết 6 tháng đầu năm – cuối năm, hội nghị CNVC hàng năm [H9.09.01.09]. Kết quả thu được từ các hội nghị đối thoại và khảo sát này là cơ sở để Khoa và Nhà trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc bảo trì, sửa chữa, để nâng cấp, cải

thiện cơ sở vật chất để phục vụ người học ngày càng tốt hơn [H9.09.01.10], [H9.09.01.11]. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã thực hiện hoàn tất việc sửa chữa, cải tạo và đưa vào sử dụng các phòng học dành riêng cho việc đào tạo sau đại học. Năm 2024, Trường tiếp tục thực hiện sửa chữa, nâng cấp cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển để phục vụ đào tạo sau đại học tại cơ sở này. [H9.09.01.12].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị,... đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH.

CSVC-TTB được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai.

Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC-TTB có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

Việc trang bị bàn ghế trong phòng học tại khu C – cơ sở 778 Nguyễn Kiệm chưa thực sự phù hợp cho việc tổ chức linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập như thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Nhà trường tiếp tục đầu tư, trang bị thêm phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường sẽ bố trí lại hệ thống bàn ghế trong phòng học tại khu C – cơ sở 778 Nguyễn Kiệm để hỗ trợ tốt cho việc tổ chức linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H09.09.02.01]. Hiện Thư viện có 03 cơ sở với tổng diện tích là 2.618 m², NH chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QTKD chủ yếu khai thác và sử dụng thư viện tại cơ sở Nguyễn Kiệm. Ở mỗi cơ sở Thư viện đều bố trí các phòng chức năng chủ yếu, đảm bảo đủ điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [H9.09.02.02].

Thư viện Trường có nội quy và quy định sử dụng các dịch vụ một cách rõ ràng và cụ thể. Các nội quy và quy định được cập nhật và chỉnh sửa theo tình hình thực tế, cùng với phương thức phục vụ ngày càng đổi mới của Thư viện. Các thông tin được đăng tải kịp thời trên website Thư viện, giúp người sử dụng nhanh chóng cập nhật thông tin [H09.09.02.03]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành các quy trình như: quy trình tra cứu tài liệu, quy trình mượn trả tài liệu, tạo điều kiện cho người sử dụng tiếp cận với các dịch vụ tại Thư viện [H09.09.02.04]. Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn, giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt NH đầu khóa, nhằm giúp NH khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.05]. Các cơ sở Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động và phục vụ NH như: chỗ ngồi, bàn, ghế, máy tính, máy quét mã vạch, máy scan [H09.09.02.06].

Trường có đầy đủ học liệu bao gồm giáo trình, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tính đến tháng 03 năm 2023, nguồn học liệu của Thư viện bao gồm: tài liệu in ấn có 23.334 tựa/ 64.831 bản, tài liệu số có: 3.342 tựa tài liệu nội sinh và 07 cơ sở dữ liệu trực tuyến [H09.09.02.07], trong đó tài liệu phục vụ CTĐT thạc sĩ ngành QTKD là 1,964 tựa/ 7,891 bản sách, 68 tựa nghiên cứu khoa học, 193 tựa khóa luận tốt nghiệp. Ngoài tài liệu phục vụ cho từng chuyên ngành, Thư viện còn bổ sung các tài liệu phục vụ cho nhu cầu tham khảo thêm như sách văn học, tâm lý và kỹ năng [H09.09.02.08].

Hằng năm, các học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của NH và GV. Công tác cập nhật, bổ sung tài liệu có sự quan tâm và chú trọng. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các khoa, viện bổ sung tài liệu dựa trên CTĐT thạc sĩ, đề nghị của Khoa và Viện Đào tạo sau đại học, đảm bảo tài liệu phù hợp với các ngành đào tạo của Nhà trường [H09.09.02.09]. Định kỳ hằng năm, Thư viện rà soát và có dự toán mua sắm bổ sung tài liệu, các trang thiết bị chuyên dụng. [H09.09.02.10]. Bên cạnh nguồn học liệu bổ sung, Thư viện còn nhận được nguồn học liệu từ Quỹ Châu Á, CB-GV, NH tặng [H09.09.02.11]. Để tăng cường hợp tác và trao đổi, chia sẻ tài nguyên, Thư viện Trường còn hợp tác với các Thư viện/cơ quan thông tin và dự án có cùng chuyên ngành đào tạo để trao đổi, chia sẻ học liệu [H09.09.02.12]. Do đó, NH và GV Trường nói chung và Khoa QTKD nói riêng được tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú.

Thư viện cũng đã thiết lập cơ sở dữ liệu tài liệu môn học theo danh mục tài liệu trong ĐCCT của HP, nhằm phục vụ tra cứu tài liệu của GV và NH được thực hiện dễ dàng hơn, nhờ vào việc biên mục các tài liệu trên phần mềm. Thư viện có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện, để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện hệ thống Thư viện Trường được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện PSC zLIS 7.0

(Library Information System của Công ty PSC - Pyramid Software and Consulting), phần mềm giúp Thư viện thực hiện triệt để các chức năng quản lý của mình và theo dõi kết quả các dịch vụ, cùng hiệu quả sử dụng các nguồn học liệu hiện có tại Thư viện [H09.09.02.13]. Một số CSDL trực tuyến hiện tại của Thư viện thống kê được số lượng người sử dụng truy cập và sử dụng tài liệu hiệu quả [H09.09.02.14].

Định kỳ hằng năm, Thư viện tổ chức lấy ý kiến người sử dụng thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát [H09.09.02.15]. Kết quả khảo sát hằng năm (2019-2023), cho thấy trên 90% NH, CB-GV đánh giá hài lòng về chất lượng phục vụ của Thư viện [H09.09.02.16]. Ngoài ra, tại các cuộc hội nghị công tác SV mỗi học kỳ, Thư viện còn nhận được các ý kiến phản hồi từ NH về hiệu quả hoạt động của Thư viện [H09.09.02.17]. Các kết quả khảo sát hiệu quả hoạt động hàng năm, cùng những thông tin nhận được từ các hội nghị công tác SV mỗi học kỳ và dữ liệu từ hệ thống phần mềm của Thư viện, đều được Nhà trường sử dụng làm cơ sở, nhằm cải tiến nâng cao chất lượng nguồn học liệu, khắc phục các lỗi và mua sắm phần mềm quản lý Thư viện, đồng thời sửa chữa, bảo trì các trang thiết bị, để từng bước khắc phục những mặt còn hạn chế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ người sử dụng. [H09.09.02.18], [H09.09.02.19]. Cùng với định hướng phát triển theo hướng tự động hóa và hướng tới người sử dụng, Trường đã và đang thực hiện các dự án cải tạo, sửa chữa các trụ sở và triển khai, áp dụng các công nghệ hiện đại cho Thư viện như: công từ, quản lý tài liệu bằng công nghệ RFID. Theo đó, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất của Thư viện sẽ được cải thiện khang trang, hiện đại [H09.09.02.20], [H09.09.02.21]. Trong đề án chuyển đổi số của Trường, Nhà trường có chủ trương tăng cường đầu tư thư viện số, số hóa tài liệu, học liệu, chia sẻ và khai thác nguồn học liệu trên môi trường internet và thiết bị thông minh. Đây là cơ sở tạo đột phá và hình thành Thư viện hiện đại [H09.09.02.22].

Tóm lại, Trường luôn xác định Thư viện là một yếu tố quan trọng, thước đo đánh giá vai trò, chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả đào tạo và NCKH của Trường. Do đó, trong những năm qua Trường luôn có kế hoạch đầu tư, bảo trì, rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Thư viện, để không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ NH, trong đó có NH CTĐT thạc sĩ ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Nguồn học liệu (bản in và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, định kỳ được bổ sung, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của thạc sĩ ngành QTKD

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với người học.

Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện.

3. Điểm tồn tại

Công tác liên kết với các tổ chức Thông tin - Thư viện chưa được phát triển đúng tiềm lực.

Dịch vụ thông tin thư viện truyền thống vẫn chiếm ưu thế, thiếu những dịch vụ hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với khoa QTKD trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về ngành QTKD nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Phòng KHTC, Khoa/Viện, Thư viện thực hiện hàng năm

Khắc phục tồn tại: Tăng cường đầu tư CSVC, tài liệu chú trọng phát triển tài liệu số. Đẩy mạnh liên kết, chia sẻ và trao đổi tài liệu, kinh nghiệm phát triển với các Thư viện/Cơ quan thông tin, từng bước hình thành Thư viện hiện đại. Phòng QTTB, Phòng KHTC, Khoa/Viện, Thư viện thực hiện từ 2023 - 2025.

Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại Thư viện. Thư viện thực hiện 2023-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có 32 phòng thực hành bao gồm: phòng máy tính, phòng đặc thù, phòng thực hành DN, phòng LAB với các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QTKD thì các phòng thực hành máy tính, phòng đặc thù và phòng LAB đã được Trường phê duyệt và bàn giao cho Phòng Công nghệ thông tin quản lý căn cứ Quyết định số 791/QĐ-ĐHTCM ngày 14/5/2018, số 249/QĐ-ĐHTCM ngày 04/3/2020, số 1532/QĐ-ĐHTCM ngày 14/6/2022 của Hiệu trưởng Trường ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H9.09.03.01].

Các Khoa chức năng phối hợp cùng được Trường giao trọng trách thực hiện các công việc giảng dạy, đào tạo và hỗ trợ hoạt động NCKH. Trường hiện có 32 phòng thực hành có máy tính với 1363 bộ máy vi tính và được cung cấp các trang thiết bị phù hợp [H9.09.03.02].

Các phòng thực hành với tổng diện tích 3.070 m² được bố trí khoa học và hợp lý tại các cơ sở đào tạo của Trường bao gồm: 10 phòng máy tính tại cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình; 10 phòng máy tính (trong đó có 02 phòng đặc thù), 04 phòng thực hành Doanh nghiệp tại cơ sở Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức; 04 phòng máy tính và 03 phòng LAB tại cơ sở 27 Tân Mỹ, Quận 7; 01 phòng máy tại Trụ sở 778 Nguyễn Kiệm. Tại mỗi cơ sở có phòng máy tính, phòng Công nghệ thông tin cử 01 nhân viên IT trực thường xuyên tại phòng làm việc riêng biệt với diện tích từ 20-30 m² để quản lý CSVC đồng thời giám sát hệ thống mạng internet luôn đảm bảo phục vụ nhu cầu NH học tập và NCKH phù hợp với điều kiện của Trường nói chung và của Phòng CNTT nói riêng [H9.09.03.03]. Các phòng thực hành hiện đều được trang bị các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm phục vụ đầy đủ cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Để thực hiện tốt công tác quản lý người học và CSVC tại phòng thực hành máy tính. Nhà trường ban hành “Nội quy phòng thực hành” nêu rõ các trách nhiệm của người học, người quản lý và hướng xử lý vi phạm [H9.09.03.04].

Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Nhà trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các Khoa [H9.09.03.05].

Trong phòng thực hành ngoài việc có “Nội quy phòng thực hành” riêng còn có Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện do Phòng CNTT quản lý, ban hành và hướng dẫn chung cho người sử dụng [H9.09.03.06 - <https://phongcntt.ufm.edu.vn/vi/tu-van-ky-thuat>]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Phòng CNTT sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị; Sổ nhật ký theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng; Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị thực hành, đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07]. Phòng CNTT có cán bộ phụ trách phòng, thiết bị riêng [H9.09.03.08].

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thực hành hàng năm Nhà trường có tổ chức đối thoại NH [H9.09.03.09], [H9.09.01.07]. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Trường tiến hành phát phiếu khảo sát ý kiến của NH về phòng thực hành và các trang thiết bị ở mỗi học kỳ [H9.09.03.10], [H9.09.01.08]. Đây là cơ sở để Trường điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các học kỳ tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ phòng thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm tạo bài giảng e-learning tốt và dễ sử dụng, hỗ trợ các giáo viên tự biên soạn được các bài giảng điện tử được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành QTKD

Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ.

Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi của người sử dụng chưa đầy đủ, chưa được phân tích chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Công nghệ thông tin (CNTT) tiền thân là Trung tâm thông tin - Quản lý dữ liệu có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng xây dựng, phát triển, tổ chức thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của toàn Trường; Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H9.09.04.01]. Hệ thống kế hoạch, bảo trì, đầu tư, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được cập nhật kịp thời nhằm đảm bảo việc vận hành hạ tầng mạng, thiết bị CNTT và hệ thống phần mềm được ổn định và thông suốt; Phòng CNTT phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính lập dự toán CNTT và điều chỉnh bổ sung dự toán hàng năm theo quy định của cơ quan chủ quản là Bộ Tài chính; lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng mạng, phòng thực hành và thiết bị công nghệ thông tin [H9.09.04.02].

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, sinh viên và giảng viên được sử dụng 31 các phòng thực hành tại các cơ sở đào tạo với số lượng máy trung bình mỗi phòng là 40 máy tính có kết nối internet đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và đăng ký học tập thông qua phần mềm ứng dụng và phần mềm quản lý đào tạo (UIS) trên các nền tảng ứng dụng web và thiết bị di động. Ngoài ra, khi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện và bùng phát tại Việt Nam, đặc biệt là tái bùng phát tại Tp.HCM, Phòng CNTT phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo tham mưu cho Ban Giám hiệu chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến; tổ chức tập huấn giảng viên, viên chức giảng dạy và làm việc trực tuyến. Năm 2022, Nhà trường đã đầu tư và triển khai phần mềm đào tạo trực tuyến (E-learning) với danh mục các học phần có đào tạo trực tuyến theo quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường. Ngoài ra, Trường cung cấp cho GV, NV và NH Khoa QTKD email nội bộ và email tài khoản Office 365 để khai thác các ứng dụng của hệ thống phần mềm Office 365 (Word, Excel, Powerpoint, OneDrive, MS.Teams, Share Point,...) dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác đào tạo, học tập, NCKH, sinh hoạt công dân đầu khóa, công tác cố vấn học tập theo định kỳ, họp trực tuyến. [H9.09.04.03].

Về việc đầu tư mới, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập xuất phát từ nhu cầu thực tế trên cơ sở các đề xuất của các đơn vị thuộc Trường và người học và là căn cứ để Trường đầu tư mua sắm và thuê dịch vụ CNTT và trang bị mua sắm máy tính hàng năm và có chiến lược đầu tư lâu dài [H9.09.04.04].

Về việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Trường đã ban hành các kế hoạch, thực hiện kế hoạch với sự kiểm tra và phối hợp của Tổ kiểm soát công nghệ thông tin nội bộ được thành lập hàng năm theo yêu cầu của Bộ Tài chính; các đề án khoa học cấp cơ sở liên quan CNTT được phòng chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện là căn cứ, cơ sở khoa học tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và công tác chuyên môn của Trường [H9.09.04.05].

Về dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng CNTT tiến hành bố trí các sổ nhật ký tại các phòng máy thực hành, phòng đặc thù, phòng lab, phòng thực hành doanh nghiệp và tại các phòng trực để ghi nhận ý kiến, góp ý; các kết luận của cuộc họp giao ban sinh viên và cuộc họp giao ban sinh viên gần nhất theo Thông báo số 2360/TB-ĐHTCM ngày 16/11/2022 của Nhà trường cho thấy công nghệ thông tin của trường từng bước được chú trọng đầu tư, nâng cấp ngày càng có hiệu quả nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập và công tác chuyên môn của giảng viên, viên chức và người học [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, Phòng

cũng có trang thông tin điện tử www.phongcntt.ufm.edu.vn để cập nhật thông tin lịch giảng dạy phòng máy; tài liệu hướng dẫn cho giảng viên, người học và các kênh tiếp nhận phản ánh, ý kiến qua các hộp thư điện tử: hotrokythuataclc@ufm.edu.vn, hotrokythuataclc@ufm.edu.vn, hotrokythuataclc@ufm.edu.vn các hệ đào tạo và các nền tảng số để theo dõi và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến CNTT nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học, giảng viên, viên chức toàn Trường.

Về nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Phòng CNTT chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu cho Ban Giám hiệu thực hiện rà soát theo định kỳ hàng quý/ hàng năm, nâng cấp hệ thống phần mềm UIS và các phần mềm liên quan; hệ thống dự phòng và bảo mật; báo cáo công tác chuyển đổi số cho Cục Tin học và Thống kê Tài chính (Bộ Tài chính) theo định kỳ từ tháng 08/2022 theo Công văn số 1095/ THTK-HTKT ngày 27/10/2022 của Cục Tin học và Thống kê Tài chính (Bộ Tài chính) về việc báo cáo kết quả triển khai các đề án, nhiệm vụ về chuyển đổi số của Bộ Tài chính theo Quyết định số 1484/QĐ-BTC; xây dựng đề án “Chuyển đổi số tại Trường Đại học Tài chính - QTKD”. Mã số: CS-DA-09-22 [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm từng bước được đầu tư mua sắm mới, nâng cấp và thay thế dần các máy tính, thiết bị mạng và thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập và công tác chuyên môn của giảng viên, viên chức và người học. Đặc biệt, Trường chú trọng triển khai các nội dung của Đề án Chuyển đổi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030 hoàn toàn phù hợp với chiến lược chuyển đổi số quốc gia, Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng truy cập đồng thời tại thời điểm trước đầu mỗi học kỳ để đăng ký học phần rất lớn nên đôi lúc việc truy cập wifi và Internet còn khá chậm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và công tác chuyên môn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Trường sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT, mạng Internet và wifi, phần mềm ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn. Tăng cường sử dụng

thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có trạm y tế có nhiệm vụ quản lý, chăm sóc sức khỏe, tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm... xây dựng môi trường trường học lành mạnh, sạch đẹp, an toàn. Trường có quy định các tiêu chuẩn về công tác đảm bảo vệ sinh, vệ sinh an toàn thực phẩm trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan. [H9.09.05.01]

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng như: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản trị thiết bị, Trạm Y tế, ... chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) Về môi trường: Viên chức (VC), Người lao động (NLĐ) và Người học (NH) có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, ghế đá, mái che, tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho Giảng viên (GV) và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với công ty về vệ sinh như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và Trường thường xuyên bảo trì hệ thống xử lý nước thải [H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh...). [H9.09.05.03]. Trường có quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên, việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường, trong đó có NH là người khuyết tật, nhằm tạo môi trường, điều kiện học tập tốt hơn đối với NH là người khuyết tật. Qua đó, NH là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập. [H9.09.05.04].

ii) Về chăm sóc sức khỏe: Để chăm sóc sức khỏe cho VC, NLĐ và NH, Trạm Y tế đề xuất và phối hợp với phòng Quản trị Thiết bị, phòng Kế hoạch - Tài chính mua thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế, nhằm phục vụ công tác sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại phòng y tế các cơ sở học tập. [H9.09.05.05]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe, bảo trì, bảo dưỡng các máy lọc nước uống, vệ sinh bồn nước sinh hoạt đảm bảo sức khỏe VC, NLĐ và NH, giúp VC, NLĐ và NH yên tâm công tác và học tập tại Trường [H9.09.05.06].

Trường có kế hoạch tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với dịch vụ ăn uống trong Nhà trường, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử lý các vi phạm về ATTP, hạn chế thấp nhất ngộ độc thực phẩm trong Trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho VC, NLD và NH [H9.09.05.07].

iii) Về an toàn, an ninh trật tự: Trường có hệ thống tường rào bao quanh và được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24h. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera giám sát người ra vào thông qua kiểm tra thẻ tên có mã nhân sự, mã vạch của VC, NLD và NH. [H9.09.05.08].

Về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương hợp tác trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, y tế, phòng cháy chữa cháy... nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Qua các báo cáo về việc thực hiện tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” thì Trường luôn đạt chuẩn [H9.09.05.09]. Liên quan hoạt động phòng chống cháy nổ, toàn bộ khu vực làm việc, khu giảng đường tại các cơ sở được Trường trang bị trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ [H9.09.05.10]. Đồng thời, Trường phối hợp với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ. VC, NLD và NH được tập huấn và có chứng chỉ về PCCC. [H9.09.05.11].

Hàng năm, Trường lấy ý kiến phản hồi của NH về dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe qua việc thực hiện khảo sát ý kiến sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng khóa học, để cải thiện ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn về dịch vụ y tế, bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe hàng năm. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy trên 90% SV đánh giá hài lòng về dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe. [H9.09.05.12].

2. Điểm mạnh

Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về cơ sở vật chất cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt, ...luôn được Trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và xã hội tốt cho đội ngũ VC, NLD và NH trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu sinh hoạt chung còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường tiếp tục đẩy mạnh đến công tác môi trường sức khỏe và an toàn cho viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường sẽ trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả các khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Nhà trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các bên có liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật:

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị,... đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH. CSVC-TTB được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai. Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC-TTB có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành QTKD định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với người học. Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện. Có đầy đủ phòng thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành ... Các trang thiết bị trong phòng thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ. Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành và TTB. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người dạy và học ngành QTKD. Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành ... Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt,... luôn được Nhà trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và XH tốt cho đội ngũ CB-GV-NV và NH trong Trường.

Những tồn tại cơ bản:

Việc trang bị bàn ghế trong phòng học tại khu C – cơ sở 778 Nguyễn Kiệm chưa thực sự phù hợp cho việc tổ chức linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập như

thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực. Ý kiến phản hồi của người sử dụng chưa đầy đủ, chưa được phân tích chi tiết. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,40 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Công tác nâng cao chất lượng đối với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ luôn được Khoa/Bộ môn phụ trách chú trọng và thực hiện đúng quy định, quy trình và hiệu quả thông qua các điều sau: (1) Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH; (2) Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến; (3) Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; (4) Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; (5) Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến; (6) Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng

Có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTĐT và phản hồi từ các BLQ. Trong quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2018 đến nay, trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, NV, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, NTD và NH đã tốt nghiệp) để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH thông qua CTĐT. Hệ thống này bao gồm các bộ phận chức năng có trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi các BLQ và các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ [H10.10.01.01].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTĐT. Những lần rà soát CTĐT năm 2018, 2020 và xây dựng mới CTĐT năm 2021 đều có sự tham gia soạn thảo, lấy ý kiến, phản hồi từ các BLQ. Các BLQ đến việc thiết kế và phát triển CTDH bao gồm: Đội ngũ GV là người tham gia trực tiếp vào quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT (trong đó có CTDH). Không những thế họ sẽ

chính là những người có ý kiến phản hồi lại khi tham gia vào giảng dạy để tiếp tục điều chỉnh những lần sau; Các chuyên gia giáo dục và cán bộ quản lý sẽ là những người đưa ra ý kiến phản hồi về dự thảo CTĐT để đóng góp xây dựng cũng như phát triển CTĐT; NH có thể gián tiếp tham gia vào quá trình này thông qua các kênh thông tin như sinh hoạt lớp với CVHT được tổ chức tối thiểu 01 lần mỗi học kỳ; Đối với NH năm cuối và cựu NH sẽ được tiến hành khảo sát về chất lượng khóa học (trong đó có khảo sát về CTĐT). Ngoài ra, nội dung CTĐT và học phần cũng được bổ sung, điều chỉnh thông qua góp ý của NTD và tình hình thực tế của xã hội. Những phản hồi này đã được tổng hợp, xử lý và lập thành các báo cáo làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTĐT. Từ các CTĐT này, Khoa/Bộ môn đã xây dựng CTDH phù hợp và tương thích qua các năm. Các hoạt động khảo sát được triển khai đầy đủ và bài bản. Tuy nhiên, số lượng phiếu khảo sát chưa được mở rộng ở mỗi đối tượng, [H10.10.01.02- 07].

2. Điểm mạnh

Hoạt động khảo sát các BLQ đã được trường/khoa triển khai đầy đủ và bài bản, kết quả phản hồi hiệu quả, có độ tin cậy để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Số lượng mỗi đối tượng được khảo sát chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các BLQ bên trong và bên ngoài về chất lượng CTĐT định kỳ hàng năm. Đơn vị thực hiện: Phòng KT&QLCL và Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Mở rộng quy mô khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau. Đơn vị thực hiện: Phòng KT& QLCL và Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Có quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Vào các lần thực hiện đánh giá, rà soát việc xây dựng và phát triển CTĐT (năm 2018, 2020, 2021), Trường luôn thực hiện dựa trên quy định hiện hành của BGDĐT để chuẩn hóa bằng các văn bản cụ thể. Dựa trên các văn bản của Trường, Khoa/Bộ môn đã tuân thủ và thực hiện theo đúng từng bước trong quy trình, bao gồm: thành lập tổ soạn thảo; khảo sát lấy ý kiến các BLQ; xác định lại các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành, chuyên ngành; tham khảo CTĐT của một số trường khác; tổ chức họp tổ bộ môn, họp liên khoa giữa Khoa/Bộ môn: CTĐT năm 2020, 2021 họp giữa các

bộ môn khoa QTKD, CTĐT 2022 họp liên khoa gồm Khoa QTKD, Khoa Thương mại và Khoa Marketing để lấy ý kiến. Từ đó CTĐT được tổ soạn thảo thiết kế và trình BGH quyết định thông qua CTĐT [H10.10.02.01].

Trường thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Sau khi lấy ý kiến của các BLQ, Trường thực hiện tổng hợp ý kiến và giao về Khoa cùng với phòng QLKH rà soát và đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Trường. Tuy nhiên, các đối tượng được lấy ý kiến về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học chưa được nhiều [H10.10.02.02].

Cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Sau khi thực hiện việc rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, định kỳ Trường luôn thực hiện cải tiến quy trình này nếu thấy cần thiết. Từ năm 2021, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thay thế bằng Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục, dẫn đến việc xây dựng mới CTĐT trình độ thạc sĩ theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng năm 2021 của Trường [H10.10.02.03-4].

2. Điểm mạnh

Trường đã thiết lập và rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTĐT thống nhất trong toàn trường theo đúng quy định hiện hành của Bộ BGDĐT.

3. Điểm tồn tại

Các đối tượng được lấy ý kiến về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục rà soát quy trình thiết kế, phát triển CTĐT theo quy định của BGDĐT. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH và Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

- *Khắc phục tồn tại:* Rà soát, cập nhật quy trình thiết kế và phát triển CTĐT theo quy định nếu có thay đổi và mở rộng đối tượng được khảo sát. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH và Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR. Để phù hợp với quy

định về CDR, Trường đã ban hành những quy định tương ứng về việc rà soát, đánh giá KQHT của NH như quy định về công tác tổ chức và kế hoạch dự giờ theo từng học kỳ, quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, quy trình ra đề thi, chấm thi kết thúc học phần, đề cương học phần [H10.10.03.01].

Triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Khoa/Bộ môn định kỳ triển khai, rà soát việc sử dụng các phương pháp dạy và học thông qua hoạt động dự giờ giảng viên, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Định kỳ, NH, cựu NH được lấy ý kiến phản hồi về quá trình dạy và học và KQHT. Kết quả phản hồi này là cơ sở để cải tiến hoạt động kiểm tra/đánh giá KQHT của NH. Việc rà soát, đánh giá này được thực hiện thông qua các lần khảo sát, các cuộc họp cấp Khoa, cấp trường và các Hội thảo, từ đó đưa ra kế hoạch cải tiến. Tuy nhiên, số lượng tổ chức hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập chưa nhiều [H10.10.03.02-05].

2. Điểm mạnh

Có quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của NH, phù hợp với CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tổ chức hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Đơn vị thực hiện: Phòng KT& QLCL, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Trường và cụ thể là Phòng QLĐT cùng với Khoa/Bộ môn định kỳ hàng năm tổ chức hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập cho giảng viên. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Căn cứ quy định về NCKH và công nghệ của ĐHTCM, định kỳ hàng năm Trường triển khai đăng ký hoạt động NCKH gồm các hoạt động: biên soạn giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo, các công trình nghiên cứu liên kết và các đề tài NCKH các cấp. Nội dung các đề tài NCKH này đều có liên quan đến các nội dung các học phần được giảng dạy trong ngành [H10.10.04.01].

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTĐT. Kết quả NCKH được sử dụng để phục vụ công tác giảng dạy như: giáo

trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo; xây dựng ngân hàng đề thi. Bên cạnh đó, hàng năm các bộ môn đều tổ chức họp để xác định tính ứng dụng các công trình NCKH và kết quả các đề tài NCKH cũng được các GV áp dụng chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong các học phần có liên quan. Khoa/Bộ môn cũng phổ biến các đề tài NCKH thông qua các Hội thảo cấp Khoa, cấp Trường.... Tuy nhiên, do ngành QTKD có nhiều chuyên ngành nên kết quả NCKH chưa được phổ biến và chuyển tải hết cho toàn ngành [H10.10.04.02-03].

Có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và các hoạt động học tập của NH. Kết quả NCKH cũng góp phần làm phong phú thêm nguồn tài liệu tham khảo cho GV, NH và được sử dụng để cải tiến việc dạy và học thông qua hội thảo, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến kết quả NCKH. Tuy nhiên việc tổ chức các hội nghị, hội thảo để phổ biến các NCKH chưa được tiến hành thường xuyên [H10.10.04.04-06].

2. Điểm mạnh

Kết quả NCKH có tính ứng dụng cao trong việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Kết quả NCKH chưa được phổ biến và chuyển tải hết cho toàn ngành. Hội nghị, hội thảo để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học chưa được thực hiện thường xuyên trong giai đoạn trước 2022.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* GV tiếp tục đăng ký các đề tài NCKH liên quan đến ngành đào tạo, tiếp tục đăng ký đề tài hướng ứng dụng và phát triển các case study cho các môn học của ngành. Đơn vị thực hiện: Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

- *Khắc phục tồn tại:* Khoa/Bộ môn định kỳ nên tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề cho GV và NH để triển khai kết quả từ việc thực hiện các đề tài NCKH hoặc đưa ra các chủ đề thảo luận tình huống của các học phần. Đơn vị thực hiện: Khoa/Bộ môn đào tạo chuyên ngành QTKD. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Có văn bản quy định về việc ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường luôn coi trọng việc ĐGCL

các dịch vụ hỗ trợ cho NH nên đã ban hành các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.01].

Có thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, CTNH, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,...). Căn cứ văn bản quy định về việc ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, Trường và Khoa/Bộ môn luôn thực hiện việc đánh giá định kỳ mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ thông qua các kênh: Sinh hoạt lớp với CVHT và Hội nghị NH được tổ chức định kỳ, thường xuyên; khảo sát lấy ý kiến người sử dụng dịch vụ định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó, Trường và các phòng có trách nhiệm liên quan đều có những hoạt động theo dõi, kiểm tra định kỳ để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp. Tuy nhiên số lượng mẫu khảo sát lấy ý kiến phản hồi còn chưa nhiều [H10.10.05.02].

Có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Thông qua việc đánh giá mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện/đổi mới phương thức và chất lượng phục vụ. Việc kiểm kê tài sản cố định hàng năm, ĐGCL đơn vị cung cấp dịch vụ luôn được triển khai hàng năm để kịp thời sửa chữa, thay thế vật tư, thiết bị cũ hỏng, thay đổi đơn vị cung cấp dịch vụ không đạt yêu cầu [H10.10.05.03-04]

2. Điểm mạnh

Việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện thường xuyên, liên tục.

3. Điểm tồn tại

Số lượng mẫu khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ còn chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đơn vị thực hiện: Thư viện, Phòng QTTB, Phòng KT&QLCL và Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Tăng quy mô khảo sát đối với các BLQ về mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đơn vị thực hiện: Phòng KT&QLCL, Thư viện, Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống. Thông qua các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ, cơ chế phản hồi của các BLQ được thực hiện một cách có hệ thống. Dựa vào kế hoạch khảo sát hàng năm của phòng KT&QLCL, các đơn vị trong trường đều hỗ trợ và thực hiện theo tiến độ. Các khảo sát này bao gồm: Khảo sát NH cuối khóa; Khảo sát cựu NH; khảo sát GV, NCV; Khảo sát DN có NH thực tập. Tuy nhiên, số lượng mỗi đối tượng khảo sát chưa nhiều. Để lấy ý kiến của các BLQ, bên cạnh các hoạt động khảo sát thì trường/khoa cũng đã thực hiện thông qua các kênh khác như: Gửi mail các văn bản/quy định mới soạn thảo/điều chỉnh để lấy ý kiến góp ý của CBVC trong trường; lấy ý kiến đánh giá của các chuyên gia; thu thập ý kiến của CBVC trong các cuộc họp khoa/bộ môn; ghi nhận ý kiến phản hồi của NH thông qua các hội nghị NH, họp với CVHT [H10.10.06.01-02].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá. Cơ chế phản hồi của các BLQ được Trường và Khoa/Bộ môn có đào tạo các chuyên ngành thuộc ngành QTKD đánh giá sau mỗi lần thực hiện. Trong các báo cáo đánh giá kết quả khảo sát luôn có phần nhận xét ưu, nhược điểm và có những đề xuất cho những lần lấy ý kiến phản hồi sau này [H10.10.06.03].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được cải tiến. Sau khi đã đánh giá cơ chế phản hồi thì Trường cũng như Khoa/Bộ môn đều có những kế hoạch để cải tiến về nội dung, phương thức phản hồi [H10.10.06.03].

2. Điểm mạnh

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng mỗi đối tượng khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục cập nhật quy trình thiết kế, phát triển CTĐT theo quy định của BGDĐT. Đơn vị thực hiện: Phòng KT&QLCL, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Mở rộng quy mô khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau. Đơn vị thực hiện: Phòng KT&QLCL, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Kết luận tiêu chuẩn 10

Điểm mạnh nổi bật: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng để làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo đúng quy định hiện hành của BGDĐT. Quá trình dạy

và học cũng như việc đánh giá KQHT NH luôn được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Ngoài ra, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá và cải tiến nhằm hỗ trợ NH một cách tốt nhất.

Điểm tồn tại cơ bản: Kết quả NCKH chưa được phổ biến và chuyển tải hết cho toàn ngành, số lượng tổ chức hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập chưa nhiều nhưng Khoa/Bộ môn đã có kế hoạch để khắc phục trong những năm tới.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.

Mở đầu

Nguồn tuyển sinh đầu vào trình độ thạc sĩ của Trường được lựa chọn từ các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp. CTĐT của các Khoa/Bộ môn chuyên môn được thiết kế bài bản và NH được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại trường. Chính vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của NH ngành QTKD được xác lập và giám sát chặt chẽ. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được Viện ĐTSĐH cập nhật hàng năm [H11.11.01.01-03]. Thông tin về tỷ lệ NH tốt nghiệp, thôi học của ngành QTKD từng khóa được thống kê như sau.

Bảng 11.1: Bảng thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học ngành QTKD

Khóa	SL NH nhập học	SL NH tốt nghiệp	Tỷ lệ NH tốt nghiệp	Số lượng NH thôi học		
				Trong 2 năm	Từ 2-3 năm	Từ 3-4 năm
2019	37	34	92%	0	0	3
2020	56	53	95%	0	2	2
2021	60	0	-	1	0	0
2022	144	0	-	0	0	0
2023	136	0	-	0	0	0

Ghi chú: Khóa tuyển sinh năm 2021, 2022 chưa có NH tốt nghiệp.

(Nguồn: Tổng hợp từ các QĐ tốt nghiệp, thôi học qua các năm của Viện ĐTSDH)

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích và giám sát. Qua bảng thống kê cho thấy, đa số NH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các học phần trong CTĐT, tỷ lệ NH tốt nghiệp so với các ngành khác trong trường không có chênh lệch nhiều. Khoa/Bộ môn đặc biệt quan tâm, theo dõi và giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của NH thông qua đội ngũ CVHT, ban cán sự lớp nhằm hỗ trợ để NH có thể hoàn tất CTĐT trong thời gian quy định. Trong các kỳ họp hội đồng xét tốt nghiệp, Trường luôn có phân tích, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến NH không đủ điều kiện tốt nghiệp để từ đó tìm ra các biện pháp hỗ trợ NH [H11.11.01.04-05].

Đối sánh hàng năm về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Qua các báo cáo thống kê đánh giá, phân tích nguyên nhân thôi học, Khoa/Bộ môn sẽ có những kiến nghị cụ thể nhằm giảm tỷ lệ thôi học của ngành. Nhìn chung, tỷ lệ NH thôi học của ngành QTKD là khá nhỏ so với tổng số NH của khóa, đa số NH thôi học của ngành là do khó khăn trong việc thực hiện luận văn tốt nghiệp (chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số thôi học). Tuy nhiên, việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học mới chỉ là các báo cáo thống kê, phân tích đánh giá giữa các ngành. Việc đối sánh hàng năm chưa được sử dụng để cải tiến chất lượng CTĐT. Trong giai đoạn tới, Khoa/Bộ môn sẽ thực hiện đối sánh ngang, đối sánh dọc về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của ngành để tạo thêm một kênh thông tin cho hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT. Các kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của ngành QTKD với các ngành đào tạo khác trong trường cũng là những cơ sở để Khoa/Bộ môn xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành TC - NH [H11.11.01.04].

Bảng 11.2. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học giữa một số ngành trong Trường (ngành TC-NH và QTKD)

Khóa	Ngành	Tài chính - ngân hàng	Quản trị kinh doanh
	Tỷ lệ tốt nghiệp		
2019		84%	92%
2020		91%	95%
2021		0%	0%
2022		0%	0%
2023		0%	0%
Tỷ lệ thôi học			
2019		16%	8%
2020		4%	7%
2021		8%	2%

2022	0%	0%
2023	0%	0%

Ghi chú: Khóa tuyển sinh năm 2021, 2022 chưa có NH tốt nghiệp.

(Nguồn: Tổng hợp từ các QĐ tốt nghiệp, thôi học qua các năm của Viện ĐTSĐH)

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của NH ngành QTKD được khoa xác lập, phân tích và giám sát chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh hàng năm về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành còn chưa được quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Đội ngũ CVHT, ban cán sự lớp và bộ phận chức năng sẽ tiếp tục phát huy trong việc nắm bắt tình hình tốt nghiệp, thôi học hàng năm của NH ngành QTKD. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Dựa vào kết quả thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, định kỳ hàng năm Khoa/Bộ môn thực hiện đối sánh ngang và đối sánh dọc giữa các ngành trong trường để đánh giá nguyên nhân, tìm biện pháp khắc phục; và đây là một cơ sở quan trọng làm căn cứ để Khoa/Bộ môn thực hiện rà soát CTĐT nhằm cải tiến chất lượng đào tạo ngành QTKD. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá. Khung thời gian học tập của CTĐT trình độ thạc sĩ từ 1,5 – 2 năm, được phép kéo dài tối đa không quá 2 năm. Thời gian cần thiết cho một NH bình thường hoàn thành chương trình học tập là 2 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH được xác lập và giám sát chặt chẽ [H11.11.02.01-03]. So với các ngành khác trong trường thì thời gian tốt nghiệp trung bình của NH cũng tương đương với các ngành đào tạo khác, có xu hướng giảm dần theo thời gian, tiến đến thời gian cần thiết [H11.11.02.05].

Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành QTKD

Năm học	Số lượng nhập học	Tốt nghiệp trong 2 năm	Tốt nghiệp từ 2-3 năm	Tốt nghiệp từ 3-4 năm	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
2019	37	22	10	2	2.41
2020	56	46	5	2	2.17
2021	60	-	-	-	-
2022	144	-	-	-	-
2023	136	-	-	-	-

Ghi chú: Khóa tuyển sinh năm 2021, 2022 chưa có NH tốt nghiệp.

Nguồn: Tổng hợp từ các QĐ tốt nghiệp qua các năm của Viện ĐTSĐH)

Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Trường/Khoa cũng đã phổ biến CĐR cũng như các điều kiện để tốt nghiệp cho NH từ đầu khóa học để NH có kế hoạch học tập, CVHT và Ban cán sự lớp thường xuyên theo dõi, đôn đốc nhắc nhở CĐR của ngành qua các kênh: UIS, group lớp trên facebook, zalo.... Qua việc tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn cho thấy, có một tỷ lệ nhỏ các NH chưa tốt nghiệp đúng tiến độ là do NH còn gặp khó khăn trong việc thực hiện luận văn tốt nghiệp [H11.11.02.04].

Có tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Trong các kỳ họp hội đồng xét tốt nghiệp, Trường luôn có phân tích, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến NH không đủ điều kiện tốt nghiệp. Đồng thời, hội đồng cũng có đánh giá hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ đã thực hiện trước đó để xem xét tiếp tục thực hiện những giải pháp có hiệu quả và điều chỉnh những giải pháp không còn phù hợp nữa [H11.11.02.04].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành QTKD được trường/khoa xác lập, được giám sát chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Khoa/Bộ môn vẫn chưa tổ chức các buổi tổng kết chuyên biệt để đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy điểm mạnh: Tăng cường tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn và đề xuất nhiều biện pháp hỗ trợ NH. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

- Khắc phục tồn tại: Tổng kết, đánh giá hiệu quả các giải pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Thực hiện đối sánh ngang, đối sánh dọc về thời gian tốt nghiệp

trung bình của NH với các chuyên ngành khác trong trường và một số trường ĐH khác trong nước. Đơn vị thực hiện: Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Đặc thù của CTĐT trình độ thạc sĩ là đại đa số người học đang làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, tại các tổ chức tài chính, tại các DN và tổ chức khác. Do đó, mối quan tâm của người học không phải là việc làm, mà là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác, và cải thiện vị trí việc làm sau tốt nghiệp. Về phía Trường giao cho Viện ĐTSĐH định kỳ triển khai khảo sát khả năng cải thiện vị trí việc làm của NH sau tốt nghiệp [H11.11.03.02]. Đây là một trong những căn cứ để Trường điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo trong trường. Ngoài ra, Ban liên lạc cựu sinh viên cấp trường được thành lập với nhiệm vụ tạo mối quan hệ liên kết với cựu NH và nắm bắt các yếu tố liên quan đến công việc của NH sau tốt nghiệp. Về phía Khoa, mỗi đợt rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa/Bộ môn đều triển khai khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp cũng như khả năng tham gia vào thị trường lao động của NH. Ban liên lạc cựu sinh viên cấp Khoa cũng thường xuyên cập nhật tình hình việc làm của cựu NH để Khoa/Bộ môn có những hỗ trợ kịp thời [H11.11.03.01].

2. *Điểm mạnh*

Trường/khoa có bộ phận, có quy trình thống kê, lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp, vị trí việc làm cũng như môi trường làm việc của cựu NH trình độ thạc sĩ.

Tỷ lệ cải thiện vị trí việc làm sau tốt nghiệp của cựu NH được xác lập và giám sát.

3. *Điểm tồn tại*

Chưa định kỳ tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ NH tốt nghiệp cải thiện vị trí việc làm.

4. *Kế hoạch hành động*

- *Phát huy điểm mạnh:* Hàng năm, duy trì hoạt động khảo sát khả năng cải thiện vị trí việc làm của NH tốt nghiệp. Theo dõi vị trí việc làm và môi trường làm việc của cựu NH để tổ chức thảo luận trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của ngành. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: hàng năm.

- *Khắc phục tồn tại:* Định kỳ trong các buổi họp chuyên môn, Khoa/Bộ môn tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân đề xuất các biện pháp khắc phục cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ NH thuộc chuyên ngành mình quản lý cải thiện vị trí việc

làm. Đơn vị thực hiện: Viện ĐTSĐH và Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. *Tự đánh giá*: tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập và giám sát. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Trường/Khoa đều có kế hoạch, các thông báo khuyến khích NH tham gia các hoạt động NCKH cấp trường, cấp bộ. Để hỗ trợ cho NH thực hiện tốt các đề tài NCKH, Khoa có tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn phương pháp NCKH cho NH. [H11.11.04.01-02].

Một đặc trưng của CTĐT trình độ thạc sĩ là NH bắt buộc phải thực hiện luận văn cao học, và luận văn cao học theo quy định là một báo cáo khoa học [H11.11.04.03]. Căn cứ vào hướng nghiên cứu của GV, chỉ tiêu hướng dẫn theo quy định và nguyện vọng của NH, Trường ra quyết định giao đề tài và kế hoạch thực hiện luận văn thạc sĩ cho NH [H11.11.04.04].

Luận văn sau khi đã hoàn tất chỉnh sửa sau Hội đồng được lưu bản cứng và file mềm tại Thư viện trường để lưu trữ và cho bạn đọc tham khảo.

Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Hệ thống theo dõi giám sát hoạt động khoa học được tổ chức chặt chẽ từ cấp khoa đến cấp trường. Theo đó, Trường đã ban hành các quy định và sổ tay NCKH dành cho NH. Qua đó NH hiểu rõ các quy trình thực hiện cũng các yêu cầu về đánh giá đối với một đề tài NCKH. Phòng QLKH là đơn vị chức năng theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH và GV trường [H11.11.04.02].

Có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau. Việc đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH mới chỉ được Khoa thực hiện đối sánh giữa các chuyên ngành đào tạo, giữa các CTĐT khác trong trường, chưa thực hiện đối sánh với ngoài trường [H11.11.04.06].

Có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH. Hàng năm, trường đều phân bổ kinh phí NCKH cho Khoa dựa trên số lượng NH của Khoa. [H11.11.04.05].

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH ngành QTKD được xác lập và giám sát.

Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa định kỳ đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH ngành QTKD với các ngành khác trong trường.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm tìm ra hướng nghiên cứu mới, giúp tăng loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH ngành QTKD. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- *Khắc phục tồn tại:* Đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH với các ngành khác là yêu cầu bắt buộc trong các buổi tổng kết công tác NCKH NH. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ (cán bộ NV, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, NTD) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC... Hàng năm, Trường và Khoa/Bộ môn đều tổ chức khảo sát GV về sự hỗ trợ của Trường trong công tác, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng; khảo sát cựu NH về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm; khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV và khảo sát các NTD về chất lượng đào tạo theo quy định. Trong các khảo sát này thì mức độ hài lòng của các BLQ luôn được xác lập [H11.11.05.01-02].

Mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT hoặc của các CTĐT khác trong và ngoài CSGD. Qua các năm, trong các khảo sát luôn xác lập mức độ hài lòng của các BLQ. Mức độ hài lòng này luôn được đối sánh với kết quả trước đó của chính CTĐT hoặc của các CTĐT khác trong trường. Tuy nhiên, việc đối sánh các mức độ hài lòng của NH với mức độ hài lòng của NH trường khác chưa thể thực hiện được vì lý do chủ quan trong công tác công khai của các trường chưa được thực hiện đồng bộ [H11.11.05.04].

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh được sử dụng để Trường cũng như Khoa/Bộ môn sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Mức độ hài lòng được xác lập và được đối sánh qua các năm để Khoa đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT

và các dịch vụ hỗ trợ cho các BLQ, từ đó Trường xem xét và lập các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ [H11.11.05.03]

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các BLQ luôn được xác lập và được đối sánh với kết quả trước đó của chính CTĐT hoặc của các CTĐT khác trong trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh các mức độ hài lòng của NH với mức độ hài lòng của NH trường khác chưa thể thực hiện được.

4. Kế hoạch hành động

- *Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ về mức độ hài lòng với nhiều hình thức như: online, gọi điện thoại, phát phiếu... cho mỗi đối tượng một cách linh hoạt. Đơn vị thực hiện: Phòng KT& QLCL, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Hàng năm

- *Khắc phục tồn tại:* Trường cần liên kết với các CSGD ĐH trong và ngoài nước để chia sẻ các thông tin có liên quan đến NH, trong đó có thông tin về các mức độ hài lòng của NH để thực hiện đối sánh. Đơn vị thực hiện: Phòng KT& QLCL, Khoa/Bộ môn. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2024.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7)

Kết luận tiêu chuẩn 11

Điểm mạnh nổi bật:

Kết quả đầu ra của NH các chuyên ngành thuộc ngành QTKD luôn được đảm bảo. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm cũng như mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và cải tiến chất lượng.

Điểm tồn tại cơ bản:

Việc đối sánh hàng năm về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thi học để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành so với các CSĐT khác chưa được thực hiện.

Đánh giá về tiêu chuẩn 11:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,80 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III: KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu và CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ được xác định cụ thể, rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại điều 5 Luật GDĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Qua quá trình rà soát và điều chỉnh thì mục tiêu và CĐR của CTĐT thể hiện rõ về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, triển vọng việc làm trong tương lai và có thể đo lường, đánh giá được. Mục tiêu và CĐR của CTĐT thể hiện được chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chịu trách nhiệm, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của chuyên ngành QTKD mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Điều này đã được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và từng HP. Khoa QTKD đã quán triệt nhiệm vụ đến từng chuyên viên và GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu CTĐT đề ra.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ đầy đủ, cụ thể và thể hiện sự đóng góp của từng HP vào CĐR. Tất cả đều được trình bày rõ ràng, chi tiết, thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo quy định của Bộ GD-ĐT, theo kế hoạch và quy trình của Nhà trường, trên cơ sở khảo sát các bên liên quan và đối sánh với các CTĐT cùng trình độ ở những nơi khác. Ma trận CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình.

Đề cương của các HP được mô tả đầy đủ thông tin và được chuẩn hóa theo quy định của BGD&ĐT và của Hội đồng khoa học cấp Trường, cấp Khoa. Bản mô tả CTĐT và các đề cương HP được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên và ngày càng đầy đủ hơn, chi tiết hơn theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa và các bên liên quan. Thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương HP đều được công bố công khai và các bên liên quan dễ tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học với cấu trúc gồm các HP ở khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung và cấu trúc của CTDH được Khoa QTKD thiết kế với trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính

tích hợp cao giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành giúp NH có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng HP, các HP trong cấu trúc CTDH để đạt CĐR. Cấu trúc của CTDH logic, hợp lý, việc vận hành CTDH một cách nhuần nhuyễn và hiệu quả, có hệ thống và tạo điều kiện thuận lợi CTDH cho NH trong việc lựa chọn đăng ký HP cũng như dạy học.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục thể hiện lồng ghép trong sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của Nhà trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan thông qua nhiều phương tiện truyền thông. Các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế đa dạng, linh hoạt phù hợp để đạt CĐR. Các hoạt động dạy – học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở, đại đa số NH hài lòng với PPGD của GV. Các hoạt động dạy và học có chiến lược, được thể hiện cụ thể trong cấu trúc CTDH, trong các đề cương HP, các hoạt động dạy và học trên lớp cũng như các hoạt động ngoại khóa khác tạo điều kiện cho NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, 100% đề cương HP mô tả rõ việc sử dụng phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả của NH.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá học tập nhằm hướng tới đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện một cách phù hợp theo CĐR và mục tiêu từng HP. Nhà trường có quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả học tập của NH một cách rõ ràng, cụ thể, nhằm đạt CĐR, được công bố công khai, rộng rãi cho các BLQ.

Những quy định về kiểm tra đánh giá học tập được thực hiện rõ ràng, cụ thể và chặt chẽ về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Những quy định này được thông báo công khai với NH và ghi rõ trong đề cương các HP. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá học tập được công bố kịp thời, công khai, đúng quy định để NH cải thiện việc học tập.

Nhà trường và khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động giảng dạy, ra đề thi, chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập rõ ràng, cụ thể được công bố công khai để NH dễ dàng biết và thực hiện. Quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập được giải quyết theo quy trình, đảm bảo khách quan, công bằng và tin cậy.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc lương cho GV được thực hiện có kế hoạch, có tiêu chí cụ thể rõ ràng, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng. Các thủ tục xin nghỉ việc, chuyển công tác, nghỉ hưu đều được thực hiện một cách chặt chẽ đúng quy định của Luật lao động. Các GV cơ hữu và thỉnh giảng đều đảm bảo đủ tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Tỷ lệ GV/NH đáp ứng được yêu cầu quy định. Năng lực của GV và chuyên viên được xác định rõ ràng bằng các tiêu chí cụ thể, thể hiện qua việc hoàn thành khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH và các công việc khác được giao. Kết quả thực hiện công việc được đánh giá dựa trên quy chế của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Số lượng và chất lượng đội ngũ chuyên viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) hiện nay đủ đảm bảo phục vụ cho NH và GV. Tất cả đều có bằng cấp thích hợp và nghiệp vụ thành thạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, hỗ trợ NH tận tình. Hằng năm, Nhà trường đều có quy trình, triển khai kế hoạch đánh giá thành tích của đội ngũ chuyên viên dựa trên quy định về khối lượng công việc đã được đề ra theo bản kế hoạch và bản mô tả công việc.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, minh bạch và đúng quy định của BGD&ĐT, giúp có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, xét tuyển từ cao xuống thấp. Chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó NH có thông tin đầy đủ về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở NH ngay từ khi nhập học.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về tuyển sinh và áp dụng các phương pháp tuyển chọn và ứng dụng công nghệ trong việc xét tuyển. Hoạt động hỗ trợ NH khá đa dạng và phù hợp. Nhà trường có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH để nắm bắt và hỗ trợ kịp thời NH để họ có sự tiến bộ. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có CSVC với hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng cùng trang thiết bị hỗ trợ đảm bảo phục vụ tốt cho CTĐT của Khoa QTKD ngành QTKD. Tất cả các phòng học đều có đủ phương tiện dạy và học như máy chiếu, máy lạnh và máy quạt. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC, có chức năng

giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

Thư viện đầy đủ sách và tài liệu hỗ trợ trong học tập, nghiên cứu. Hệ thống CNTT, phòng thực hành máy tính phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Cảnh quan môi trường tốt, tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn và vệ sinh môi trường, y tế, PCCC đạt yêu cầu của địa phương.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, theo một quy trình thống nhất. Các ý kiến của các BLQ được ghi nhận và làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình nâng cao chất lượng đào tạo và CTDH. Chương trình đào tạo và CTDH được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến kỳ trên cơ sở mục tiêu đào tạo và theo một quy trình thống nhất và tham vấn các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Qua đó, tạo ra CTĐT có tính khoa học, chính xác, quá trình dạy học hợp lý.

Việc đánh giá kết quả học tập được rà soát, hầu hết các đề tài NCKH đều gắn với hoạt động dạy và học, kết quả NCKH được chuyển thành nội dung phục vụ cho việc cải tiến hoạt động dạy và học. Nhà trường thực hiện đầy đủ các đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm cải tiến chất lượng. Nhà trường và Khoa thường xuyên đầu tư thêm và cải thiện các dịch vụ hỗ trợ ngày càng tốt hơn.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Nhà trường có bộ phận, quy trình công cụ theo dõi, cập nhật tỉ lệ thi học, tốt nghiệp của CTĐT qua các năm học, khóa học và được giám sát. Nhà trường đã quy định rõ ràng về khung thời gian đào tạo trong CTĐT và công bố công khai quy chế đào tạo, kết quả học tập của NH để NH nắm rõ và theo dõi tiến độ học tập.

Tình hình học tập của NH được cập nhật thường xuyên thông qua CB quản lý. Các yêu cầu về CDR, kết quả học tập của NH, danh sách NH cảnh báo học tập, buộc thôi học, tốt nghiệp được công bố công khai thông qua công thông tin của Nhà trường, giúp NH dễ dàng tiếp cận và theo dõi về tình hình học tập của mình.

Hoạt động NCKH của NH được Nhà trường quy định một cách rõ ràng, có những biện pháp khuyến khích, hỗ trợ NH NCKH nhằm gia tăng cả số lượng và chất lượng, công bố công khai để NH nắm rõ.

Việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ được Nhà trường thực hiện thường xuyên và rộng rãi, cập nhật đã giúp Nhà trường đưa ra các biện pháp kịp thời nâng cao chất lượng.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay. Sự gắn kết giữa Khoa QTKD với nhà tuyển dụng để nắm bắt nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ chưa được cập nhật thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của cựu NH, nhà tuyển dụng còn ít và chưa đa dạng.

Tiêu chuẩn 3 : Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Một số ĐCCT của học phần không thuộc ngành quản lý chưa có tổ hợp các PP KTĐG để đạt CĐR .Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc đánh giá mức độ hiểu rõ về TLGD của các BLQ vẫn chưa được khảo sát. NH tham gia vào các buổi báo cáo chuyên đề (môn học có các tiết học có sự tham gia của DN) chưa thực sự chủ động. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho người học hiểu đầy đủ về việc sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp. Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính. Khoa chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong CTĐT, việc đánh giá các PP KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm

thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm,...) được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với người học về từng loại điểm thành phần. Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ GV có học hàm là GS, PGS còn ít.

Việc đánh giá chất lượng công việc của GV ở cấp độ Khoa QTKD chưa triệt để bám sát các tiêu chí chất lượng đã ban hành trong các quy chế trả lương. Do đó, công tác đánh giá chất lượng vẫn theo xu hướng đánh giá khối lượng hoàn thành công việc.

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện chung cho hai đối tượng có hai nhu cầu khác nhau là GV và NV dẫn đến kết quả có một số phần chưa hợp lý.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Bộ máy hành chính đã tinh gọn rất nhiều so với lúc vừa sát nhập 02 trường, tuy nhiên tỷ lệ 75 giảng viên/25 viên chức hành chính như chiến lược đã đề ra vẫn chưa đạt được. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng, chưa thu hút nhiều ứng viên xuất sắc. Hầu hết các VC có nhu cầu cao trong việc cân bằng giữa công tác chuyên môn và gia đình, tận hưởng cuộc sống, nên việc bố trí thời gian để triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi khi không đạt được kết quả như mong đợi. Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu NH và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Khoa chưa thực hiện phân tích KQHT của người học thường xuyên và đồng bộ với phân tích KQHT của Phòng QLĐT nên chưa thực sự giám sát hiệu quả sự tiến bộ trong học tập của người học thuộc các ngành mà Khoa quản lý. Hiệu quả của sự phối

hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của NH chưa được định kỳ đánh giá. Các báo cáo KQHT được thực hiện chung cho cả trường và các ngành do khoa quản lý, chưa được tổng hợp riêng cho ngành QTKD.

Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH đa số gói gọn trong phạm vi Trường, chưa đa dạng các hoạt động mang phạm vi cấp thành phố hoặc cả nước để thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Tuy khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đổi chuẩn sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện.

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh. Thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào,...). Nhà trường chưa tiến hành khảo sát về nhu cầu sử dụng khuôn viên công cộng cũng như môi trường tâm lý đối với CB-GV-NV.

Tiêu chuẩn 9 : Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Lợi thế của hệ thống văn phòng mở cũng là điểm bất lợi, gây nên một số hạn chế bởi tiếng ồn và không gian dùng chung khi cần giải quyết công việc chuyên môn của các đơn vị, phòng ban. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực. Ý kiến phản hồi của người sử dụng chưa đầy đủ, chưa được phân tích chi tiết. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 10 : Nâng cao chất lượng

Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT chưa nhiều. Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học chưa được thực hiện đầy đủ đối với các học phần khoa không quản lý. Một số học phần, tỷ lệ người học hài lòng về phương pháp dạy – học và đánh giá kết quả học tập còn chưa cao.

Tiêu chuẩn 11 : Kết quả đầu ra

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. Vẫn còn một số NH còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Năm 2024, Khoa tiếp tục tham khảo các trường ĐH trong và ngoài nước có đào tạo ngành QTKD, xây dựng kế hoạch đánh giá đồng cấp để rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau.

Khoa định kỳ 2 năm tiến hành đánh giá và điều chỉnh lại CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD nhằm nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với CĐR.

Từ năm 2024 - 2025, Khoa QTKD mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT và kết quả đầu ra của NH.

Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm 2024 - 2025, Khoa sẽ chỉ đạo Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa QTKD tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng từ đơn vị người sử dụng lao động.

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP trình độ thạc sĩ ngành QTKD còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

Khoa chưa thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan về mục đích sử dụng thông tin trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT, thông tin nào được các bên liên quan quan tâm nhiều.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm 2024 - 2025, Trường và Viện đào tạo SDH tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

Từ năm 2024 - 2025, Viện đào tạo SDH thay đổi cách thức và PP trong việc thu thập các thông tin, ý kiến đóng góp của các NTD, cựu NH, NH năm cuối để phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng và cập nhật CĐR của CTĐT và của các học phần để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của XH.

Từ năm 2024 - 2025, Viện đào tạo SDH sẽ tiến hành tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức thăm dò khác để thu thập ý kiến NTD và các về CTDH.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phổ biến triết lý giáo dục đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về triết lý giáo dục để nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn triết lý giáo dục của Trường và Khoa; khảo sát các BLQ về triết lý giáo dục của Trường.

Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện triết lý giáo dục của Trường và Khoa.

Từ năm 2024 - 2025, Khoa sẽ ban hành quy định để tất cả GV chú trọng việc hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập một cách hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp người học sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

Tiêu chuẩn 5 : Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm 2024 – 2025, Khoa sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các môn học trong CTĐT đều được đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các PP đánh giá được hướng dẫn. Bên cạnh đó, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa sẽ triển khai việc bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa sẽ sinh hoạt với GV để thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho người học sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa phối hợp với P.KT & QLCL điều chỉnh sổ sung quy định và phân định rõ nghĩa vụ người học trong các trường hợp khiếu nại đúng/sai, trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2023 - 2024, xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD, của Trường để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV.

Từ năm 2023 - 2024, Khoa QTKD tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

Từ năm học 2023 – 2024, Khoa QTKD đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

Hiện nay, trường đang bắt đầu triển khai công tác đánh giá toàn diện nhân sự và Khoa QTKD đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa QTKD sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD xây dựng kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV. Khoa QTKD tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

Từ năm học 2023 - 2024, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của Khoa QTKD.

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD sẽ khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Trường tiếp tục rà soát, quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Từ năm 2023, Trường triển khai tuyển dụng viên chức hành chính trên cơ sở phân tích rất kỹ, từng vị trí việc làm và xu hướng phát triển; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong năm 2023, Đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, mạng lưới liên hệ với cựu SV.

Thực hiện đánh giá đội ngũ nhân viên định kỳ theo từng quý và nghiên cứu cơ chế sử dụng kết quả đánh giá để chi trả thu nhập tăng thêm cho đội ngũ nhân viên.

Thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ áp dụng vào công việc để đánh giá, cải tiến.

Xây dựng các chính sách khen thưởng, động viên kịp thời để tạo động lực cho các đội ngũ NV trong quá trình làm việc.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2023 – 2024, ngoài việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các cựu NH và NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu NH và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

Từ năm học 2023 - 2024, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ DN cùng với Khoa nên tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường cần có chính sách rõ ràng hơn để thu hút lượng sinh viên giỏi, chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Năm học 2023 - 2024, Khoa tiếp tục phân tích KQHT của người học một cách cụ thể nhằm giám sát và hỗ trợ người học học tập tốt hơn. Nhà trường cần định kỳ đánh giá hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của NH. Khoa phân loại báo cáo KQHT của từng ngành nhằm dễ dàng nắm bắt sự thay đổi.

Từ năm học 2023 – 2024, Khoa sẽ phối hợp cùng Phòng CTSV và Đoàn trường nghiên cứu và tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online để tạo cơ hội cho NH có thể tham gia nhiều hoạt động và có điều kiện giao lưu, học hỏi với NH các trường bạn. Khoa thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức,...

Từ năm học 2023 – 2024, Nhà trường tăng cường một số cây cảnh tạo thêm không gian xanh. Bố trí thêm không gian sinh hoạt chung và không gian riêng yên tĩnh phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu dựa trên khảo sát nhu cầu sử dụng của CB-GV-NV.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường sẽ bố trí lại hệ thống văn phòng cho Khoa được khoa học hơn, tạo thêm phòng làm việc nhóm và không gian nghiên cứu riêng phù hợp cho GV và NH.

Từ năm học 2023 - 2024, tăng cường đầu tư CSVC, tài liệu chú trọng phát triển tài liệu số. Đẩy mạnh liên kết, chia sẻ và trao đổi tài liệu, kinh nghiệm phát triển với các Thư viện/Cơ quan thông tin, từng bước hình thành Thư viện hiện đại. Bên cạnh đó sẽ đa dạng các loại hình dịch vụ tại Thư viện.

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT, mạng Internet và Wifi, phần mềm ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.

Từ năm 2023 - 2024, Nhà trường sẽ trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả các khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Nhà trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các bên có liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD sẽ phối hợp với P.ĐT, P.KT & QLCL tổ chức tập huấn kỹ các bước thực hiện QT xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD sẽ tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, đánh giá rút kinh nghiệm đối với các GV để tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá KQHT hiệu quả.

Trong giai đoạn 2023 - 2024, Khoa sẽ có chính sách nâng cao chất lượng NCKH của GV và NH cả về nội dung NC, phạm vi NC và có chính sách động viên GV thực hiện các nghiên cứu gắn với DN. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng các kết quả NCKH vào cập nhật TLHT.

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường sẽ xây dựng, ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn về khảo sát, thiết kế công cụ khảo sát.

Thực hiện đối sánh ý kiến các BLQ để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy – học, hoạt động hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Kể từ năm học 2023 - 2024, các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ.

Từ năm học 2023 - 2024, Viện ĐTSĐH định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT hay hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD phối hợp cùng các Phòng, Trung Tâm, Khoa, Viện đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu NH để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường theo từng ngành, từng CTĐT, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của xã hội.

Từ năm 2023 - 2024, Nhà trường đẩy mạnh việc NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Nhà trường và Viện sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra thông qua Đoàn – Hội, Viện triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho NH về vai trò của NCKH trong NH.

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Tài chính-Marketing**

Mã trường: **DMS**

Tên CTĐT: **Ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ**

Mã CTĐT: **7340101**

Tiêu chuẩn,	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt			

tiêu chí	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	Mức trung	Số tiêu	Tỷ lệ số tiêu
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4	3	100%
Tiêu chí 1.1					4					
Tiêu chí 1.2					4					
Tiêu chí 1.3					4					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4	3	100%
Tiêu chí 2.1					4					
Tiêu chí 2.2					4					
Tiêu chí 2.3					4					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4	3	100 %
Tiêu chí 3.1					4					
Tiêu chí 3.2					4					
Tiêu chí 3.3					4					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4	3	100%
Tiêu chí 4.1					4					
Tiêu chí 4.2					4					
Tiêu chí 4.3					4					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4	5	100%
Tiêu chí 5.1					4					
Tiêu chí 5.2					4					
Tiêu chí 5.3					4					
Tiêu chí 5.4					4					
Tiêu chí 5.5					4					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,57	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					4					
Tiêu chí 6.6					4					
Tiêu chí 6.7					4					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,40	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					4					
Tiêu chí 7.4					4					
Tiêu chí 7.5					4					

Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100%
Tiêu chí 8.1				5						
Tiêu chí 8.2				5						
Tiêu chí 8.3				5						
Tiêu chí 8.4				5						
Tiêu chí 8.5				5						
Tiêu chuẩn 9								4,40	5	100%
Tiêu chí 9.1				5						
Tiêu chí 9.2			4							
Tiêu chí 9.3				5						
Tiêu chí 9.4			4							
Tiêu chí 9.5			4							
Tiêu chuẩn 10								5,00	6	100%
Tiêu chí 10.1				5						
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3				5						
Tiêu chí 10.4				5						
Tiêu chí 10.5				5						
Tiêu chí 10.6				5						
Tiêu chuẩn 11								4,80	5	100%
Tiêu chí 11.1				5						
Tiêu chí 11.2				5						
Tiêu chí 11.3				5						
Tiêu chí 11.4				5						
Tiêu chí 11.5			4							
Đánh giá chung CTĐT								4,46	50	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Tài chính - Marketing
2. Tiếng Anh: The University of Finance - Marketing
3. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Tài chính - Marketing
 - Tiếng Anh: UFM
4. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Bán công Marketing
5. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Tài Chính
6. Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
7. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 028. 3872 6789 - 028. 3872 6699
8. E-mail: contact@ufm.edu.vn Website: www.ufm.edu.vn
9. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1976
10. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2004 (Bạc ĐH)
11. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2008
12. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

(tick vào ô vuông)

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa QTKD
 - Tiếng Anh: Faculty of Business Administration
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa QTKD
 - Tiếng Anh: FBA
14. Tên trước đây (nếu có): không
15. Mã CTĐT: D340.101
16. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Khoa QTKD: Phòng 307 số 778 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP.HCM

17. Số điện thoại liên hệ:

- Khoa QTKD: 028. 3772 0580 (Số nội bộ: 354)
- Email khoa QTKD: khoaqtkd@ufm.edu.vn
- Website Khoa QTKD: www.khoaqtkd.ufm.edu.vn

18. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

2004 (Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing), tiền thân là Khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing – thành lập năm 1996

19. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2004

20. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2008

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa QTKD được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là trường ĐHTCM), tiền thân là Khoa Quản lý thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing.

Sứ mạng: Khoa QTKD phấn đấu kiến tạo những trải nghiệm thực tiễn cho SV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý với các chuyên ngành như QTKD tổng hợp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án và hướng đến là Quản trị nguồn nhân lực; có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Chương trình giảng dạy của Khoa cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh doanh hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm thực tế cần thiết để thành công trong môi trường làm việc toàn cầu, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và sự phát triển của cộng đồng.

Tầm nhìn: Khoa QTKD phấn đấu phát triển trở thành một trong số những đơn vị đào tạo, nghiên cứu hàng đầu về kinh doanh và quản lý ở khu vực phía Nam, cả nước và khu vực Đông Nam Á với các CTĐT có CLC nhất theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra.

Các giá trị cốt lõi của chương trình dạy học:

(1) *Cam kết về chất lượng*: Tiếp cận Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại giúp SV đạt được thành công cá nhân và đóng góp cho xã hội;

(2) *Trách nhiệm xã hội*: Đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có trách nhiệm và đạo đức trong nghề nghiệp cũng như có trách nhiệm đối với xã hội;

(3) *Tư duy độc lập*: Tạo cơ hội cho SV suy nghĩ phân tích và tư duy độc lập trong việc đưa ra quyết định và xây dựng lòng tin;

(4) *Sáng tạo*: Khuyến khích, hỗ trợ và khen thưởng cho các nỗ lực liên tục tìm kiếm tri thức và các giá trị tinh thần;

(5) *Tính chính trực*: Đào tạo những nhà kinh doanh, nhà quản lý trung thực và đáng tin cậy trong tất cả các hoạt động;

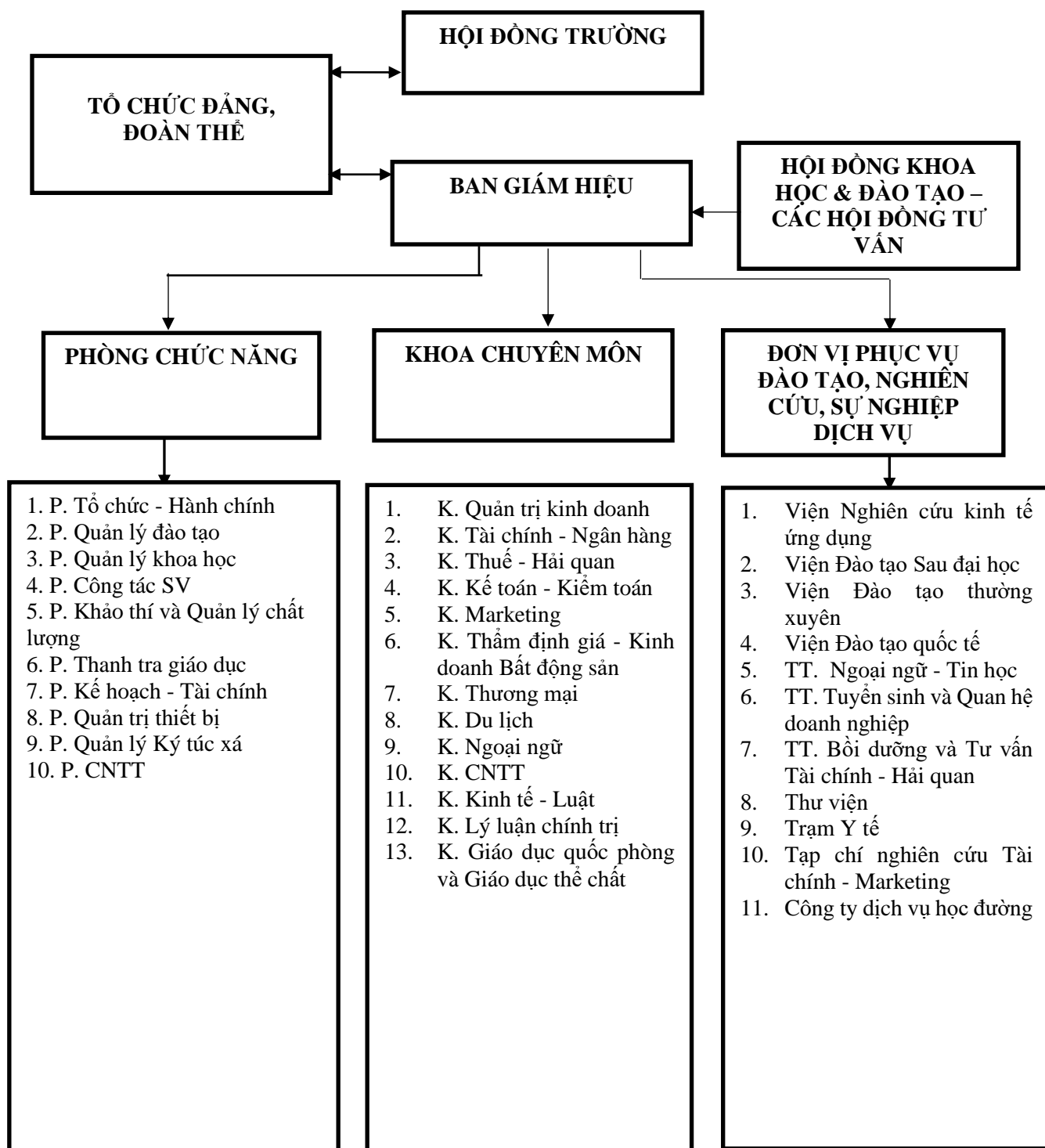
(6) *Tôn trọng sự khác biệt*: Giúp SV biết tôn trọng sự khác biệt để nhận ra giá trị của sự đa dạng.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa QTKD gồm: 01 trưởng khoa, 01 phó khoa, 04 trưởng/phó bộ môn, 02 giáo vụ, Hội đồng khoa học khoa và các tổ chức Đảng, đoàn thể như chi bộ, tổ công đoàn, đoàn thanh niên.

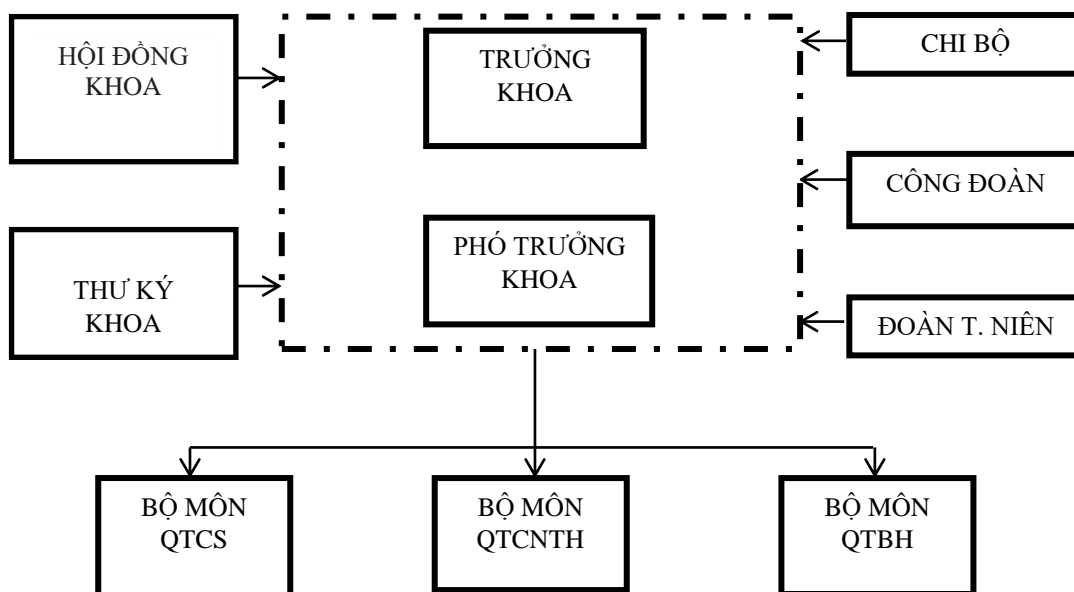
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing



b. Cơ cấu tổ chức của Khoa QTKD – Trường Đại học Tài chính – Marketing



B1. Cơ cấu hành chính của Khoa QTKD

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1.	Ban Giám hiệu	Phạm Tiến Đạt	1980	PGS. TS, Hiệu trưởng	phamtiendat@ufm.edu.vn
2.	Ban Giám hiệu	Lê Trung Đạo	1972	TS, P. Hiệu trưởng	ltdao@ufm.edu.vn
3.	Ban Giám hiệu	Cao Tấn Huy	1985	TS, P. Hiệu trưởng	caohuy@ufm.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị				
	Khoa QTKD				
1.	Lãnh đạo	Huỳnh Thị Thu Sương	1974	TS, Trưởng khoa	huynhthusuong@ufm.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Email
2.	Lãnh đạo	Trần Nhân Phúc	1979	TS, Phó Trưởng khoa	phucnhantran@ufm.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Đoàn khoa	Nguyễn Thành Đông	1989	ThS, Bí thư Đoàn trường	thanhdong.ufm@gmail.com
2.	Công Đoàn	Nguyễn Xuân Hiệp	1966	TS, Chủ tịch Công đoàn trường	nxhiep@ufm.edu.vn
3.	Tổ chức Đảng	Hồ Thủy Tiên	1961	PGS, TS, Bí thư Đảng ủy	tienht@ufm.edu.vn
III. Các phòng ban					
1.	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Tấn Hưng	1976	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	nt.hung@ufm.edu.vn
2.	Phòng KH - TC	Hoàng Thái Hưng	1981	ThS, Trưởng phòng KH - TC	hoangthaihungufm@gmail.com
3.	Phòng Quản lý đào tạo	Huỳnh Thế Nguyễn	1978	TS, Trưởng phòng Quản lý đào tạo	huynhthenguyen@ufm.edu.vn
4.	Phòng Quản trị thiết bị	Nguyễn Hồng Thanh	1972	ThS, Trưởng phòng Quản trị thiết bị	nh.thanh@ufm.edu.vn
5.	P. Quản lý KH	Phan Thị Hằng Nga	1977	PGS.TS, Trưởng P. Quản lý KH	phannga@ufm.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Email
6.	Phòng Công tác SV	Nguyễn Thanh Hải	1975	ThS, Trưởng phòng Công tác SV	nguyenthanhhai@ufm.edu.vn
7.	Phòng KT& QLCL	Đàm Đức Tuyền	1968	ThS, Trưởng phòng KT& QLCL	ductuyen@ufm.edu.vn
8.	Phòng Thanh tra giáo dục	Nguyễn Công Duy	1982	ThS, Trưởng phòng Thanh tra giáo dục	nguyencongduy@ufm.edu.vn
9.	Phòng CNTT	Trần Minh Tùng	1978	ThS, Phụ trách phòng CNTT	tungufm@ufm.edu.vn
10.	phòng Quản lý KTX	Nguyễn Lai Dương Phong	1969	ThS, Trưởng phòng Quản lý KTX	nguyenlaiduongphong@ufm.edu.vn
V.	Các bộ môn				
1	Bộ môn cơ sở	Cánh Chí Hoàng	1977	Tiến sĩ	canhchihoang@ufm.edu.vn
2	Bộ môn chuyên ngành tổng hợp	Trần Văn Hưng	1979	Tiến sĩ	hungtranvan79@ufm.edu.vn
4	Bộ môn Quản trị bán hàng	Huỳnh Thị Thu Sương	1974	PGS, Tiến sĩ	huynhthusuong@ufm.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 2 chuyên ngành

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 2 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo ĐH: 4 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 6 chuyên ngành

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không có

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Vừa làm vừa học.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

29. Tổng số các ngành đào tạo: 4 ngành

IV. Cán bộ, người học, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	36	45	81
I.1	Cán bộ trong biên chế	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	36	45	81
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	36	45	81

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại GV *Tiến sĩ*

¹ ...
² ...

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	16	0	3	0	0
5	Thạc sĩ	57	57	0	0	0	0
6	ĐH	2	2	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	79	76	0	3	0	0

(Khi tính số lượng các Tiến sĩ khoa học (TSKH), TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 79 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $79/81 = 97,5\%$

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường ĐH, học viện).

³...

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
2	Phó Giáo sư	3,0	1	1	0	0	0	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	19	16	0	3	0	0	32,18
5	Thạc sĩ	1,0	57	57	0	0	0	0	61
6	ĐH	0,3	2	2	0	0	0	0	0,6
	Tổng		79	76	0	3	0	0	96,78

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1,26%	1	0	0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	24,05%	15	4	0	7	9	2	1
5	Thạc sĩ	57	72,16%	20	37	0	27	29	1	0
6	ĐH	2	2,53 %	0	2	0	2	0	0	0
	Tổng	79	100%	36	43	0	36	38	3	2

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 40,52 tuổi

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $19/79 = 24,05\%$

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ Th trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $57/79 = 72,15\%$

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	37%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	63%	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015	1114	921	82,67	389	Đợt 1: 20,75 Đợt 2: 16	Đợt 1: 21,34 Đợt 2: 18,12	2
2016	4619	410	8,87	304	23	23,6	0
2017	7101	924	13	570	HB: 9,1 THPT: 19,8	HB: 9,4 THPT: 20,51	0
2018	7144	907	12,7	520	HB: 7,27 THPT: 22,3	HB: 8,78 THPT: 22,86	0
2019	24468	1719	7,03	Chờ QĐ chia	HB ưu tiên: 25,1	HB ưu tiên: 26,54	0

				CN đối với khóa 20D	HB ko ưu tiên: 27,1 ĐGNL: 750	HB ko ưu tiên: 27,59 ĐGNL: 773	
--	--	--	--	------------------------------	---	--	--

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015 -2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV ĐH Trong đó:					
Hệ chính quy	1654	1399	1570	1722	1332 (Khóa 20D chưa phân CN)
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: 01

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Số lượng (người)	2	2	2	2	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,59	0,52	0,46	0,4	0,53

37. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1.536	13.970	11.436	11.436	11.436
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1.654	1.399	1.570	1.722	1.322
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	310	184	303	370	467
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,95	75,9	37,7	30,9	24,48

38. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH.

	Năm học				
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Số lượng (người)	-	8	5	14	5
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	-	0,57	0,32	0,81	0,37

39. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp ĐH Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	357	430	308	303	210
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

Tình trạng tốt nghiệp của NH của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 -2021
1.Số lượng người học tốt nghiệp (người).	357	430	308	303	210
2.Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75,3				
3.Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	89,9	73,8	85,2	88,0	92,7
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	8,6	21,8	12,0	11,1	6,2
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	1,5	4,5	2,8	0,9	1,1
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	61,4	80,2	83,0	89,2	90,7
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	29,4	34,9	0	0	0
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	53,7	56,7	87,6	100	88,7
	46,3	43,3	12,4	0	11,3
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm gần ngành đào tạo (%)	5-10 triệu	5-10 triệu	7-10 triệu	7-10 triệu	7-10 triệu
4.3. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	61,4	80,2	83,0	89,2	90,7
4.4. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	59,8	67,2	71,8	73,3	72,7
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	30,1	28,3	20,4	22,1	24,1
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	10,1	4,5	7,8	4,6	3,2

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	1	3	1	0	0	10
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	6	10	2	0	20
3	Đề tài cấp trường	0,5	10	47	51	46	11	82,5
4	Tổng		13	56	62	48	11	112,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 46

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $46/79 = 0,58$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	23	36	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	6	
Trên 6 đề tài	0	0	1	
Tổng số cán bộ tham gia	0	25	43	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	2	0	0	0	4
2	Sách giáo trình	1,5	3	0	1	4	7	22.5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	2	0	0	1
5	Tổng		3	2	3	4	7	27.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 27,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $27,5/79 = 0,35$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	5	0	1

Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	5	0	1

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (tính lại):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	2	20	29	78
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	18	16	32	43	59	192
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	0	5	2	3	5.5
	Tổng		19	16	39	65	91	275,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 275,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $275,5/79 = 3,49$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	26	47	15
Từ 6 đến 10 bài báo	2	7	0
Từ 11 đến 15 bài báo	2	2	0
Trên 15 bài báo	1	4	0
Tổng số cán bộ tham gia	31	60	15

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	5	3	12	35	55
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	0	4	34	6	30,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	8	7	30	6	4	15,5
4	Tổng		24	12	37	52	45	101

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 101

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $101/79 = 1,28$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	26	47	15
Từ 6 đến 10 báo cáo	2	7	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	2	2	0
Trên 15 báo cáo	1	4	0
Tổng số cán bộ tham gia	31	60	15

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018	0
2019	0
2020	0
2021	0
2022	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	11	97	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	11	97	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	2	2	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	1	49

VII. Cơ sở vật chất, thư viện.

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 64.973 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 180 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 190 m² Nơi học: 24.923 m² Nơi vui chơi giải trí: 5.708 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²): 19.000 m²

Phòng lớn :m². Phòng nhỏ: m²,..... m².

Phòng thực hành nghề luật: m².

- Tổng diện tích phòng học: 19.000 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,3 m²

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1.457 tựa sách, 6.095 bản Tiếng Việt

583 tựa sách với 1619 bản Tiếng Anh.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 14 máy

- Dùng cho người học học tập: 1174 máy

Tỷ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,08.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 79 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 97,5%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $20/79 = 25,32\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $57/79 = 72,15\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1.621

Tỷ số người học chính quy trên GV : 21,05

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): $1422/1621 = 87,72\%$

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Kiến thức: 92,7 % Kỹ năng: 92,7 %

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Kiến thức: 6,2 % Kỹ năng: 6,2 %

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 90,7 %

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 58,3 %

Tỷ lệ người học có việc làm liên quan đến ngành đào tạo (%): 30,4 %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 11,3 %

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

Dưới 3 triệu: 0%, từ 3-5 triệu: 0%, từ 5-7 triệu: 28,2 %, từ 7-10 triệu: 54,4 % và trên 10 triệu: 17,4 %.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 72,7 %

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):
24,1 %

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:
 $46/79 = 0,58$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,59

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,348.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,49

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,28

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $1.174/14.632=0,08$
máy

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $19.000/14.632 = 1,3 \text{ m}^2$

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $11.436/1900 = 6,02 \text{ m}^2/\text{người}$

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1885/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM ngày 28/9/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chu kỳ và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;


Căn cứ phê duyệt của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 1663/TTr-ĐHTCM-KTQLCL ngày 25/7/2023 của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng về việc bổ sung nội dung triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2023;

Theo đề nghị của Trường Khoa Quản trị kinh doanh, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo; Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường (đề t/h);
- Lưu: VT, QTKD, KTQLCL. 



PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**
(Kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-ĐHTCM ngày 04 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Tiến Đạt	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Huỳnh Thị Thu Sương	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Phó Chủ tịch
4	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thư ký Hội đồng
5	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
6	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Thành viên
7	Phan Thị Hằng Nga	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thành viên
8	Hoàng Thái Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Thành viên
9	Nguyễn Thanh Hải	Tiến sĩ, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
10	Nguyễn Thái Châu	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên
11	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Thành viên
12	Nguyễn Thị Trúc Hà	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện	Thành viên
13	Trần Thế Nam	Tiến sĩ, Phó Trưởng bộ môn – Phụ trách bộ môn Quản trị bán hàng	Thành viên
14	Vũ Hồng Vân	Tiến sĩ, giảng viên chính - Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
15	Phạm Văn Hà	Học viên lớp MBA19-1 CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người./.


BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-DHTCM ngày 04 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Trưởng ban
2	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện trưởng Viện đào tạo sau đại học	Thành viên
3	Lượng Văn Quốc	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
4	Nguyễn Gia Ninh	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
5	Phan Thị Hằng Nga	PGS, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thành viên
6	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ, Giảng viên chính Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
7	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thành viên



Danh sách gồm có: 07 người./ 

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH
NHÓM CÔNG TÁC THUỘC HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

(Kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Nhóm 1:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Thế Nam	Tiến sĩ, Phó Trưởng bộ môn, phụ trách bộ môn Quản trị bán hàng, Khoa Quản trị kinh doanh	Trưởng nhóm
2	Lượng Văn Quốc	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thư ký nhóm 1
5	Phan Thị Hằng Nga	PGS, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thành viên
4	Hồ Xuân Tiến	Tiến sĩ, giảng viên chính Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
5	Phạm Hồng Hải	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
6	Phạm Thanh Phú	Thạc sĩ, Chuyên viên chính Phòng Khảo thí và QLCL	Thành viên
7	Nguyễn Gia Ninh	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên

Nhóm 2:

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Trưởng nhóm
2	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Thạc sĩ, chuyên viên Viện Đào tạo sau đại học	Thư kí nhóm 2
3	Vũ Hồng Vân	Tiến sĩ, giảng viên chính Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
4	Lê Ngọc Dũng	Tiến sĩ, Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
5	Nguyễn Thị Trúc Hà	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện	Thành viên

Nhóm 3:

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Trưởng nhóm
2	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ, giảng viên chính Khoa Quản trị kinh doanh	Thư ký nhóm 3
3	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Thạc sĩ, chuyên viên Viện Đào tạo sau đại học	Thành viên
4	Đoàn Ngọc Tâm	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thành viên

Danh sách gồm có: 17 người./




BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH
THƯ KÝ CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lượng Văn Quốc	Tiến sĩ, Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	- Tổng hợp Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. - Tổng hợp Báo cáo tiêu chuẩn/ tiêu chí thành Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh
2	Nguyễn Gia Ninh	Tiến sĩ, Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Quản lý minh chứng cung cấp cho toàn bộ Báo cáo tự đánh giá

Danh sách gồm có: 02 người./.



Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT

1

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1647/KH-ĐHTCM-KTQLCL Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo
ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT), đáp ứng đủ các yêu cầu và điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa và các đơn vị liên quan theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng là 5 năm.

3. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của BGDĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, CĐ, TCNN.

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDĐT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH).

- Công văn số 1704/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí - Kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

- Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng.

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời hạn thu thập thông tin, minh chứng và hoàn thành báo cáo tự đánh giá
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5	Nhóm 1	Đến ngày 31/12/2023
2	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 2	Đến ngày 31/12/2023
3	Tiêu chuẩn 8, 10, 11	Nhóm 3	Đến ngày 31/12/2023
4	Tổng hợp hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và hồ sơ minh chứng	Thư ký chương trình	Đến ngày 09/01/2024

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

5.1. Giai đoạn tự đánh giá: Từ năm 2019 – 2023.

5.2. Huy động các nguồn lực:

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá chu kì 2 chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ, Nhà trường cần huy động và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài Trường như sau:

TT	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Nhiệm vụ	Thời gian
1	Toàn thể cán bộ viên chức tại các đơn vị chức năng thuộc Trường.	Cung cấp thông tin, số liệu, văn bản minh chứng theo yêu cầu của Khoa.	Từ giai đoạn triển khai đến giai đoạn hoàn thành báo cáo TĐG.
2	Toàn thể cán bộ, giảng viên, chuyên viên trong khoa.	- Thu thập thông tin, minh chứng. - Đọc, góp ý báo cáo tự đánh giá của các tiêu chuẩn. - Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	Từ giai đoạn triển khai đến giai đoạn hoàn thành báo cáo TĐG.
3	Khoa mời 15 học viên đại diện cho các khóa học từ năm 2019 đến năm 2023.	Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	Theo yêu cầu cụ thể của Đoàn đánh giá ngoài.
4	Khoa mời 15 cựu học viên đại diện cho các khóa tốt nghiệp từ năm 2019 đến năm 2023.	Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	
5	Khoa mời 15 nhà tuyển dụng đang sử dụng học viên tốt nghiệp các khóa từ năm 2019 đến năm 2023.	Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	
6	Kinh phí thực hiện triển khai tự đánh giá.	- Chuyên gia phân biện báo cáo TĐG. - Thù lao viết hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. - Triển khai các hoạt động khác cần thiết khi có phát sinh.	Dự trù kinh phí riêng cho công tác tự đánh giá chương trình đào tạo.

6. Kế hoạch thu thập thông tin và các chỉ số đảm bảo chất lượng

- Thời điểm chốt lấy số liệu về các chỉ số đảm bảo chất lượng: **31/12/2023**

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
1	Thông tin và cơ sở dữ liệu chung của Trường	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục I - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng TCHC	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
2	Thông tin và cơ sở dữ liệu riêng của Khoa	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục II, III - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
3	Các chỉ số về giảng viên	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục IV - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng TCHC, Khoa và các đơn vị liên quan.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
4	Các chỉ số về người học	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục V - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Viện ĐTSĐH, P. QLKH, KTQLCL, Khoa và các đơn vị liên quan.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
5	Các chỉ số liên quan đến nhà tuyển dụng	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục V - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Viện ĐTSĐH, P. KTQLCL, Khoa và các đơn vị liên quan.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
6	Các chỉ số liên quan đến nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục VI - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng QLKH, Khoa.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
7	Các chỉ số liên quan đến cơ sở vật chất	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	VII - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng QTTB, CNTT, Thư viện.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần):

Thuê chuyên gia tư vấn, tập huấn viết và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo kế hoạch và lịch trình cụ thể thống nhất giữa Trường với chuyên gia.

8. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm thực hiện	Giám sát việc thực hiện
Từ ngày 31/7/2023 đến ngày 04/8/2023 (01 tuần)	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT, Ban thư ký và các nhóm công tác, thư ký chương trình. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; phân công về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác, thư ký chương trình. - Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch TĐG CTĐT. 	Phòng KTQLCL, KHTC	Ban Giám hiệu

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm thực hiện	Giám sát việc thực hiện
Từ ngày 07/8/2023 đến ngày 09/01/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn quy trình TĐG và nội hàm yêu cầu của các tiêu chí/tiêu chuẩn cho các nhóm công tác và các bên liên quan (nếu có). - Thu thập số liệu và hoàn thiện Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT. - Viết Báo cáo TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công, thu thập và sắp xếp minh chứng đáp ứng cho các tiêu chí, đồng thời upload minh chứng lên onedrive. - Hoàn thiện BCTĐG lần 1. - Họp Hội đồng thông qua BCTĐG. - Công bố BCTĐG trong toàn trường, thu thập ý kiến đóng góp từ các bên liên quan. - Hoàn thiện BCTĐG theo góp ý của Hội đồng và các bên liên quan (Dự thảo lần cuối). 	Thư ký chương trình và các đơn vị liên quan	Ban thư ký Hội đồng
Từ ngày 19/02/2024 đến ngày 29/02/2024	Báo cáo Cục Quản lý chất lượng và tiến hành gửi hồ sơ cho TTKĐ thẩm định BCTĐG.	Phòng Khảo thí và QLCL	Ban Giám hiệu
Từ ngày 01/3/2024 đến ngày 25/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các bước đánh giá ngoài theo thủ tục và các mốc thời gian quy định. - Đón nhận giấy chứng nhận chất lượng. 	Phòng Khảo thí và QLCL, các khoa, viện đào tạo liên quan	Ban Giám hiệu

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách báo cáo Ban Giám hiệu (qua Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng) để xem xét, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, KTQLCL, QTKD.


Phạm Tiến Đạt

